

LỜI NÓI ĐẦU

Tác giả quyển Đông Phương huyền bí, ông Paul Brunton, đã cho chúng ta thấy những khía cạnh ẩn giấu của đời sống tâm linh Ấn Độ, với những vị đạo sĩ chân tu và những đền đài cổ kính từ nghìn xưa vẫn tiêu biểu cho cái quốc hồn quốc túy của xứ ấy. Trong quyển Ai Cập Huyền Bí, tác giả còn đưa chúng ta đi xa hơn nữa. Trong chuyến du hành của ông sang xứ này, một người bạn bản xứ có nói với ông rằng, ở xứ Ai Cập ngày nay thật khó mà khám phá được một vài di tích của sự sinh hoạt tâm linh huyền bí và khoa Huyền môn thâm sâu kỳ diệu của thời cổ xưa. Tuy vậy, đó chính là cái mục đích những cuộc sưu tầm khảo cứu của một người hăng say và dốc lòng tầm đạo như ông Brunton.

Trong chuyến du hành sang Ai Cập, tác giả đã dày công thâm thập được nhiều kinh nghiệm huyền linh và thần bí. Ngoài ra tác giả còn trình bày những khía cạnh bí ẩn khác của xứ Ai Cập mà ngày nay ít người được biết đến và mô tả lại những cuộc điểm đạo trong các đền thờ, cùng khoa Huyền môn của một xứ sở có nền văn minh gần như cổ xưa nhất thế giới.

Tâm trạng của ông sau khi đến viếng xứ này có thể được diễn tả đúng như trong một câu ngụ ngôn cổ xưa của người La Mã: “Ai đã một lần uống nước sông Nile sẽ vĩnh viễn trở thành bạn hữu của những người dân sống bên bờ con sông vĩ đại ấy.”

Hy vọng cuốn sách sẽ mang đến cho bạn đọc những giây phút giải trí bổ ích và lý thú.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

CHƯƠNG 1

MỘT ĐÊM VỚI TƯỢNG THẦN SPHINX

Người du khách cuối cùng đã ra về; người hướng dẫn viên cuối cùng cũng đã lặp lại đến cả ngàn lần những điều hiểu biết của mình để giới thiệu cho những du khách ngoại quốc về xứ cổ Ai Cập. Một bầu lửa mệt mỏi và đoàn lạc đà bất kham đã lần bước chậm chạp trên đường về với những du khách cuối cùng trong ngày. Trong khung cảnh xứ Ai Cập, bóng hoàng hôn có một vẻ đẹp siêu nhiên và khó quên. Mọi vật đều thay màu đổi sắc, giữa khoảng trời đất bao la nổi bật lên những khoảng tương phản lạ lùng.

Tôi còn ngồi lại một mình trên bãi cát vàng, đối diện với pho tượng *Sphinx* hùng vĩ oai nghiêm tuyệt trần. Tôi nhìn một cách say mê cái cảnh tượng những màu sắc mỏng manh như sương phai mờ dần một cách nhẹ nhàng, trong khi mặt trời lặn đã cất đi những ánh vàng lộng lẫy trên nền trời Ai Cập. Những ánh lửa diêu huyền, nét huy hoàng tuyệt đối mà mặt trời lặn của châu Phi còn bỏ sót lại trong không gian, có

ai tiếp nhận bức thông điệp thiêng liêng của thiên nhiên mà không cảm nhận được trong giây lát niềm phúc lạc vô biên của sự sống? Niềm phúc lạc đó sẽ còn tồn tại khi con người chưa quá trụy lạc trong vòng trần gian ô trược, trong sự sa đọa tâm linh; và nó vẫn sẽ còn tồn tại khi con người còn biết yêu vàng thái dương này như là nguồn gốc của sự sống và của bao nhiêu màu sắc huy hoàng lộng lẫy xuất hiện trước mắt ta.

Cổ nhân xứ Ai Cập thật ra đã không kém minh triết khi họ tôn thờ RÂ, biểu tượng của mặt trời mà trong thâm tâm họ luôn xem như một vị thần...

Trong bối cảnh hoàng hôn Ai Cập, dưới một nền trời xám ngắt đã tối mờ dần, tôi nhìn pho tượng đá *Sphinx* mỗi lúc càng sậm màu, cho đến khi những tia nắng vàng sậm cuối cùng đã tắt hẳn và không còn chiếu vào gương mặt lạnh lùng bí hiểm của nó nữa. Hình thần tượng *Sphinx* nhô lên giữa bãi sa mạc mênh mông gương mặt khổng lồ, thân hình nằm duỗi ra, trải qua nhiều thế hệ đã từng gây sự sợ hãi cho những người Ả Rập dị đoan, và làm ngạc nhiên những người du khách hoài nghi, mà bằng chứng là những câu hỏi từ du khách khi lần đầu tiên con quái vật khổng lồ này xuất hiện trước đôi mắt kinh ngạc của họ.

Pho tượng đá bí hiểm mình sư tử đầu người này có một sức hấp dẫn rất lạ lùng và phức tạp đối với bao nhiêu thế hệ du khách. Nó là một sự bí mật đối với người Ai Cập và một bài toán bí hiểm cho toàn thế giới. Ai đã điêu khắc ra nó? Vào thời đại nào? Không ai biết được. Nhà Ai Cập học chuyên môn nhất cũng chỉ đưa ra những giả thuyết vu vơ về ý nghĩa và lịch sử của hình thần tượng *Sphinx*.

Dưới ánh sáng le lói cuối cùng của một ngày đã tàn, đôi mắt tôi ngừng lại trên đôi mắt bằng đá của pho tượng thần nhiên bất động. Nó đã từng thấy hàng bao nhiêu triệu người lần lượt đến trước mặt nó, với những cái nhìn im lặng và những câu hỏi không lời giải đáp, rồi bước chân ra về trong sự hoang mang! Nó đã từng thần nhiên lặng nhìn châu *Atlantide* bị tràn ngập dưới cơn đại hồng thủy và biến mất dưới lòng biển sâu. Cái nụ cười thoảng qua của nó đã từng chứng kiến công trình vĩ đại của vua *Mena*, vị quốc vương Ai Cập đầu tiên đã đổi hướng dòng sông *Nile* yêu quý của người Ai Cập chảy qua một hướng khác. Cái nhìn im lặng đượm mùi mẩn tiếc của nó từng thấy nhà tiên tri *Moise*, nghiêm cẩn và ít nói, từ già nó lần cuối cùng. Câm lặng và đau thương, nó đã nhìn thấy những nỗi khổ đau của xứ Ai Cập bị tàn phá, suy vong sau cuộc xâm lăng

của bạo chúa *Cambyse*, hoàng đế nước Ba Tư. Có lẽ vừa thích thú vừa khinh bỉ, nó từng nhìn thấy nữ hoàng *Cléopâtre* đẹp lộng lẫy và kiêu hãnh trong chiếc thuyền rồng mũi nạm vàng, buồm may bằng nhung đỏ thắm và mái chèo đúc bằng bạc. Nó từng sung sướng nhìn thấy đức *Jesus* trên đường đi tìm đạo lý phương Đông để chuẩn bị chờ ngày thi hành sứ mạng, ngày mà đức Chúa Cha gửi Ngài đi truyền bá cho thế gian một thông điệp thiêng liêng về đức nhân từ bác ái.

Như một kẻ báo hiệu không lời, biểu tượng *Sphinx* chào mừng *Bonaparte*, khí cụ của định mệnh các nước Âu Châu, trước khi tên gọi *Napoleon* nổi bật lên làm lu mờ những tên khác, và ngay khi ông ta hãy còn là một nhân vật chưa tên tuổi, chưa đặt chân xuống chiến thuyền *Bellérophon* để sang chinh phục xứ Ai Cập. Nó cũng nhìn thấy, với ít nhiều bi ai, toàn thể thế giới chú ý đến Ai Cập khi ngôi lăng tẩm của một vị *Pharaoh*,¹ vua Ai Cập thời cổ bị khai quật để cho người đời tọc mạch nhìn xem xác ướp của vua với những đồ ngọc ngà châu báu.

Thật vậy, đôi mắt bằng đá của pho tượng đã từng

¹ Pharaoh trong tiếng Ai Cập có nghĩa là ngôi nhà lớn. Ban đầu, danh xưng này được dùng để chỉ cung điện của các vị vua đang cai trị, nhưng về sau nó được dùng để chỉ chính các vị vua đó. Vì thế, trong tiếng Ai Cập Pharaoh mang nghĩa tương đương với vua, hoàng đế...

chúng kiến những điều đó và nhiều điều khác nữa. Nhưng bây giờ nó nhìn thấy gì? Không màng để ý đến kẻ thế nhân phạm tục đang bôn tẩu trên đường lợi danh, thản nhiên trước những nổi sung sướng, khổ đau của nhân loại, hình như biết rõ cái định mệnh đã ghi sẵn tất cả mọi biến cố lớn của trần gian, đôi mắt bằng đá kia nhìn thẳng vào cõi vô cùng...

Hình thần tượng *Sphinx* đang chuyển dần từ màu xám sang màu đen, rồi một màu đen như mực, vì nền trời đã mất cái nét xám bạc của lúc ban chiều. Tất cả đều đắm chìm trong đêm tối, chúa tể của sa mạc. Nhưng pho tượng vẫn còn hấp dẫn sự chú ý của tôi và làm cho tôi bị thu hút như do mãnh lực của một luồng điện vô hình. Đó là vì tôi cảm thấy như màn đêm rủ xuống đã đem pho tượng trở về nguyên quán của nó. Cái bối cảnh đen tối âm u đó mới đúng là cái bối cảnh thực sự của nó. Những gì là thần bí của một đêm Châu Phi tạo cho nó một bầu không khí thích hợp hơn. Cũng trong những giờ ban đêm mà *Râ* và *Horus*; *Isis* và *Osiris*, những vị thần linh của xứ cổ Ai Cập, luôn trở về với nhân gian.

Tôi nhất định đợi lúc trăng lên và sao mọc để nhìn thấy một lần nữa cái chân tượng của hình thần tượng *Sphinx*. Tôi ngồi một mình giữa đồng cát bao la nhưng không cảm thấy cô đơn. Thật vậy, cảm giác cô đơn hiu quạnh không thể nào có được với tôi. Ban

đêm, tôi có thể ngắm hình thần tượng *Sphinx* từ một khía cạnh mà rất ít người du khách được nhìn thấy. Tạc trong khối đá, in trên nền trời xanh như chàm, cao bằng một ngôi nhà lầu bốn tầng, con sư tử đầu người khổng lồ vươn mình nằm dài trong thung lũng của đồng cát. Dưới ánh trăng sao vừa ló dạng, những nét hùng vĩ của nó hiện rõ dần dần. Đó là cái biểu tượng lạ lùng của một xứ Ai Cập mà nguồn gốc bí ẩn được truy nguyên đến những thời đại xa xăm vô định.

Giống như một con vật nằm canh gác những bí mật của thời tiền sử, nghĩ đến những thế hệ của châu *Atlantide* mà ký ức mỏng manh của người đời không còn lưu giữ nổi, pho tượng đá khổng lồ chắc sẽ còn tồn tại mãi qua mọi thế hệ văn minh của loài người, và cũng sẽ giữ nguyên vẹn không hề tiết lộ sự bí mật nội tâm của nó. Gương mặt khắc khổ và uy nghiêm của nó không phản ánh một điều gì, đôi môi khép chặt của nó vẫn giữ một sự im lặng muôn đời.

Nếu pho tượng *Sphinx* có giữ gìn cho nhân loại một thông điệp ẩn giấu nào mà nó đã chuyển đạt qua nhiều thế kỷ cho một số rất ít người hữu hạnh, có một năng khiếu linh cảm khác thường, thì điều bí mật đó có lẽ cũng sẽ được nhấn nhủ thầm bên tai của người thí sinh tâm đạo.

Đêm tối dành cho hình thần tượng *Sphinx* một khung cảnh tuyệt hảo. Ở phía sau, bên mặt và bên trái pho tượng là “*thành phố của người chết,*” một khoảng đất rộng đầy đầy những nấm mộ hoang cùng lăng tẩm. Chung quanh vùng cao nguyên lỏm chỏm những núi đồi và đá tảng nhô lên từ dưới đồng cát ở phía nam, phía tây và phía bắc pho tượng *Sphinx*, những lăng tẩm và mồ mả được xây cất để chứa những cỗ quan tài đựng hài cốt và xác ướp của những vị vua chúa, các vị đại thần và chức sắc của triều đình hay tôn giáo của xứ Ai Cập thời cổ.

Không một ngôi lăng tẩm nào mà khi bước vào người ta không thấy cỗ quan tài bị bật nắp ra và những đồ vàng ngọc châu báu tô điểm xác ướp đã bị lấy đi mất. Sự cướp bóc này xảy ra cùng lúc với sự khai quật các nấm mồ trong những cuộc đào xới để khảo cổ. Người ta chỉ để lại tại chỗ những pho tượng nhỏ và những bình, vại chứa đựng ruột gan của những xác chết đã được ướp bằng hương liệu.

Ngay ở xứ Ai Cập thời cổ cũng đã có những kẻ trộm đào mồ. Khi dân chúng nổi loạn chống giai cấp thống trị đang ngày càng trở nên suy tàn, họ trả thù bằng cách khai quật mồ mả và cướp bóc nghĩa trang rộng lớn của nhà vua. Tại đây, những vị đại thần được vinh dự yên giấc nghìn thu bên cạnh xác ướp

của các bậc vua chúa mà họ đã phụng sự thuở sinh tiền. Một số ít những người chết mà xác ướp thoát khỏi bàn tay cướp bóc của những kẻ trộm đầu tiên, đã nằm yên nghỉ trong một thời gian khá lâu cho đến khi người Hi Lạp, người La Mã và người Ả Rập lần lượt thay phiên nhau đến đánh thức họ.

Những ngôi mộ, lăng tẩm nào thoát khỏi bị cướp bóc và khai quật trong những cuộc biến cố sau này, được yên nghỉ thêm một thời gian khá lâu nữa cho đến đầu thế kỷ 19, khi các nhà khảo cổ hiện đại ra công thám hiểm dưới lòng đất của xứ Ai Cập để tìm kiếm những gì mà kẻ trộm thời xưa còn bỏ sót lại chưa lấy đi.

Như thế há chẳng phải là tội nghiệp cho những bậc vua chúa, vương hầu bất hạnh của thời xưa lắm sao? Tuy xác ướp của họ còn nằm đó mà đã bị người ta khai quật mồ mả và cướp bóc kho tàng. Dầu cho không bị đập tan ra từng mảnh do bàn tay bạo tàn của những kẻ trộm bảo vật, nhưng những xác ướp đó cũng đã bị giam cầm trong các bảo tàng viện để làm thỏa mãn sự tò mò và làm mục tiêu dị nghị bình phẩm của mọi người.

Đó là cái bối cảnh rùng rợn của thần tượng *Sphinx* khi nó vươn mình và nhô đầu lên trong cô đơn tịch mịch giữa đồng cát. Nó đã từng quan sát những hầm

tối trong “*thành phố của xác chết*”, lần lượt bị sự cướp bóc của người dân Ai Cập nổi loạn và quân xâm lăng Ả Rập. Vị quản thủ cổ vật Ai Cập tại Bảo tàng viện Anh quốc (*British Museum*) là ông *Wallis Budge* đã không làm ai phải ngạc nhiên khi đi đến kết luận rằng:

– Thần tượng *Sphinx* là để đuổi tà ma ra khỏi những nghĩa địa và lăng tẩm ở vùng chung quanh.

Cũng không ai ngạc nhiên khi thấy rằng từ 3.400 năm trước, vua *Thoutmès IV* của Ai Cập đã cho khắc vào một tảng đá lớn đặt ngay trước ngực pho tượng *Sphinx* hàng chữ rằng:

“*Một bí mật linh thiêng đã từng bao phủ vùng này từ lúc sơ khởi, vì gương mặt của pho tượng Sphinx là biểu tượng của thần Khepera, vị thần của sự bất tử, chủ tể các vị thần linh và ngự trị vùng này. Dân chúng ở thành Memphis và ở khắp các địa phương khác cùng đưa tay lên để cầu nguyện trước mặt Ngài.*”

Như vậy, không ai còn lạ gì mà thấy dân Ả Rập ở làng *Gizeh* gần bên có nhiều truyền thống rất dồi dào về những chuyện vong linh và âm hồn thường lớn vồn ban đêm trong bầu không khí chung quanh

thần tượng *Sphinx*, một nơi mà họ cho rằng có nhiều ma nhất thế giới! Phải chăng, bằng cách ướp xác những nhân vật quyền quý của thời xưa, người cổ Ai Cập đã kéo dài trong một thời gian vô hạn định sự tiếp xúc giữa những vong linh thời cổ với nhân loại chúng ta ngày nay?

Quả thật, ban đêm là lúc mà người ta có thể ngắm nhìn thần tượng *Sphinx* một cách thú vị nhất. Vì dường như ban đêm là lúc mà cảnh giới âm linh có vẻ gần gũi với ta hơn. Tâm hồn ta sẵn sàng mở rộng đối với những cảm giác bất ngờ, trong khi ở chung quanh ta, dưới màn đêm bao phủ, thậm chí những hình thể vật chất thô kệch cũng khoác lấy một vẻ mờ ảo u huyền.

Màn trời ban đêm đã trở thành màu chàm pha lẫn màu đỏ thắm, một thứ màu thần bí phù hợp với sự tìm tòi thám hiểm của tôi. Đêm tối kéo dài một cách từ từ, êm ả và cảm lặng như một con beo rình mồi, nếu người ta không để ý đến những tiếng rú rùng rợn gần giống như tiếng người của vài con beo đốm trong sa mạc, là những tiếng động duy nhất điểm giờ khắc trôi qua.

Chúng tôi vẫn ngồi đó – thần tượng *Sphinx* và tôi. Dưới ánh sao vàng vạc của nền trời châu Phi, sự giao cảm giữa chúng tôi mỗi lúc một thêm sâu đậm;

từ sự quen biết nhau, chúng tôi tiến đến tình bạn, có lẽ chúng tôi đã bắt đầu hiểu nhau ít nhiều.

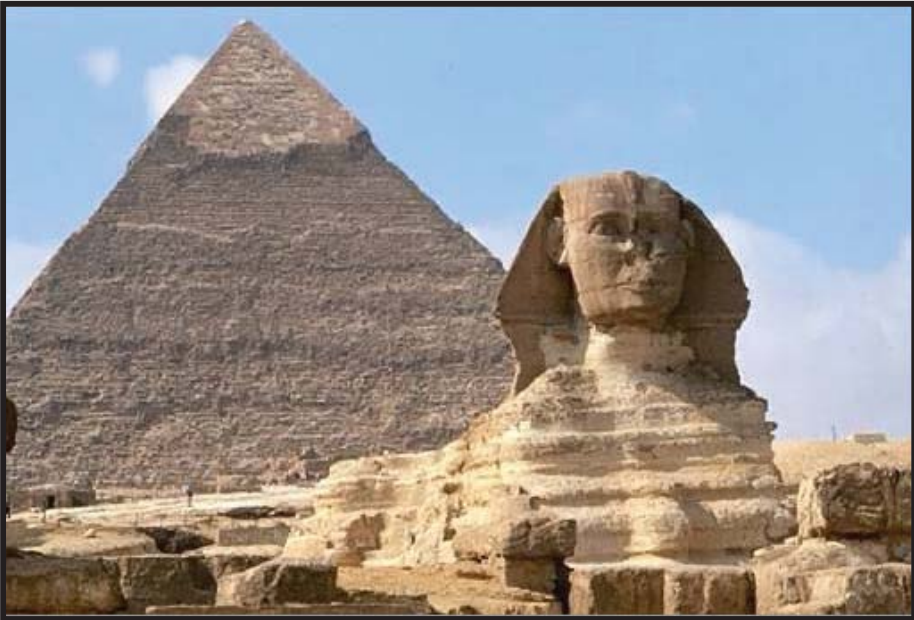
Khi tôi đến với nó lần đầu cách đây vài năm, nó nhìn ra chỗ khác, yên lặng và khinh ngạo. Khi ấy tôi không là gì đối với con vật khổng lồ này cả, chẳng qua chỉ là một kẻ phàm tục như bao nhiêu người khác, là những sinh vật hiếu động đi trên hai chân, được tích hợp từ những yếu tố kiên cường, tự mãn, những dục vọng phù phiếm và những tư tưởng điên rồ.

Về phần mình, tôi đã tưởng nó là biểu tượng của một chân lý mà chưa ai tìm ra, một biểu tượng khổng lồ bí hiểm mà mọi lời cầu nguyện đều không được đáp ứng, mọi câu hỏi đều không được giải đáp và rốt cuộc chỉ rơi vào hư vô. Tôi đã bước ra về, hoài nghi và thất vọng hơn trước, chán nản cõi trần gian tục lụy và lòng tràn ngập những nỗi niềm cay đắng. Nhưng điều đó cũng không phải là vô ích khi ngày tháng trôi qua. Cuộc đời chính là sự giáo dục tâm linh và vị thầy dạy của tất cả chúng ta. Vị thầy vô hình này đã dạy cho tôi biết những điều quan trọng. Tôi đã hiểu rằng thế giới này của chúng ta không thể hiện hữu trong không gian mà không có mục đích.

Tôi đã trở lại với thần tượng *Sphinx* với một tâm hồn chín chắn và sáng suốt hơn. Ở lại ban đêm bên cạnh nó trên đồng cát xứ Ai Cập, tôi ngồi tĩnh tọa,

hai chân xếp bằng và cố gắng thiên định để suy gẫm về ý nghĩa huyền bí của hình tượng khổng lồ này.

Cả thế giới đều biết đến thần tượng *Sphinx* và nhận ra gương mặt hủy hoại tàn phá của nó. Nhưng điều mà thế giới không hề biết được là bằng cách nào và từ bao giờ mà nó được tạc thành trong tảng đá đồ sộ nhô lên giữa đồng cát; và những bàn tay kỳ diệu nào đã biến khối đá hùng vĩ ấy thành một pho tượng khổng lồ như thế. Khoa khảo cổ vẫn im lặng, các nhà bác học nghiêng đầu suy nghĩ với một sự hoang mang thâm lặng, vì họ phải gạt bỏ cả một loạt những giả



Thần tượng Sphinx và Đại Kim Tự Tháp

thuyết mong manh mà từ trước đến nay họ đã từng nêu ra một cách quả quyết và tin tưởng. Họ không còn dám đưa ra một cái tên nhất định, cũng không dám mạo hiểm nêu ra một ngày giờ chắc chắn. Họ không còn nói rằng thần tượng *Sphinx* là công trình của vua *Khafra* hay vua *Khoufou*, vì họ nhận thấy các tài liệu cổ tạc trên đá chứng minh rằng pho tượng đã có sẵn từ trước triều đại của các vị vua này. Việc sưu tầm các di tích cổ do những cuộc đào xới phát hiện được đã đưa ra ánh sáng một bản cổ tự đề cập đến hình thần tượng *Sphinx* như một công trình điêu khắc mà nguồn gốc đã mất đi trong vực thẳm của thời gian, và người ta chỉ tình cờ khám phá ra được sau một thời gian bị chôn lấp dưới bãi cát của sa mạc và hoàn toàn bị lãng quên không còn ai nhớ đến.

Bản cổ tự này có xuất xứ từ triều đại thứ tư, gồm những vị vua trị vì xứ Ai Cập cách đây gần sáu nghìn năm. Đối với những vị vua ở vào thời kỳ cổ xưa ấy, biểu tượng *Sphinx* đã là một điều bí hiểm mà không ai biết được đã có từ lúc nào!



Khí trời ban đêm mang lại giấc ngủ, nhưng từ giờ này qua giờ khác tôi vẫn cố gắng đẩy lùi cơn buồn ngủ. Tuy nhiên, trong khi tiếp tục cơn thiên định suy tư, đôi mí mắt của tôi như nặng trĩu do sự phản ứng của cơ thể và tôi đã sắp thiếp đi. Bấy giờ, có hai mãnh lực tương phản đang kinh chống nhau để giành lấy sự khuất phục tôi. Một là sự ước muốn mãnh liệt được thức suốt đêm như để chia sẻ phần gác của con sư tử đá *Sphinx*. Hai là cái khuynh hướng để cho tinh thần lẫn thể xác của tôi tự thả trôi theo cái thú vị triền miên giữa cảnh vật trầm lặng và huyền ảo của đêm trường tịch mịch.

Sau cùng, tôi đã hòa giải được cả hai khuynh hướng đó. Theo sự thỏa hiệp này, tôi ngồi lim dim, đôi mắt hé mở chỉ còn là hai cái khe nhỏ xuyên qua đó tôi hầu như không còn nhìn thấy gì nữa, và thần trí mơ màng nửa tỉnh nửa mê, tôi để cho dòng tư tưởng đắm chìm trong một giấc mơ huyền diệu.

Tôi ngồi một lúc lâu như thế, tự thả trôi theo sự yên tĩnh triền miên khi mọi tư tưởng hầu như đã chấm dứt. Tôi mơ màng như thế được bao lâu, chính tôi cũng không biết rõ. Nhưng sau một lúc, tôi không còn nhìn thấy màu sắc gì nữa, mà thay vào đó là một cảnh tượng sống động diễn ra trước mắt tôi như một cuốn phim. Trong cảnh tượng đó, ánh trăng khuya chiếu xuống những tia sáng nhạt mờ huyền ảo...

Chung quanh tôi muôn nghìn gương mặt nắng r ám, da s ậm màu đ ạng l ằng x ằng hoạt đ ộng, kẻ tới người lui, kẻ thì đ ội trên đ ầu những r ỏ đá sạn, người thì tr ều lên hay bước xuống những giàn tre mỏng manh dựng lên sát cạnh một khối đá khổng lồ. Trong số đó có những người chỉ huy truyền lệnh cho những thợ thuyền, hoặc kiểm soát công việc của những người thợ đá đ ạng sử dụng búa r ều trên ngọn đ ồi mà họ t ạc theo một kiểu mẫu đã vạch sẵn. Những tiếng búa đ ục của họ gi áng xuống liên tiếp vang đ ội trong bầu không khí chung quanh. Tất cả những người lao công thợ thuyền này đều có một gương mặt dày d ạn phong trần, màu da đ ỏ s ậm hoặc vàng mà hơi xám. Họ có một cái môi trên dày và thân hình lực lưỡng.

Công việc của họ vừa xong, và tảng đá kiên cố hùng vĩ trên mặt đất trước kia nay đã hiện ra một một gương mặt người khổng lồ với thân hình là một con sư tử cực lớn, xem ra là một con quái vật dị kỳ đ ạng vươn mình trong một thung lũng lớn giữa đ ồng cát. Trên đ ỉnh đ ầu con quái vật, mà cái bờm vĩ đ ại đ ợn sóng phủ phía sau hai mép tai có đ ặt một cái đĩa tròn bằng vàng khối. Thần tượng *Sphinx*!

Những phu thợ đã biến mất. Cảnh vật trở lại l ặng im như một nắm mồ vô chủ. Khi đó tôi nhìn thấy một biển lớn đ ập sóng trong khoảng không

gian bên trái tôi, mà bờ biển chỉ cách đó độ một cây số. Trong cái im lặng đó có một cái gì rùng rợn, tôi cũng chưa kịp hiểu đó là gì cho đến khi từ trong lòng đại dương dậy lên một tiếng gầm kinh khủng và kéo dài, mặt đất chuyển động và rung rinh dưới chân tôi. Với một tiếng động long trời lở đất, nước biển dâng trào lên, một ngọn sóng lớn và cao như vách tường từ xa thình lình phóng nhanh tới chỗ tôi, và nuốt chửng cả con quái vật *Sphinx* với tôi.

Cơn đại hồng thủy!

Lại một cơn im lặng, nó kéo dài được bao lâu, trong khoảng một phút hay hàng thế kỷ, điều đó tôi không xác định chắc chắn được! Rồi bỗng nhiên tôi lại thấy mình ngồi dưới chân pho tượng đá.

Tôi nhìn chung quanh, không còn thấy biển nữa mà chỉ thấy một khoảng không rộng lớn đầy những ao đầm đã gần khô cạn, và rải rác đó đây những bãi muối rất lớn đang khô dần dưới ánh mặt trời. Và mặt trời ngự trị trên cao một cách ngạo nghễ, những bãi cát càng lúc càng lớn rộng thêm và càng nhiều hơn nữa. Vàng thái dương vẫn thản nhiên chiếu xuống những tia nắng chói chang cho đến khi nó làm khô hẳn những dấu tích ẩm ướt cuối cùng và biến khoảng không gian quanh tôi thành một vùng mênh mông rộng lớn đầy cát mịn và khô, thuần một màu vàng nhạt.

Bãi sa mạc!

Thần tượng *Sphinx* vẫn ngăm nhìn cảnh vật, đôi môi dày, rắn chắc và nguyên vẹn của nó hình như sắp nở một nụ cười, dường như nó cũng mãi nguyện với sự cô đơn độc chiếc. Thật là một sự hòa hợp tuyệt vời giữa con quái vật cô đơn với cảnh vật đìu hiu lạnh lẽ của vùng chung quanh. Dường như tinh thần đơn độc đã tìm thấy sự thể hiện xứng đáng của nó nơi con quái vật khổng lồ và thần nhiên này.

Thần tượng *Sphinx* vẫn nằm giữa đồng cát như thế cho đến khi một đoàn tàu từ xa tiến đến và ngừng lại trên bờ sông, thả lên bờ một nhóm người. Nhóm người này từ từ tiến đến gần, cúi rạp xuống lạy hình thần tượng và thốt ra những lời cầu nguyện đầy vẻ vui tươi an lạc.

Kể từ ngày ấy, sự im lặng thần tiên đã gián đoạn. Người ta bắt đầu dựng lên những nhà cửa ở vùng thung lũng gần bên, các bậc vua chúa cùng với triều đình và tầng lớp lữ lượt kéo đến chiêm bái thần tượng *Sphinx*, chúa tể của sa mạc và một vị vua không có triều đình! Tới đây, cái linh ảnh hiện ra trong trí tôi bỗng chấm dứt. Nó vụt tắt như ngọn lửa tàn lụi của một cái đèn hết dầu.

CHƯƠNG 2

THẦN CANH GIỮ SA MẠC

Ắc vì tinh tú vẫn đua nhau chớp trên nền trời xanh thẫm. Con trăng thượng tuần vẫn tiếp tục chiếu rạng trên đỉnh đầu chúng tôi. Thần tượng *Sphinx* có vẻ như biến đổi màu sắc nhưng vẫn vươn mình một cách hùng dũng dưới ánh trăng bạc. Tôi day đầu nhìn qua bên trái là nơi mà trong linh ảnh vừa rồi tôi đã nhìn thấy biển cả gầm thét như sấm động và nuốt trôi cả vùng đất liền.

Một con dơi, có lẽ lầm tưởng tôi là phiến đá vô tri bất động như cái bối cảnh chung quanh, vỗ đôi cánh bay xẹt ngang sát cạnh đầu tôi rồi vụt mất, làm cho tôi có một cảm giác ghê tởm và rờn rợn chạy dọc theo trong xương sống. Tôi nghĩ có lẽ nó vừa chui ra từ trong một nắm mồ chôn xác ướp mà người ta vừa khai quật ở vùng gần bên.

Tôi ngắm nhìn cái đồng cát mênh mông chiếm trọn một diện tích hơn ba triệu rưỡi dặm vuông của vùng sa mạc *Sahara*, kéo dài đến tận chân trời rồi

nối liền với một dãy núi đồi dài dựng đứng như thành quách, che chở xứ Ai Cập và vùng châu thổ sông *Nile*. Thiên nhiên dường như cố ý dựng lên những dãy đồi của xứ *Libye* để bảo toàn cho Ai Cập khỏi bị chôn vùi dưới đồng cát của bãi sa mạc này.

Mối nguy cơ đó là một sự thật hiển nhiên. Mỗi năm, vào đầu mùa xuân, một trận cuồng phong với sức mạnh và tốc độ kinh khủng, khai chiến với vùng Bắc Phi và thổi mạnh như vũ bão từ bờ biển Đại Tây Dương, xuyên qua trọn cả vùng lục địa Châu Phi. Chẳng khác nào một đạo binh xâm lược khát máu và bạo tàn, trận gió lớn ấy đi đến đâu thì cát bụi dậy theo đến đấy. Những cơn trốt xoáy cuốn cát bụi đi theo thành những cơn bão cát gieo sự tàn phá khắp nơi, chôn lấp nhà cửa, dinh thự, đền đài, và thậm chí chôn vùi trọn cả những thành phố. Đó là sức mạnh của những hạt cát vàng, ngự trị khắp vùng này như một lãnh chúa quyền uy vô địch.

Sức mạnh của những cơn bão cát có thể làm cho nền trời hoàn toàn sẫm tối và che khuất cả mặt trời. Những cơn trốt xoáy cuốn cát bụi lên dày đặc như sa mù ở Luân Đôn và di chuyển hết tốc lực, rồi nếu không có gì ngăn chặn, nó sẽ quét sạch và chinh phục mọi chướng ngại trên đường đi tới.

Tôi nhìn pho tượng đá *Sphinx*, những nét trên mặt nó chỉ hiện ra một cách mờ ảo dưới ánh sao khuya,

nhưng cái miệng của nó, bề rộng có đến hai thước, như đượm một vẻ bi thương đến mức gần như rùng rợn, khác hẳn với nụ cười hồn nhiên của nhân vật hiện ra trong linh ảnh của tôi khi này, là biểu tượng *Sphinx* của buổi sơ khai, của thời đại *Atlantide*.

Những cơn gió bão của sa mạc thổi với tốc độ cuồng loạn đã tàn phá gương mặt của nó, cùng với sự hủy hoại do bàn tay phũ phàng thô bạo của những kẻ phạm phu không hề biết kính trọng thánh thần!

Điều tất nhiên là những cơn bão cát đã tấn công hình tượng này, khi thì âm thầm che lấp bao phủ, khi thì ào ào cọ sát với cơn thịnh nộ của vũ bão. Nó đã từng bị chôn lấp hay chằng? Điều đó đã không còn phải nghi ngờ gì nữa. Tôi nhớ đến giấc mộng huyền bí mà vua *Thoutmès IV* đã kể lại bằng chữ ám tự (*Hiéroglyphes*) khắc trên phiến đá đồ dựng lên giữa hai chân con sư tử đá. Tôi cũng nhớ lại lời than thở của nó trong giấc mộng của nhà vua vừa kể, khi nó bị cát chôn lấp đến cổ:

– Cát sa mạc đã chôn lấp ta (vị thần che chở của nó nói), ta càng ngày càng bị chôn sâu hơn. Hãy mau ra tay dẹp cát đi, rồi ta sẽ xem các người như con ta và như người trợ giúp ta.

Khi tỉnh giấc, vua *Thoutmès* nghĩ thầm rằng:

– Dân chúng trong thành chỉ biết tôn sùng vị

thần này, mà chưa một người nào từng nghĩ đến việc giải tỏa pho tượng của ngài khỏi bị cát chôn lấp.

Những hình vẽ trên phiến đá vẽ cảnh nhà vua đang dâng hương cho thần tượng *Sphinx*, kế đó là bài tường thuật giấc mộng lạ lùng của nhà vua, khắc bằng chữ ám tự:

“Hoàng thân Thoutmès cùng vài người bạn đi săn trong vùng Gizeh, ở ven sa mạc. Trên đường về hướng nam, hoàng thân đã tập bắn cung vào những tấm bia bằng đồng, săn sư tử và các loại thú dữ của sa mạc, và tập dong xe với những con tuấn mã chạy nhanh hơn gió. Vào lúc giữa trưa, hoàng thân ngừng cuộc du hí vì đã quá mệt mỏi. Sau khi dùng cơm trưa xong, người muốn nghỉ ngơi đôi chút, bèn cho kẻ tùy tùng lui bước. Trước khi nằm nghỉ, hoàng thân đọc kinh cầu nguyện các thần linh. Trong giấc ngủ mê, thần Thái Dương Râ nói với hoàng thân như một người cha nói với con: – Ta nhìn thấy con đây, Thoutmès, con hỡi! Ta là Herou Khout cha của con, ta muốn cho con giang sơn này. Con sẽ kế nghiệp trên ngai vàng, giang sơn bờ cõi này sẽ thuộc về con tất cả, con sẽ sở hữu những tài nguyên phong phú của xứ Ai Cập và những lân quốc sẽ đem đồ bảo vật đến cống hiến cho con!”

Giấc mộng kết thúc bằng lời kêu gọi khẩn thiết hãy giải tỏa thân tượng *Sphinx* ra khỏi đồng cát phủ phàng nếu hoàng thân muốn kế nghiệp giang sơn Ai Cập như đã hứa. Hoàng thân *Thoutmès* bèn triệt để tuân theo những lời kêu gọi trong giấc mộng, và dùng một số nhân công rất lớn để giải tỏa những đồng cát bao phủ thân tượng *Sphinx* ngập lên đến ngực.

Hérou-Khout, vị thần linh che chở hình biểu tượng *Sphinx* đã giữ đúng lời hứa. Hoàng thân được truyền ngôi và lên làm vua xứ Ai Cập, vượt qua cả những người anh lớn trong hoàng gia. Sau khi lên ngôi, *Thoutmès IV* đã đem quân đi chinh phạt các lân quốc, luôn luôn thắng trận và mở rộng bờ cõi, hình thành một đế quốc gồm thâu luôn cả xứ *Mésopotamie* ở phía đông, xứ *Nubie* ở phía nam, xứ *Lybie* ở phía tây, trong khi những đồ bảo vật cống hiến được đưa đến từ xứ *Ethiopie*, đúng như giấc mộng đã tiên đoán.

Dưới triều đại của nhà vua, tài nguyên sung túc, quốc gia phồn thịnh, nền văn minh Ai Cập đạt tới một trình độ cao tột chưa từng có, thật cũng hoàn toàn đúng như lời báo trước trong giấc mộng.

Những sự việc kể trên không phải là chuyện huyền thoại hoang đường, mà là những sự kiện có thật trong lịch sử. Vì người cổ Ai Cập, hơn cả những dân tộc khác của thời đại cổ xưa, đã chép sử một cách chu đáo, xác thực và tinh vi đến nỗi những sự

việc xảy ra trong lịch sử của họ được khắc sâu trên những tảng đá, để có thể tồn tại lâu bền hơn giấy mực và sách vở.



Những đốm sao đã lần lượt biến mất trên nền trời xanh đậm. Tôi hiểu rằng đêm thức sáng trắng của tôi đã gần chấm dứt. Tiết trời ban đêm khá lạnh, nhưng tôi lại cảm thấy cổ họng khô và nóng. Một lần nữa, tôi đưa mắt nhìn thần tượng bằng đá uy nghiêm, tượng trưng một cách tuyệt diệu cho đáng thần minh cảm lạng và tối cao có phận sự chăm nom gìn giữ bầu thế giới. Phải chăng tôi vừa lật ra được một trang bí sử của thời tối cổ Ai Cập? Có ai dám ước đoán tuổi của thần tượng *Sphinx*? Nếu người ta chấp nhận rằng nguồn gốc của nó truy nguyên ở châu *Atlantide*, làm sao có thể định cho nó một năm tháng ngày giờ nhất định?

Tuy vậy tôi không có lý do để loại bỏ cái nguồn gốc đó, nó đã được phác họa một cách sơ lược trong linh ảnh của tôi dưới ánh sao khuya. Châu *Atlantide* không còn là một chuyện hư ảo của những triết gia Hy Lạp, những tảng lữ Ai Cập và những bộ lạc thổ dân châu Mỹ. Không thiếu gì những nhà bác học, mỗi vị tiêu biểu cho ngành học thuật chuyên môn của

mình, đã thu lượm hàng trăm bằng chứng cụ thể để chứng minh rằng châu áy có thật. Tôi cũng hiểu rằng, khi thần tượng *Sphinx* được tạc trong khối đá thì vùng châu thổ chung quanh không thể đã bị cát bao phủ, vì với sự chướng ngại của đồng cát, một công trình vĩ đại như thế không thể nào thực hiện được. Như vậy điều hợp lý nhất là người ta phải nhìn nhận rằng công trình điêu khắc này đã có trước khi đồng bằng châu thổ bị cát chôn lấp, khi vùng sa mạc



Thần tượng Sphinx (trên trụ đá ở giữa) được thể hiện trên một bình cổ Ai Cập (Khoảng thế kỷ 5 trước Công nguyên)

Sahara đang còn là một biển lớn, và ở phía ngoài vùng biển đó là một lục địa đã có một định mệnh bi thảm, tức châu *Atlantide*.

Dân Ai Cập thời tiền sử, những người đã tạc thân tượng *Sphinx* và là chủ nhân của nền văn minh cổ nhất thế giới, đã từ châu *Atlantide* đến lập quốc tại vùng châu thổ sông *Nile* trong một cuộc di cư khổng lồ. Cuộc di cư đó có thể đã được thực hiện trước khi châu *Atlantide* sụp đổ và chìm sâu xuống đáy Đại Tây Dương, một cơn tai biến mà hậu quả là làm cho biển lớn khô cạn và trở thành một vùng sa mạc mênh mông.

Những vỏ sò, vỏ hến rải rác ở nhiều nơi và những bộ xương cá khổng lồ mà người ta tìm thấy chôn vùi dưới cát chứng tỏ rằng đồng cát này ngày xưa chính là đáy đại dương trôi lên. Thật cảm động thay khi biết rằng thân tượng *Sphinx* là một sợi dây liên lạc bền vững, cụ thể, bất biến giữa những thế hệ của nhân loại chúng ta ngày nay với những thế hệ cổ xưa của một thế giới đã suy tàn, thế giới của người *Atlante* đã biệt tích!

Đối với thế giới hiện đại, biểu tượng này đã mất đi cái ý nghĩa ban đầu. Nó chỉ còn là một kỳ quan của địa phương, thế thôi. Nhưng nó đã từng có ý nghĩa gì đối với người *Atlante*? Để có một ý niệm đại cương, người ta phải sưu tầm những di tích văn minh

mà những dân tộc thuộc nguồn gốc châu *Atlantide* đã để lại. Người ta phải truy nguyên, qua những nghi lễ đã suy tàn hoặc biến dạng của những thổ dân *Incas* hay *Mayas*, đến sự thờ phượng thuần khiết hơn thuộc về tổ tiên của các dân tộc này. Những sự sưu tầm đó giúp ta khám phá ra đối tượng cao nhất của sự thờ phượng đó là ánh sáng, biểu hiện bởi mặt trời. Bởi lẽ đó, họ dựng lên khắp nơi bên châu Mỹ thời cổ những ngôi đền hình kim tự tháp để thờ mặt trời. Những ngôi đền đó đều là những kiến trúc đồng một kiểu, hoặc có sửa đổi hình dáng chút ít, với những ngôi đền tương tự đã từng có ở châu *Atlantide*.

Khi *Platon* đến Ai Cập để học đạo tại thành *Heliopolis* trong mười ba năm, những vị tăng lữ Ai Cập, thường vẫn rất dè dặt đối với ngoại nhân, đã ban cho người đệ tử Hy Lạp trẻ tuổi và hăng say này cái hân hạnh là được nhận truyền thụ những giáo điều rút trong kho tài liệu bí mật mà họ giữ gìn rất kỹ lưỡng. Trong số những điều tiết lộ, họ nói cho ông biết rằng một kim tự tháp lớn, nóc bằng, từ xưa đã được xây dựng tại trung tâm đảo *Atlantide* và trên nóc bằng đó, người ta đã dựng lên ngôi đền chính của vùng lục địa để thờ phụng thần Thái Dương.

Những người *Atlante* di cư sang Ai Cập đem theo nền tôn giáo của họ và xây dựng tại đây những ngôi đền cùng một kiểu như ở *Atlantide*. Cái di sản đó của

người *Atlante* có thể biểu lộ những đặc tính của nó ngày nay ở những cột trụ khổng lồ nơi các cổng đền và những lăng tẩm hình kim tự tháp ở Ai Cập.

Ngoài ra, thần Mặt Trời luôn luôn chiếm một vị trí hàng đầu trong các vị thần của Ai Cập. Người *Atlante* cũng đem vào Ai Cập kỹ thuật điêu khắc đại qui mô cùng cái thẩm mỹ tạc tượng khổng lồ bằng đá. Những đền cổ đã điêu tàn ở *Mehico*, *Pérou* và *Yucatan* do người *Atlante* dựng lên được xây bằng những khối đá to lớn với những chỗ ráp nối rất tinh vi khéo léo, có một kiểu kiến trúc giống như của Ai Cập, cũng như những tượng thần khổng lồ bên trong các thánh điện ở các xứ ấy và ở Ai Cập đều có những nét tương tự như nhau.

Như thế, một điểm sáng nhỏ đã lóe lên trong cuộc sưu tầm của chúng ta về ý nghĩa của thần tượng *Sphinx*. Người *Atlante* ở xứ cổ Ai Cập có lẽ muốn dựng nó lên như một pho tượng vĩ đại nhất, hình ảnh của một ý niệm thiêng liêng nhất ghi trong ký ức của họ, mà họ muốn hiến dâng cho vị thần của ánh sáng, tức thần Mặt Trời. Có lẽ họ cũng đã dựng lên ở một nơi nào đó ngôi đền của vị thần ấy, ngôi đền này đối với họ cũng phải là ngôi đền vĩ đại nhất và cao trọng hơn tất cả mọi ngôi đền khác.

Thần tượng *Sphinx* bằng đá là biểu tượng tôn quý của một giống người tôn thờ ánh sáng như một cái gì

gần nhất với thiên liêng. Ánh sáng là một vật thể tinh vi, tế nhị nhất trong những sự vật mà con người có thể cảm xúc được bằng một trong năm giác quan. Đó là vật thanh nhẹ nhất mà khoa học có thể nhận biết bằng thực nghiệm; những luồng quang tuyến khác nhau đều là những loại ánh sáng rung động với tốc độ ngoài phạm vi tiếp nhận được bởi giác quan tự nhiên của con người. Trong quyển “*Tạo thiên lập địa*” cũng nói rằng ánh sáng là vật được sáng tạo trước tiên; không có nó thì không có sinh vật nào sống được. *Moise* đã viết trong quyển sách này:

– *Tinh thần của Thượng đế lướt trên mặt của vực thẳm, và Thượng đế nói: “Ánh sáng hãy hiện ra!” Và ánh sáng mới có.*

Phải chăng đó cũng là một biểu tượng hoàn hảo của ánh sáng thiên liêng xuất hiện từ chỗ sâu thẳm nhất của linh hồn khi con người hiến dâng trọn vẹn cả tâm hồn lẫn trí tuệ của mình cho Thượng Đế? Từ nơi mặt trời phát sinh ra ánh sáng, rồi ánh sáng mới tỏa ra khắp thế gian. Không có mặt trời, muôn loài vạn vật sẽ vĩnh viễn đắm chìm trong đêm tối rùng rợn, không còn cây cối thảo mộc, không còn gặt hái mùa màng, thậm chí loài người sẽ không còn tồn tại và sẽ biến mất khỏi mặt đất.

Nếu sự tôn thờ ánh sáng và mặt trời là cái nguyên lý chính yếu của nền tôn giáo châu *Atlantide*, nó cũng

chiếm một địa vị tương đương trong nền tôn giáo cổ Ai Cập. *Râ*, thần Thái Dương, là vị chủ tể, là cha và đấng sáng tạo của tất cả các vị thần linh khác, là đấng sáng tạo ra vạn vật, bất sinh bất diệt.

Nếu thần tượng *Sphinx* thuộc về tôn giáo của ánh sáng, thì chắc hẳn nó cũng phải có liên hệ đến mặt trời. Vì sau khi tôi quay sang phía mặt trời mọc, tôi mới nhớ lại cái đĩa bằng vàng trong linh ảnh hiện ra trong trí tôi hồi đêm, và sự liên hệ đó xuất hiện ra với tôi mau như chớp nhoáng. Để thử lại cho chắc chắn, tôi mới xem kỹ lại một vật mà tôi đeo ở cổ tay phải, cái la bàn dạ quang, nó là một hướng dẫn viên chắc chắn và bạn tốt của tôi. Và tôi nhận thấy ngay rằng thần tượng *Sphinx* quay mặt đúng về hướng đông, đôi mắt vô tri giác của nó nhìn thẳng vào chỗ mà vầng thái dương bắt đầu xuất hiện mỗi ngày trên chân trời!

Việc định hướng đông là để tượng trưng cho sự sống tái diễn không ngừng; cũng y như thế, những lăng tẩm của các nhà vua Ai Cập được xây cất trên bờ phía tây sông *Nil* để tượng trưng cho sự sống đã qua, giống như mặt trời lặn.

Cũng như mặt trời lên cao tận giữa trời, thì con người, sau khi được phục sinh, sẽ thăng hoa lên cõi tinh thần. Cũng như vầng thái dương đi xuyên qua vòm trời rồi tiếp tục lộ trình, khuất mắt đối với

chúng ta ở phía dưới chân trời, thì con người cũng phải đi nhiều vòng luân chuyển từ thế giới này sang thế giới khác. Con quái vật khổng lồ nơi đó biểu hiện sức mạnh của con sư tử, trí thông minh của con người và sự bằng an trầm lặng của một đấng thần minh, muốn dạy ta một chân lý bất hủ về sự cần làm chủ lấy mình, vì con người có mục đích đối trị những thú tánh và khuất phục con vật nằm sẵn trong lòng mình.

Có ai từng ngắm nhìn cái thân mình to lớn bằng đá với những móng chân và móng vuốt sư tử, với



Nhìn từ xa, thân tượng Sphinx in bóng lên nền Đại Kim Tự Tháp

cái đầu và gương mặt của một người cốt cách phong nhã như thần tượng *Sphinx* mà không thu thập lấy cái bài học sơ đẳng ấy? Ai có thể khám phá cái ý nghĩa của biểu tượng con rắn *cobra* phùng mang, tượng trưng cái uy quyền của vua Ai Cập mà các vị vua chúa thường gắn trên mũ, mà không hiểu rằng biểu tượng *Sphinx* không phải khuyến khích ta thống trị kẻ khác mà hãy tự thắng chính mình? Nó là nhà truyền giáo câm lặng, một giáo sĩ bằng đá, thuyết giảng bằng sự im lặng cho những ai có tai biết nghe.

Phải chăng thần tượng *Sphinx* tượng trưng cho một vật có tính chất thiêng liêng? Đúng thế, nếu người ta tin theo những chữ khắc trên vách các ngôi đền ở miền thượng du Ai Cập, chẳng hạn như ở *Edfou*, nơi đó người ta thấy một vị thần biến hình thành con sư tử đầu người để chiến thắng *Set*, quỷ *Satan* Ai Cập.

Một sự kiện lạ lùng làm cho người ta nghĩ rằng thần tượng *Sphinx* có chứa đựng một bí mật kiến trúc nào đó và che dấu vài điều bí mật khắc trong đá. Rải rác khắp nơi ở Ai Cập, những thần tượng *Sphinx* kiểu nhỏ được dựng lên trước những ngôi đền miếu như là những vị thần canh gác và bảo vệ ngoài cổng thánh đường; trong vài trường hợp, ngoài cổng đền cũng có dựng lên những tượng sư tử bằng đá. Thậm

chí những chìa khóa mở cửa đền cũng được đúc giống hình sư tử.

Thần tượng *Sphinx* ở *Gizeh* hình như là pho tượng duy nhất mà người ta không thấy đứng trước một ngôi đền nào. Vậy ngôi đền thật sự của hình biểu tượng *Sphinx* là ở đâu? Tôi ngừng đầu lên và nhìn về phía sau pho tượng đá. Từ chỗ tôi ngồi, tôi nhìn thấy hãy còn vươn lên một cách lu mờ dưới ánh sáng đầu tiên của buổi rạng đông, đưa thẳng lên trời cái mũi nhọn hơi bằng đầu, ngôi kiến trúc vĩ đại nhất của thế giới, cái kho tàng bí mật bằng đá chưa hề được giải đáp, cái phép lạ tuyệt vời của vũ trụ đối với cổ nhân và đối với cả chúng ta, bài toán đố bí hiểm của tất cả mọi thời đại, người bạn xứng đáng của thần tượng *Sphinx* khổng lồ: Ngọn Kim tự tháp!

Cả hai kỳ quan, được dựng lên từ hồi thời đại Atlantide, đều vươn mình như những bằng chứng của vùng lục địa đã sụp đổ, và như cái di sản câm lặng của một giống người đã biệt tích một cách cũng bí mật như vùng lục địa quê hương của họ. Cả hai kỳ quan đều như nhắc nhở cho hậu thế, những kẻ kế nghiệp giống người *Atlante*, biết về những thành tích huy hoàng của một nền văn minh đã mất.

CHƯƠNG 3

NGỌN KIM TỰ THÁP

Những vị *Pharaoh* - vua Ai Cập - nay đã hóa ra người thiên cổ, nhưng họ còn để lại cho chúng ta những Kim Tự Tháp kiến trúc hùng vĩ, kiên cố dựng trên một vùng cao nguyên nhô lên giữa đồng cát. Nếu nước cổ Ai Cập vẫn còn hấp dẫn sự chú ý và thích thú của thế giới hiện đại, thì trước hết là nhờ những ngọn tháp này làm bằng chứng cho thời đại cổ xưa ấy. Không có một đế quốc Đông phương nào khác đã biệt tích mà còn để lại cho hậu thế những kỳ quan vĩ đại và lạ lùng như thế.

Triết gia *Pline* khẳng định rằng uy danh của các Kim Tự Tháp Ai Cập sẽ vang dội đến những nơi tận cùng của thế giới. Kể từ thời đại của ông đến nay đã hơn hai nghìn năm qua, nhưng thời gian vẫn không hề xóa mờ giá trị của lời nói đó.

Gần đây tôi có viết thư cho vài người bạn sống một cuộc đời rất ẩn dật tại một vùng hẻo lánh ở tận cùng của miền Nam Ấn Độ. Những người này có lẽ không bao giờ đi xa hơn dãy đồi ở vùng chung quanh làng họ ở, họ không hề chọc phá thế gian và thế gian cũng không hề làm phiền đến họ. Tôi cho họ biết về

những công việc sưu tầm mà tôi đang theo đuổi ở ngọn Kim Tự Tháp lớn. Tôi không cần giải thích đó là cái gì và nó ở tại đâu, vì tôi chắc họ cũng đã biết rõ. Bức thư trả lời của họ đã xác nhận sự tin tưởng của tôi. Thật vậy, những người Ấn Độ chất phác này đã biết rõ đó là cái gì. Uy danh của những Kim Tự Tháp đã vang dội xa hơn là vào thời đại của triết gia *Pline*.

Những ngôi kiến trúc cổ bất chấp sự tàn phá của thời gian này đã hấp dẫn sự chú ý của các nhà bác học cũng như sự tò mò của người đời. Tại sao? Bởi vì chúng xuất hiện từ vực thẳm của một dĩ vãng xa xăm, và cũng bởi vì kích thước qui mô của những ngọn tháp này đã làm ngạc nhiên cả một thế hệ loài người đã từng quen thuộc với lối kiến trúc khổng lồ. Lần đầu tiên mà chúng ta nhìn Kim tự tháp, chúng ta có cảm giác như trở về một thời đại cổ xưa lạ lùng, mà nét cổ kính thâm nghiêm biểu lộ rõ ràng ở lối kiến trúc dị kỳ ấy. Chúng ta lấy làm ngạc nhiên vì không biết bằng cách nào mà những dân tộc cổ xưa đã xây dựng trên bãi sa mạc khô khan những ngọn núi nhân tạo như thế, không thua kém cả những công trình tạo tác thiên nhiên.

Khi những viên tướng soái Hy Lạp tiến quân vào Ai Cập và nhìn thấy những ngôi kiến trúc phi thường này chĩa mũi nhọn thẳng lên nền trời xanh của vùng

sa mạc, họ đã nín thở vì ngạc nhiên và đứng nhìn trần trối trong im lặng.

Khi những nhà hiền triết của thời đại *Alexandre* soạn một quyển sách nói về những đại kỳ quan của thế giới, họ xếp Kim tự tháp đứng lên hàng đầu. Ngày nay, trong số bảy kỳ quan, chỉ còn cái kỳ quan đầu tiên này là còn đứng vững.

Nhưng cái tính cách cổ xưa và kích thích vĩ đại đó dấu rằng có gây một ấn tượng mạnh mẽ cho người đời, cũng chưa phải là những lý do duy nhất đã làm cho ngọn Kim tự tháp có cái uy danh lừng lẫy như vậy. Có nhiều sự kiện được người đời biết rõ hoặc không hề biết về Đại Kim tự tháp có thể gây cho chúng ta một sự kinh ngạc lớn lao không kém sự kinh ngạc mà nó đã gây ra cho người cổ Hy Lạp.

Vậy cổ nhân xây Kim Tự Tháp với mục đích gì? Thần tượng *Sphinx* tượng trưng cho cái gì? Đó là hai điều bí mật lạ lùng nhất, hào hứng sôi nổi và thú vị nhất mà xứ Ai Cập dành cho du khách ngoại quốc cũng như cho dân tộc của họ. Đó cũng là những bí mật khó giải đáp nhất. Phải chăng Kim Tự Tháp Ai Cập được dựng lên chỉ để làm ngôi mộ tàng trữ xác ướp của các vị *Pharaoh*? Ta có nên dựa theo những quyển sách du lịch chỉ nam và tin theo lời của những người hướng dẫn viên Ả Rập mà tin như vậy chăng?

Có lẽ nào người ta lại dựng lên một ngôi kiến trúc vĩ đại với những khối đá tảng hàng mấy người ôm, cắt ra từ vùng núi đá vôi Tourah và đưa ra từ trong động đá đỏ Syène ở xa hơn nữa, chỉ để che lấp những thi hài bọc lụa trắng? Có lẽ nào người ta đã phí bao nhiêu công lao khó nhọc, làm việc ráo riết dưới cái nóng thiêu người của mặt trời châu Phi, vận chuyển trên ba chục triệu mét khối đá tảng, chỉ để phục vụ ý muốn sau cùng của một ông vua? Có lẽ nào người ta chịu khó cấn thận ráp nối hai triệu ba trăm ngàn



Kim Tự Tháp Khafre ở Giza với chiều cao đến 136 mét.

tảng đá khối, mỗi tảng nặng khoảng hai tấn rưỡi, để làm thành một cái mộ mà lẽ ra chỉ cần vài tảng đá cũng đã quá đủ?

Những sử gia thận trọng cho biết rằng người ta không hề tìm thấy trong Kim Tự Tháp một quan tài, một xác chết, hay một cỗ xe tang nào, dẫu rằng có vài truyền thống cho rằng một trong những vị vua Ai Cập có cho dựng trước cửa cung một cái hòm đựng xác ướp bằng gỗ chạm trổ rất khéo, mà người ta đã lấy từ Kim Tự Tháp đem về. Trên những vách tường Kim Tự Tháp không thấy có khắc những chữ ám tự hay chạm hình nổi hoặc tranh vẽ những sự việc xảy ra trong thuở sanh tiền của các nhà vua đã băng hà. Nói tóm lại, không hề có những gì mà người ta thường thấy bên trong tất cả những ngôi mộ và lăng tẩm khác của Ai Cập.

Các vách tường bên trong Kim Tự Tháp đều trống trơn, không trình bày những tác phẩm mỹ thuật như tranh vẽ, hình chạm nổi hay ám tự để trang trí theo cách mà các vị Pharaoh thường thực hiện trong các lăng tẩm của họ, cũng không có dấu vết của sự trang trí nào mà người ta thường thấy ở những ngôi mộ quan trọng nhất của xứ Ai Cập.

Điều mà người ta xem như bằng chứng hiển nhiên nhất của giả thuyết rằng đó là lăng tẩm của một vị

vua Ai Cập chỉ là một cái hòm trống trơn bằng đá đỏ, không đậy nắp, đặt dưới đất trong phòng lớn mà về sau được gọi là Vương cung. Phải chăng cái hòm đá như thế đủ để xem là một quan tài của vua? Đối với nhà Ai Cập Học, điều đó đã hiển nhiên và vấn đề đã được giải quyết. Nhưng tại sao hai bên chiếc hòm bằng đá này không có khắc những chữ ám tự hoặc tranh vẽ theo tập quán thông thường của nền tôn giáo cổ Ai Cập? Tại sao không thấy có một chữ nào hay một câu văn tự nào? Mọi cỗ quan tài khác đều có khắc chữ hoặc hình ảnh để lưu lại những kỷ niệm, ký ức về những trường hợp xảy ra quanh cái chết của người quá vãng. Tại sao cỗ quan tài này lại là một ngoại lệ, nếu nó là cái quan tài của một trong các vị minh vương nổi tiếng nhất của Ai Cập? Tại sao ống thông hơi dài trên bảy mươi thước được đặt từ trong phòng đựng cỗ quan tài bằng đá để thông với không khí bên ngoài? Những xác ướp không cần thở không khí, còn phu thợ thì không cần trở lại phòng ấy một khi đã xây dựng xong phần nóc phòng.

Trong thực tế, tôi không thấy một nơi nào ở Ai Cập có một ngôi mộ của các bậc vua chúa mà có đặt ống thông hơi với bên ngoài. Tại sao người ta đặt cỗ quan tài trong một căn phòng năm mươi thước cao hơn mặt đất, trong khi ở những nơi khác người ta

thường đào hầm để đặt quan tài sâu dưới lòng đất? Đó là một tập tục được phổ biến khắp xứ, người ta luôn luôn đặt thi hài người chết dưới lòng đất hoặc trên mặt đất. Chính vì lẽ đó mà người Ai Cập vẫn thường truyền tụng cho nhau lời này: “*Người là cát bụi, và người sẽ trở về cát bụi.*”

Tại sao người ta lại đặt gian phòng thứ nhì, gọi là Hậu cung, ở gần bên gian phòng thứ nhất? Những vị *Pharaoh* không hề được chôn cất gần bên các phi tần, và một xác ướp không cần phải có đến hai huyệt. Nếu hậu cung có những hình ảnh hay những chữ ám tự khắc trên vách như phần nhiều những lăng tẩm mồ mả của Ai Cập, thì ở đây người ta có thể coi nó như một hành lang. Nhưng ở đây nó cũng trống trơn và không có một bày biện trang hoàng nào, giống như Vương cung.

Và tại sao Vương cung lại có những ống thông hơi, mặc dù những lỗ thông hơi đều bị bít khi người ta khám phá ra chúng? Tại sao người ta lại thông hơi vào những gian phòng kín mệnh danh là những ngôi mộ này? Và cũng tưởng cần nhắc lại, người chết không cần thở khí trời. Không, người ta cần tìm ra lý do thật sự của một công trình đòi hỏi bao nhiêu phí tổn về tiền của, thời giờ, nhân lực và nguyên liệu như thế. Và lý trí con người bắt buộc phải loại bỏ cái

giả thuyết cho rằng Kim Tự Tháp là những mô chôn xác người, hay là những kho tài liệu tiên tri bằng đá. Người ta phải quay trở lại vấn đề để tìm ra một sự giải đáp khác.



Ưởa vào Kim Tự Tháp mà các du khách sử dụng hiện nay không phải là cánh cửa chính của người cổ Ai Cập. Cửa chính này từ nhiều thế kỷ vẫn là một bí mật của Kim Tự Tháp, một bí mật được giữ gìn rất chặt chẽ, cho đến khi một ông vua Ả Rập cứng rắn và quyết tâm đã chi phí cả một gia tài khổng lồ để huy động một đạo binh phu thợ khổng lồ nhằm chọc thủng tấm màn bí mật kia và phát hiện ra cánh cửa Kim Tự Tháp đã bị khép chặt.

Từ khi cánh cửa chính bị đóng chặt, thì nhiều thế kỷ đã lặng lẽ trôi qua mà phía bên trong Kim Tự Tháp không hề có chân người bước vào, cho đến khi giấc ngủ triền miên đó bị khuấy động bởi những người đi tìm kiếm kho tàng.

Sau cùng, người ta đã tìm ra cửa chính đó vào khoảng năm 820. Vua Ả Rập *Al Mamoun* đã qui tụ trên cao nguyên *Gizeh* những người kỹ sư, kiến trúc sư, nhà xây cất và thợ giỏi nhất của ông ta, rồi ra lệnh cho họ phải tìm ra cửa chính vào Kim Tự Tháp.

Vị kỹ sư chỉ huy chiến dịch khai quật tìm kiếm này đã tâu rằng:

– Tâu bệ hạ, việc này không thể làm được.

Nhưng vua trả lời dứt khoát:

– Quả nhân muốn việc này phải được thực hiện.

Công trình tìm kiếm này không theo một kế hoạch nào nhất định. Tương truyền rằng cửa chính nằm ở mặt phía bắc của Kim Tự Tháp nên tất nhiên là người ta đã chọn trung tâm điểm của mặt phía bắc để khởi công. Sự có mặt của vua Ả Rập ở tại chỗ là một sự khích lệ tinh thần cho những phu thợ. Nhà vua muốn xác nhận truyền thuyết cho rằng những vị *Pharaoh* thời cổ đã từng chôn giấu trong Kim Tự Tháp những kho bảo vật khổng lồ.

Tưởng cũng nên nói thêm rằng vua *Al Mamoun* chính là thái tử con vua *Haroun Al Rachid*, nhân vật nổi tiếng trong truyện *Nghìn lẻ một đêm*. Vua *Al Mamoun* không phải là một ông vua tầm thường. Ông ta đã ra lệnh cho những văn nhân trong xứ dịch những tác phẩm của các bậc hiền triết Hy Lạp. Ông luôn nhắc nhở cho quốc dân Ả Rập đừng quên những lợi ích của sự học hành. Chính ông đã từng tham dự những cuộc tranh luận giữa các bậc thức giả trong nước.

Những nhà xây cất Kim Tự Tháp thời xưa đã tiên liệu rằng lòng tham của người đời hẳn sẽ thôi thúc họ xúc phạm đến nơi cổ kính thâm nghiêm này. Vì thế, họ đã mở cánh cửa chính ở một khoảng độ vài thước cách điểm trung tâm mặt phía bắc, và cao hơn rất nhiều so với vị trí mà người ta đoán chắc là cửa ra vào. Kết quả là những phu thợ của vua *Al Mamoun* đã làm việc suốt nhiều tháng mà vẫn không tìm ra bất cứ dấu vết gì của một cửa vào hay lối đi.

Họ không tìm thấy gì khác hơn những vách tường kiên cố bằng đá khối dày đặc và cứng ngắc. Nếu họ chỉ dùng những dụng cụ thô sơ như búa đục thì công trình đục khoét đó có lẽ đã kéo dài đến hết triều đại của nhà vua hay lâu hơn nữa. Nhưng họ đã tìm cách đốt những đồng lửa ở chỗ ráp nối các tảng đá đến độ nung cháy đỏ, và tưới dấm chua lên đó cho đến khi các tảng đá nứt nẻ ra. Ngày nay người ta còn nhìn thấy những vết cháy đen sạm trên các tảng đá đã từng kháng cự lại sức búa rìu cách đây trên một nghìn năm.

Thợ rèn không ngừng làm việc suốt ngày để mài dũa những búa đục bị sứt mẻ vì va chạm với những tảng đá khối, trong khi những loại máy bằng gỗ tiếp sức với lao công để cố gắng chọc thủng một lỗ vào Kim Tự Tháp! Nhưng bất chấp bao nhiêu những cố gắng, trải qua bao nhiêu tháng trường dưới sức nóng

thiên đốt của mặt trời Ai Cập, cửa vào Kim Tự Tháp vẫn khép chặt, không ai tìm thấy, và họ đã bắt đầu chán nản tuyệt vọng.

Phu thợ đã đào xới một khoảng trên ba mươi thước, họ đã sắp sửa buông hết dụng cụ và công khai nổi loạn không chịu tiếp tục một công việc vô ích như thế nữa, thì thình lình họ nghe thấy tiếng động của một tảng đá nặng vừa bị rơi xuống. Tiếng động ấy đến từ bên trong Kim Tự Tháp, chỉ cách nơi họ đang làm việc một khoảng không xa. Định mệnh đã can thiệp vào sự kiện này. Khi đó, sự hăng say và hứng khởi làm việc đã được hâm nóng lại.

Không bao lâu, người ta đã mở đường đưa đến lối vào và Kim Tự Tháp lớn từ nay đã mở cửa. Kể từ đó, người ta đã có thể đi lần theo con đường ấy để tìm thấy cánh cửa bí mật. Cửa này được che giấu một cách khéo léo đến nỗi người ta không thể nào khám phá được từ bên ngoài. Sau bao nhiêu thế kỷ bị khóa chặt, cửa bí mật ấy không còn hoạt động được nữa mà đã bị dính chặt vào vách.

Ngày nay nó đã biến mất, sau những vụ cướp phá để lấy đá về xây nhà sau trận động đất tại thành phố *Cairo*. Cửa ấy giống như những cái cửa bằng đá mà người cổ Ai Cập đặt ở lối vào những đền miếu bí mật của họ. Đó là một tảng đá xoay vòng chung quanh những bản lề và khi khép lại thì nó ăn khớp với mặt

tường bên ngoài đến nỗi không ai có thể phân biệt được nó với những tảng đá khác ở chung quanh.

Sự nguy trang khéo léo đó cũng chưa đủ. Bên trong cánh cửa bí mật ấy, lối vào bị chặn lại bởi một cánh cửa bằng gỗ rất nặng. Qua được cửa này, người ta còn phải vượt qua mười cánh cửa khác nữa trước khi lọt vào Vương cung. Phần nhiều trong số mười cửa này đều bằng gỗ, nhưng có một cửa giống y như cánh cửa đá bên ngoài là một tảng đá khối xoay vòng trên bản lề và ăn khớp với vách tường đá như một cửa bí mật.

Tất cả những cửa này về sau đều không còn. Sau khi những toán kỹ sư và phu thợ của nhà vua *Al Mamoun* đã lọt vào bên trong Kim Tự Tháp, họ nhận thấy rằng công việc của họ chưa phải đã xong. Họ còn gặp phải bao nhiêu những chướng ngại vật, những tảng đá khổng lồ chặn ngang lối đi mà dụng cụ của họ đem theo không làm sao chọc thủng được. Có khi họ phải đục xuyên vách đá để mở một lối đi khác thông qua những dãy hành lang dài đưa đến những gian phòng trống trơn, mà về sau người ta đặt tên là Vương cung và Hậu cung để cho dễ gọi. Thật ra người cổ Ai Cập không hề sử dụng những danh từ đó.

Trải qua bao nhiêu gian nan, lao khổ và chướng ngại, khi họ lọt được vào gian phòng gọi là Vương cung thì vua *Al Mamoun* và toán kỹ sư, thợ thuyền

đi theo đều lấy làm vô cùng thất vọng. Đó chỉ là một gian phòng trống, với một cỗ quan tài bằng đá, không đậy nắp. Trong cỗ quan tài, người ta chỉ thấy có cát bụi, ngoài ra không có gì cả! Họ nghĩ, phải chăng là một điều phi lý khi người cổ Ai Cập xây cất một ngôi mộ hùng vĩ như thế mà không có mục đích hay dụng ý rõ rệt? Họ bèn ra công nạy bật lên những tảng đá lót dưới đất, đào xới một góc trong gian phòng, dùng búa đập mạnh vào vách để thăm dò xem chỗ nào có thể là nơi chôn giấu kho tàng. Nhưng vô ích, thâm ý của những nhà xây cất Kim Tự Tháp vẫn là một điều bí hiểm khôn dò và chôn chặt trong lòng đất lạnh.

Đoàn người thám hiểm bèn lui gót ra về trong cơn thối chí và tuyệt vọng. Toán phu thợ còn thám hiểm nhiều đường hầm bí mật và một cái giếng sâu thẳm, tối đen như mực, ăn sâu dưới lòng đất, nhưng không hề tìm thấy những kho tàng của cải cùng bảo vật mà óc tưởng tượng của loài người vẫn tin là có thật và vẫn nằm yên đâu đó ở một góc bí mật trong Kim Tự Tháp!

Đến đây kết thúc cuộc phiêu lưu đáng ghi nhớ của vua *Al Mamoun* sau khi ông ta đã mở được cánh cửa bí mật của Đại Kim Tự Tháp, để mở màn cho những cuộc thám hiểm về sau này trong lịch sử tìm tòi khảo cổ Kim Tự Tháp Ai Cập.

Sau khi vua *Al Mamoun* tìm ra cánh cửa bí mật vào Kim Tự Tháp, nhiều thế kỷ đã trôi qua một cách lặng lẽ mà không ai dám bước vào bên trong ngọn tháp này. Sự truyền tụng trong dân gian không bao lâu đã bao trùm ngôi Kim Tự Tháp với một bầu không khí dị đoan mê tín và rùng rợn với nhiều chuyện huyền thoại kinh dị đến rợn người! Bởi đó, người dân Ả Rập tránh việc đi vào Kim Tự Tháp như người ta tránh ôn dịch! Chỉ có những tay phiêu lưu mạo hiểm mới thỉnh thoảng đột nhập vào để thám hiểm bên trong Kim Tự Tháp.

Phần lớn những hành lang đen tối và những gian phòng trống trơn trong Kim Tự Tháp vẫn tiếp tục yên nghỉ trong cái im lặng thâm u nghìn đời không người bước chân vào.

Mãi cho đến cuối thế kỷ 18 mới có những người Âu châu là những người nặng về vật chất và không mê tín, tìm đến để xem xét những đồng cát chung quanh, và từ đó người ta mới bắt đầu nghe lại những tiếng búa đục vang dội bên trong ngọn tháp cổ này.

Một người Anh có tinh thần phiêu lưu tên là *Nathaniel Davison*, giữ chức lãnh sự Anh tại *Alger* vào khoảng năm 1760, đã xin nghỉ phép dài hạn để sang Ai Cập. Ngọn Kim Tự Tháp làm cho ông ta suy nghĩ rất nhiều. Ông ta biết rằng người cổ Ai Cập thường chôn giấu trong lăng tẩm các vị vua chúa của

họ một số vàng ngọc châu báu. Ông ta cũng biết dư luận chung của người đời coi những Kim Tự Tháp như những ngôi mộ khổng lồ. Khi ông ta lọt được vào bên trong Vương Cung, ông ta khám phá được một việc là mỗi khi ông ta kêu lên một tiếng lớn thì có một tiếng vang dội lại nhiều lần liên tiếp. Ông ta liền suy đoán rằng hẳn là có một gian phòng trống ở gần đâu đó, phía sau những tảng đá đỏ bao bọc chung quanh gian phòng đầu tiên. Có thể rằng trong cái khoảng trống ấy, nguyên nhân gây ra tiếng vang dội nói trên, có nằm yên nghỉ một cái xác ướp quấn hàng lụa và có mang theo những đồ châu ngọc và bảo vật quý giá.



Một công trường khai quật tìm những di tích chôn vùi dưới cát.

Ông *Davison* bèn mộ vài người phu thợ và bắt tay vào việc. Từ nhiều thế kỷ trước, vua *Al Mamoun* đã thăm dò cái nền đá trong Vương cung, nhưng không tìm thấy gì. Nhưng những tiếng vang dội lại tiếng kêu của ông *Davison* dường như vọng lại từ phía trên. Ông ta liền chú ý đến cái nóc của Vương cung.

Khi xem xét kỹ lưỡng trần nhà và những hành lang chung quanh, ông ta thấy rằng phương pháp tiện lợi nhất để trở lên trên nóc là đào một lỗ trống ở phần trên tường của dãy hành lang lớn, và theo lỗ trống đó có thể xâm nhập vào gian phòng trống ở trên trần. Ông ta bèn dùng một cái thang lớn để xem xét cho chắc chắn thì lấy làm ngạc nhiên mà thấy rằng ngay tại chỗ ấy đã có sẵn một cái lỗ trống. Ông ta bèn chui vào và thấy một gian phòng chiều dài độ bảy thước, ở ngay trên trần của Vương cung.

Nóc của gian phòng này rất thấp, đến nỗi ông *Davison* phải bò trên hai đầu gối để tìm cái kho tàng vô giá nó đã hấp dẫn ông đến đây. Nhưng gian phòng cũng hoàn toàn trống rỗng! Ông ta bèn trở về *Alger* tay không. Ông ta chỉ được mỗi một cái vinh dự là những nhà khảo cổ đến sau ông đã lấy tên ông để đặt tên cho cái gian phòng nhỏ hẹp mà ông khám phá trên nóc Vương cung!

Trong những năm đầu của thế kỷ 19, người kế nghiệp ông *Davison* trong công việc tìm tòi ở Kim Tự

Tháp là một nhân vật lạ lùng, gồm đủ những phẩm chất của một triết gia mơ tưởng, một nhà thần bí và một nhà khảo cổ. Đó là Đại úy *Caviglia*, một người Ý.

Ông này đã dành một thời gian khá lâu cho việc tìm kiếm ở Kim Tự Tháp. *Lord Lindsay*, người đã gặp ông ta trong một chuyến du hành sang Ai Cập, có viết một bức thư gửi về Anh Quốc nội dung như sau:

“Caviglia có nói với tôi rằng ông ta đã dành cho việc học hỏi khoa huyền môn một sự hăng say đến nỗi làm cho ông có lần suýt chết. Ông tuyên bố đã đạt tới giới hạn cùng tột trên lãnh vực huyền môn bị ngăn cấm đối với tầm hiểu biết của con người. Chỉ có sự trong sạch trong ý đồ đã cứu được ông. Ông có những tư tưởng lạ lùng, không phải là của trần gian. Ông cho rằng rất nguy hiểm mà tiết lộ những tư tưởng đó...”

Trong công cuộc sưu tầm khảo cổ của ông, *Caviglia* đã tạm trú một thời gian trong gian phòng *Davison*, sau khi ông đã dọn dẹp cái phòng tháp và tối tăm đó thành một gian phòng để ở ngay trong Kim Tự Tháp! Công trình khảo cổ của ông không phải chỉ là giới hạn trong Đại Kim Tự Tháp mà thôi. Ông còn để lại cho đời những kết quả sưu tầm trong hai Kim Tự

Tháp thứ nhì và thứ ba, sự thám hiểm những hầm chôn xác ướp ở giữa các Kim Tự Tháp và thần tượng *Sphinx*, việc khai quật vài cỗ quan tài quan trọng và những di tích lạ lùng khác của nền văn minh cổ Ai Cập.

Vào thời đại Nữ hoàng Victoria, định mệnh đã đưa sang Ai Cập một viên sĩ quan ưu tú của quân đội Hoàng gia Anh quốc, kiêm một nhà khảo cổ học uyên bác, đó là đại tá Howard Vyse. Ông ta đã huy động hàng trăm phu thợ để thực hiện những cuộc đào xới chung quanh các Kim Tự Tháp trong một công trình thám hiểm đại qui mô chưa từng có từ một nghìn năm nay, kể từ thời đại của vua Al Mamoun. Ông ta đã kêu gọi sự hợp tác của đại úy Caviglia trong một thời gian, nhưng hai người lại xung đột nhau vì tính khí bất đồng; một người Anh kỹ lưỡng, cẩn thận, trọng nguyên tắc kỷ luật và một người Ý tay ngang, bất chấp những qui ước, cổ lệ, đành phải sớm xa nhau.

Đại tá Vyse đã chi phí cho công trình khảo cổ của ông ở Ai Cập hết mười ngàn Anh kim tiền riêng của ông và đã thu hoạch được những kết quả cụ thể, Nhiều thùng lớn chứa đầy những di tích cổ và bảo vật lý thú đã vượt biển để được đưa vào Bảo tàng viện Anh quốc. Nhưng những cổ vật lý thú nhất vẫn còn ở lại tại chỗ.

Ông Vyse đã khám phá bốn gian phòng trong Đại Kim Tự Tháp chồng chất lên nhau ở ngay trên trần nhà của gian phòng Davison. Công việc thám hiểm này không phải là dễ dàng và không nguy hiểm. Trong khi họ đào một lối đi hẹp từ dưới lên trên xuyên qua những nóc phòng đá dày đặc, những phu thợ của ông ta luôn luôn suýt ngã xuống từ một bề cao mười thước! Những gian phòng này cũng thấp và hẹp như gian phòng Davison, và cũng hoàn toàn trống trơn không có gì cả.

Do sự khám phá kể trên và khi xem xét cái trần nhà bằng đá vôi của gian phòng ở trên chót đỉnh, người ta mới hiểu lý do của việc xây cất năm gian phòng thấp hẹp chồng chất lên nhau. Đó là để bảo vệ Vương cung khỏi phải chịu áp lực quá nặng nề của toàn thể khối đá tảng khổng lồ ở phía trên, chẳng khác nào một hệ thống trái độn bằng không khí tạo nên bởi khoảng trống của những gian phòng. Việc xây cất hệ thống trái độn này cũng che chở Vương cung khỏi bị đè bẹp bởi khối đá tảng ở phần trên trong trường hợp có thể xảy ra một cơn động đất làm sụp đổ Kim Tự Tháp. Bởi đó, Kim Tự Tháp đã chống đỡ một cách hữu hiệu sự tàn phá của thời gian trong bao nhiêu nghìn năm và chứng tỏ sự chu toàn cùng cái kỹ thuật kiến trúc vô cùng thần diệu của người cổ Ai Cập.

Trong số những điều phát hiện của đại tá Vyse, có một điều lạ lùng là một loạt những chữ ám tự chưa hề thấy trong Kim Tự Tháp. Những chữ ám tự này là do những người thợ đá khắc trên mặt những phiến đá tảng dùng để xây cất năm gian phòng kể trên. Trong những ám tự ấy có tên của ba vị vua Ai Cập là *Khoufou*, *Khnem Khoufou*, và *Khnem*.

Các nhà Ai Cập học không thể đưa ra sự giải thích nào khác về cái tên *Khnem* vì họ không tìm thấy tài liệu lịch sử về một vị vua Ai Cập nào có cái tên đó. Nhưng họ biết rõ tên vua *Khoufou*: đó là vị *Pharaoh* của triều đại thứ tư, mà người Hy Lạp gọi là vua *Khéops*. Sự khám phá của ông Vyse đã đưa đến việc xác định vua *Khoufou* là người đã xây dựng nên Kim Tự Tháp, và xác định Kim Tự Tháp được dựng lên từ thời nào. Tuy nhiên, xác ướp của vua *Khoufou* không hề được tìm thấy ở bất cứ nơi nào bên trong Kim Tự Tháp!

CHƯƠNG 4

MỘT ĐÊM TRONG KIM TỰ THÁP

Tôi sắp sửa theo đuổi một hoạt động lạ lùng nhất trong đời, nhưng tuy lạ lùng mà vẫn rất thâm lặng. Tôi có ý định ở lại một đêm trong Kim Tự Tháp và ngồi thức suốt đêm trong Vương cung trong khi đêm tối dày đặc bao phủ nền trời châu Phi.

Tôi đã ở một đêm trong ngôi kiến trúc dị kỳ nhất mà con người đã từng dựng lên trên hành tinh này. Thật không phải dễ gì mà lọt được vào trong Kim Tự Tháp lúc ban đêm. Tuy mọi người đều có thể đến viếng ngọn tháp cổ này, nhưng nó không phải là tài sản của công chúng. Nó là tài sản của chính phủ Ai Cập. Không phải ai cũng có thể lọt được vào trong đó và chiếm một gian phòng trống để ngủ một đêm, vì điều đó chẳng khác nào xâm nhập vào nhà của người khác và nằm trong phòng ngủ tốt nhất của họ.

Mỗi khi một du khách muốn vào trong Kim Tự Tháp, người ấy phải bỏ tiền mua một tấm thẻ của Sở Bảo trì cổ tích. Tôi cũng đến đó nhưng là để xin phép

ở lại một đêm trong Đại Kim Tự Tháp. Khi người công chức của sở ấy nghe lời thỉnh cầu của tôi, ông ta tỏ vẻ vô cùng ngạc nhiên chẳng khác nào nghe tôi xin giấy phép để du hành lên mặt trăng! Tôi nói vài lời vắn tắt để giải thích lý do sự yêu cầu của tôi. Từ sự ngạc nhiên, viên công chức chuyển sang sự thích thú, và rồi mỉm cười. Tôi hiểu rằng có lẽ ông ta xem tôi như một nhân vật có đủ điều kiện để lọt vào một nơi mà ít người muốn ở lại ban đêm trong đó. Sau cùng, ông ta nói với tôi:

– Tôi chưa hề nhận được một lời thỉnh cầu như thế bao giờ. Tôi không có thẩm quyền để chấp thuận hay từ chối.

Ông ta bèn chuyển đề nghị của tôi lên cho thượng cấp của ông quyết định. Và cảnh tượng buồn cười ở văn phòng viên công chức lúc này lại tái diễn. Tôi bắt đầu cảm thấy bất lạc quan trong ý định của mình. Viên chủ sự nói với một giọng cương quyết tuy rằng đầy hảo ý, vì chắc hẳn ông ta nghĩ rằng mình đang đứng trước một người có vấn đề về thần kinh.

– Không thể được! Điều ấy thật vô lý. Tôi rất tiếc.

Ông ta vừa nói gần từng tiếng vừa nhún vai, và đứng dậy để sửa soạn đưa tôi ra cửa. Tôi về nhà ngồi suy nghĩ để tìm cách thực hiện mục đích. Quyết định

này của tôi đã trở nên một sự ám ảnh. Hôm sau, tôi bèn xin vào yết kiến Thiếu tướng *El Lewa Russell Pacha*, chỉ huy trưởng sở Cảnh sát thành phố *Cairo*. Tôi ra khỏi văn phòng ông ta với một huấn lệnh viết tay, yêu cầu viên cảnh sát trưởng của quận đô thành gồm khu vực Kim Tự Tháp, hãy dành cho tôi mọi sự giúp đỡ cần thiết để thực hiện mục đích.

Chiều đến, tôi bèn đến văn phòng Thiếu tá *Mackersey*, trưởng ty cảnh sát địa phương, đồn cảnh sát *Mena*. Họ đưa cho tôi một quyển sổ để tôi ký tên vào đó, sau đó thì cảnh sát có phận sự bảo vệ an ninh cho tôi đến sáng ngày mai.

Một cảnh binh của đồn *Mena* được biệt phái để hộ tống tôi đến Kim Tự Tháp và chỉ thị cho một viên cảnh sát có võ trang túc trực ở phía ngoài trong đêm đó. Khi chúng tôi bắt tay từ giả, Thiếu tá *Mackersey* nói đùa:

– Chúng tôi chịu trách nhiệm rất lớn khi để ông ở trong đó một mình suốt đêm. Ông không có ý định đặt chất nổ để phá Kim Tự Tháp đấy chứ?

– Tôi hứa với ông không những bấy nhiêu đó, mà còn dám hứa là sẽ không vác nó trên lưng chạy đi mất!

– Tôi e rằng chúng tôi phải tạm nhốt ông trong đó một đêm. Vì buổi tối chúng tôi luôn phải khóa

trái cửa sắt ở chỗ cổng vào. Như vậy là ông bị cầm tù trong mười hai tiếng đồng hồ.

– Tốt lắm! Hôm nay, không có dinh thự nào làm cho tôi thích hơn là cái nhà giam đó.

Tôi bước vào trong Kim Tự Tháp do cái khoảng trống mà ngày xưa vua *Al Mamoun* đã cho đào ở một góc để tìm lối vào, và bắt đầu thám hiểm bên trong ngọn tháp khổng lồ.

Thật ra, trước kia tôi đã từng bước vào đó rồi, nhưng bây giờ là lần đầu tiên tôi đến đây để thực hiện một công trình khảo sát cũng lạ lùng như công trình đã thúc đẩy tôi trở lại xứ Ai Cập.

Sau khi đã đi qua những dãy hành lang và đường hầm đen tối quanh co như mê cung, tôi lọt vào gian phòng chính của Kim Tự Tháp, gọi là Vương cung. Những ống dẫn không khí thông hơi ra đến bên ngoài là bằng chứng đánh đổ giả thuyết cho rằng Kim Tự Tháp là một ngôi lăng tẩm. Tôi rọi đèn pin lên các vách và trên trần, và lại một lần nữa lấy làm thán phục sự ráp nối một cách toàn hảo và tinh vi những khối đá rắn chắc và to lớn đã được mài dũa trơn bết.

Dưới mặt đất cũng như trên các vách đá vẫn còn nhiều vết tích để lại do những cuộc thám hiểm của những kẻ tìm kiếm kho tàng. Ở một góc về phía tây

bắc, có một lỗ vuông dài và sâu, và ở kế bên là một tảng đá dài dựng bên vách, trước kia dùng để lót sàn bằng đá nhưng đã bị cạy bật lên bởi những kẻ tìm vàng và còn để lại đó. Nằm song song với tảng đá này là một cái hòm bằng đá không có nắp, mặt đá phẳng lì không có chạm trổ hay khắc chữ chi cả, giống như một cỗ quan tài. Đó là vật duy nhất trong gian phòng trống trơn, đầu xoay về hướng Bắc, đuôi về hướng Nam.

Tảng đá cạy bật lên từ dưới đất có thể dùng làm chỗ ngồi. Tôi bèn ngồi lên đó, hai chân xếp bằng và sửa soạn ở lại đó suốt đêm. Tôi đặt xuống bàn tay mặt tôi cái nón, áo ngoài và đôi giày, phía bên trái tôi để cái đèn pin bật sáng, một bình thủy đựng trà nóng, một bình nước lạnh, quyển sổ tay và cây bút máy.

Tôi đưa mắt nhìn một lần cuối cùng khắp chung quanh gian phòng, nhìn qua cái hòm đá ở bên cạnh tôi, rồi tắt luôn ngọn đèn pin. Khi tôi đột nhiên đắm chìm trong đêm tối, tôi tự hỏi:

– Việc gì có thể xảy đến cho tôi đêm nay? Trong hoàn cảnh lạ lùng này, tôi chỉ có thể làm mỗi một việc là đợi chờ...

Giờ phút trôi qua một cách chậm chạp, trong khi đó tôi cũng từ từ cảm thấy rằng gian phòng Vương

cung này có một bầu không khí rất lạ mà tôi chỉ có thể gọi bằng tính từ “linh thiêng”. Tôi đã cố tình giữ một tinh thần thụ cảm, một cảm giác thụ động, một thái độ tiêu cực, để có thể ghi nhận một cách rõ ràng và toàn vẹn mọi sự gì vượt khỏi lãnh vực thực tại phạm tục. Tôi muốn rằng không có một định kiến riêng tư nào ngăn cản tôi tiếp nhận sự gì có thể xảy đến từ lãnh vực tâm linh siêu hình.

Dần dần tôi định tĩnh tinh thần cho đến khi tâm trí tôi hầu như vắng lặng, trống không. Sự vắng lặng bao phủ tâm trí tôi lúc ấy chợt đem đến cho tôi một sự hiểu biết rõ ràng về một cái vắng lặng khác, đó là cái vắng lặng tràn ngập cuộc đời tôi. Cõi thế gian, với sự náo động ồn ào của nó, đối với tôi đã trở nên xa lạ như chưa từng hiện hữu. Không một tiếng động, không một hơi thở đến với tôi từ cảnh đêm tối chung quanh.

Thật ra, thế giới của những Kim Tự Tháp do im lặng ngự trị đã có từ thời tiền sử xa xăm và không một người du khách nào có thể làm gián đoạn, bởi vì mỗi khi đêm tối đến lại mang theo sự im lặng trở về nguyên vẹn, hoàn toàn, gây cho ta một sự sợ hãi nghiêm trọng nhất.

Tôi bắt đầu quan sát bầu không khí uy nghiêm trong gian phòng. Những người nhạy cảm thường nhận thức được cái kinh nghiệm thông thường này

trong những nơi đền miếu cổ kính thâm nghiêm. Kinh nghiệm của tôi cũng bắt đầu bằng cái cảm giác tương tự. Thời gian càng trôi qua, ý thức về sự cổ kính thâm nghiêm của ngọn Kim Tự Tháp này càng in dấu vết sâu đậm trong tâm hồn tôi, tôi càng cảm thấy rằng thế kỷ 20 đang lui dần và mất dạng.

Tuân theo cái quyết định mà tôi đã lập sẵn cho mình, tôi không đưa ra một sự phản ứng nào cả để chống lại cái cảm giác đó. Trái lại, tôi để cho nó tăng cường thêm nữa. Tôi bắt đầu có cái cảm giác lạ lùng về một sự hiện diện vô hình đến gián đoạn sự cô đơn



Kim Tự Tháp Bent ở Dashus (Ai Cập) được vua Sneferu xây dựng từ hơn 2500 năm trước Công nguyên

của tôi. Dưới bức màn đen tối dày đặc bao phủ chung quanh, tôi cảm thấy rằng có một cái gì tựa quạ và sống động bắt đầu xuất hiện. Đó là một cảm giác mơ hồ nhưng có thật.

Sự phối hợp với ý niệm càng lúc càng tăng thêm về cảm giác trở về dĩ vãng làm cho tôi có ý thức rõ rệt về một ảnh hưởng siêu nhiên thần bí. Tuy thế, không có gì nhất định, rõ rệt trong cái ý niệm mơ hồ đó về một sự hiện diện lạ lùng và sống động trong bóng tối.

Giờ phút trôi qua lặng lẽ, đưa đến một luồng khí lạnh mỗi lúc càng tăng. Ảnh hưởng của ba ngày nhịn đói mà tôi đã áp dụng để tăng gia sự nhạy cảm lúc ấy bắt đầu biểu lộ bằng những cơn run rẩy mỗi lúc một nhiều hơn.

Do những ống thông hơi, không khí lạnh từ bên ngoài lọt vào Vương cung đã thấm vào người tôi xuyên qua lớp áo mỏng, làm cho tôi run lên cầm cập. Tôi bèn đứng dậy mặc thêm áo ngoài mà tôi đã bỏ trên tầng đá cách đó vài giờ vì e sợ tiết trời nóng nực. Nhưng đó là tiết trời ở một vài nơi tại vùng Cận Đông. Khí hậu nóng bức lúc ban ngày, và lạnh lẽo lúc ban đêm. Tôi ngồi lại trên tầng đá và lại đắm mình trong cái im lặng chết người và trong đêm tối rùng rợn. Cái im lặng của nhà mồ, cái hòm bằng đá trống trơn ở bên cạnh tôi không làm cho thần kinh

tôi lắng dịu, trong khi sự gián đoạn vừa rồi trong cơn thiên định của tôi dường như cũng làm gián đoạn cả một chuyện khác.

Thật vậy, tôi nhận thấy rằng điều nghi ngại về một sự sống vô hình lớn vờn ở chung quanh tôi đã trở thành một điều chắc chắn. Quả thật, bên cạnh tôi có một cái gì sống động, thỗn thức, nhịp nhàng, tuy rằng tôi vẫn chưa nhìn thấy đó là vật gì. Đột nhiên tôi cảm thấy lo sợ khi tôi nghĩ đến sự cô quạnh của tôi và những nguy cơ có thể xảy đến. Tôi vẫn ngồi yên như thế một mình trong gian phòng tối ở một chiều cao bảy chục thước khỏi mặt đất, cao hơn nhiều đối với sự sinh hoạt của một triệu dân cư thành phố *Cairo*, ở giữa màn đêm đen tối như mực, bị giam lỏng trong ngọn tháp lạ lùng này mà cửa ngoài đã khóa chặt, ở ven một bãi sa mạc rộng đến hàng mấy trăm dặm, trong khi ở bên cạnh gian nhà ngục tạm thời của tôi trong một đêm, có lẽ là ngôi kiến trúc cổ xưa nhất thế giới, đang chen chúc nhau một cách la liệt hỗn độn bao nhiêu những mô mả âm u, trong cái nghĩa địa của một đế đô cổ xưa nghìn đời ngày nay đã biệt tích.

Dưới mắt tôi, là cặp mắt đã từng quan sát tỉ mỉ cõi giới siêu hình và những điều huyền bí, đã từng sâu tâm cận kề khoa pháp môn phù thủy của phương Đông, thì gian phòng rộng rãi của Vương cung lúc

ấy có sự hiện diện của những nhân vật vô hình, và những vị thần linh có nhiệm vụ canh gác ngôi kiến trúc thâm nghiêm này. Dường như một giọng nói từ cõi u minh sắp sửa thốt lên bất cứ lúc nào để phá tan cái im lặng bao la này.

Tôi đã từng quen thuộc với sự cô đơn, và tôi rất thích sống trong cô đơn, nhưng sự cô quạnh của gian phòng này có một cái gì nguy hiểm và rùng rợn đáng sợ. Sự tối tăm làm đắm chìm tất cả mọi sự vật, bắt đầu đè nặng lên đầu tôi như một khối sắt nghìn cân. Trong người tôi phảng phất một sự sợ hãi vô lý. Tôi bèn xua đuổi nó đi tức khắc.

Người ta không cần có một sự can đảm thể chất để ở lại bên trong Kim Tự Tháp hoang vắng, mà là cần có ít nhiều can đảm về mặt tinh thần. Người ta có thể biết chắc rằng không có con rắn nào chui ra từ một cái lỗ hay một khe đá, cũng không có một kẻ sát nhân nào ẩn núp trong đó từ lúc tối trời. Thật ra những sinh vật duy nhất hiện ra trước mắt tôi từ chập tối là một con chuột sợ hãi chạy loạn cả lên để tìm lối thoát khi nó gặp ánh đèn sáng rực của tôi ở ngoài hành lang, kể đó tôi khám phá ra hai con tắc kè bò trên trần của hậu cung, màu da vàng đục của chúng cho thấy chúng đã sống rất lâu đời, và sau cùng là những con dơi ở dưới hầm đá. Cần nói thêm là có vài con dế dường như đang cất tiếng kêu rất lớn

khi tôi bước vào hành lang chính, nhưng khi nghe tiếng động, chúng liền im bật. Và bây giờ thì cái im lặng đã bao trùm khắp Kim Tự Tháp.

Không có gì của thế giới vật chất làm tôi bất mãn, nhưng dầu sao tôi lại cảm thấy một lần nữa một cảm giác khó chịu mơ hồ dường như có những cặp mắt vô hình đang nhìn rập tôi ở đâu đây. Chốn này thật là phẳng phất một bầu không khí yêu ma hư ảo.



Có vài loại rung động của tinh lực, âm thanh và ánh sáng vượt ra ngoài phạm vi những khả năng cảm xúc thông thường của con người. Những chương trình truyền thanh đi xuyên khắp không gian để đến tai thính giả trên khắp thế giới, nhưng họ sẽ không nghe thấy gì nếu họ không điều chỉnh máy thu thanh bắt đúng tần số của sóng âm. Tôi đã xả thiền và thoát ra khỏi trạng thái hoàn toàn thụ cảm, để dồn tất cả sức mạnh, tập trung ý chí vào sự cố gắng nhằm chọc thủng cái im lặng và bóng tối dày đặc nó bao bọc chung quanh tôi. Nếu nhờ vào sự tập trung tinh thần mãnh liệt vào nội tâm mà khả năng quan sát của tôi được nới rộng đến một tầm mức phi thường, thì lẽ nào tôi không bất chợt nhận ra được sự hiện diện của những sức mạnh vô hình?

Tôi chỉ biết rằng khi tôi tự điều chỉnh bằng phương pháp hồi quang phản chiếu mà tôi được truyền thụ từ lâu trước chuyến du hành lần thứ hai sang Ai Cập, tôi nhận biết được rằng có những mãnh lực bất hảo đã xâm chiếm gian phòng. Có một cái gì tiến lại gần tôi mà tôi cảm thấy là nguy hiểm. Một sự sợ hãi làm rung chuyển tâm hồn tôi, tôi cố xua đuổi đi thì nó lại trở lại từng hồi. Tôi cố gắng áp dụng phương pháp hồi quang phản chiếu một cách tập trung hơn nữa, sự nhạy cảm càng tăng theo cái đà thường lệ của nó và biến thành một linh ảnh.

Những hình bóng lớn vờn chập chờn vô định trong gian phòng dần dần hiện ra với những hình thù rõ rệt hơn. Đột nhiên có những vong linh hung ác xuất hiện và xáp lại gần kề bên gương mặt tôi. Kế đó, một vật đen ngòm tiến lại gần tôi với một cái nhìn dữ tợn và đưa tay lên với một cử chỉ hăm dọa, như muốn gây cho tôi một sự kiêng nể pha lẫn với sự kinh hoàng. Những vong linh mà người ta không thể lường được đã vất vưởng qua bao nhiêu đời, dường như đều kéo nhau lại đây từ cái nghĩa địa gần bên, một nghĩa địa cổ xưa đến nỗi những xác ướp vừa khai quật lên liền tan ra tro bụi trong những chiếc hòm bằng đá.

Chính những vong hồn còn bám víu lấy những xác ướp cổ xưa này đã xuất hiện một cách hung dữ trong gian phòng của tôi. Tất cả những chuyện huyền thoại

về ma quái lớn vờn chung quanh Kim Tự Tháp đã trở lại trong ký ức của tôi, với những chi tiết rùng rợn khi được kể lại do những người Ả Rập ở làng gần bên.

Khi tôi nói với một người bạn trẻ Ả Rập rằng tôi có ý định ở lại một đêm trong Kim Tự Tháp, y cố gắng khuyên can tôi:

– Mỗi tấc đất trong đó đều có ma! Vùng này có tất cả một đạo binh yêu ma và thần linh.

Sự cảnh cáo này không phải là vô ích, vì bây giờ tôi có thể nhận thấy đúng như thế. Những hồn ma bóng quế đã xâm nhập vào nơi tạm trú của tôi, và quay cuồng khắp chốn. Cái cảm giác khó chịu và khó tả của tôi từ lúc đầu nay đã được hoàn toàn giải đáp. Dưới một sự căng thẳng như thế, giữa cái thể xác bất động này tôi nhận thấy quả tim tôi đang đập mạnh như búa bổ. Sự sợ hãi điều quái dị luôn rình rập quanh chúng ta lại xâm chiếm lấy tôi một lần nữa.

Sự sợ sệt, kinh hãi, khủng khiếp lần lượt đến với tôi và lột trần bộ mặt dữ tợn của chúng. Hai bàn tay tôi tự nhiên nắm chặt lại như những gọng kềm. Nhưng tôi quyết định vượt qua cơn thử thách, tuy rằng những hình thù ma quái này lúc đầu đã gây cho tôi cảm giác sợ sệt, nhưng sau cùng chúng làm tôi phải huy động tất cả sự can đảm và tinh thần chiến đấu mà tôi có thể.

Đôi mắt tôi vẫn nhắm, trong khi tất cả những vong hồn màu xám đục và mờ sương, lướt nhẹ chung quanh và hiện rõ rệt trong linh ảnh của tôi, luôn luôn với sự thù nghịch mãnh liệt, sự nhất tâm ráo riết ngăn cản việc theo đuổi quyết định của tôi. Cả một đoàn ma quái thù nghịch vây phủ lấy tôi. Tôi có thể giải vây được dễ dàng bằng cách bật đèn pin hoặc đốt đuốc, hoặc đứng lên để thoát mau ra khỏi phòng và chạy một quãng độ vài ba trăm bộ đến cổng ngoài. Tại đó, người gác cổng có võ trang có thể đem đến cho tôi một sự trợ giúp đáng kể trong việc đẩy lùi cơn sợ hãi. Nhưng cơn thử thách bắt tôi phải chịu một hình thức tế nhị của sự cực hình, khuấy phá linh hồn tôi trong khi thể xác tôi vẫn còn nguyên vẹn. Nhưng đồng thời trong tôi cũng có một sự thúc đẩy mạnh mẽ buộc tôi phải vượt qua giai đoạn thử thách ấy cho đến cùng.

Sau cùng, giai đoạn quyết liệt đã đến. Những loài yêu quái hình thù ghê rợn, gớm ghiếc không thể tả nổi mà chỉ có ở cõi âm ty, những loài ma quỷ hình dung cổ quái, dị hợm, điên rồ, rùng rợn, quái đản... từ đâu kéo đến thật đông chung quanh tôi. Sự ghê tởm mà chúng gây ra làm cho tôi phải trải qua một cơn đau khổ không thể tưởng tượng!

Trong vài phút đồng hồ, tôi đã trải qua những cơn xúc động mà kể từ đó về sau tôi không thể nào quên

được. Cảnh tượng độc đáo ấy đã được khắc trong ký ức của tôi bằng những nét sâu đậm không thể xóa mờ. Kể từ nay, với bất cứ giá nào ở cõi trần gian này tôi cũng sẽ không bao giờ muốn tái diễn cái kinh nghiệm khủng khiếp như đêm nay; tôi sẽ không bao giờ ở lại một đêm nữa trong Kim Tự Tháp!

Nhưng rồi cảnh tượng ấy chấm dứt một cách đột ngột lạ thường. Những loài yêu ma, quỷ quái biến mất dạng trong bóng tối mà từ đó chúng đã xuất hiện ra; chúng trở về cõi u minh của những người đã chết, đem theo với chúng tất cả những sự gớm ghiếc, ghê tởm và rùng rợn... Thần kinh của tôi hầu như bị bẻ gãy hết nửa phần, đã cảm giác được một sự thoải mái dễ chịu lớn lao chẳng khác nào như một chiến sĩ ngoài mặt trận khi hỏa lực dữ dội của đối phương đột nhiên chấm dứt.

Tôi không biết bao nhiêu thời gian đã trôi qua cho đến khi tôi ý thức được một sự hiện diện mới trong gian phòng. Đó là một sự hiện diện tốt lành, một nhân vật có thiện cảm, đứng ngay chỗ cửa vào và ban cho tôi những cái nhìn đầy hảo ý. Sự có mặt của người này đem đến một sự thay đổi hoàn toàn cho bầu không khí chung quanh, một sự thay đổi rất khả quan và lành mạnh. Một yếu tố mới bắt đầu ảnh hưởng đến con người nhạy cảm của tôi, vừa bị trải

qua một cơn đe dọa khủng khiếp. Bây giờ thì tôi đã trấn tĩnh và trở về với sự bình yên.

Nhân vật ấy bước đến gần tảng đá chỗ tôi đang ngồi, khi đó tôi thấy có một nhân vật khác nữa cùng đi theo sau. Cả hai người cùng đứng gần bên tôi và nhìn tôi một cách nghiêm chỉnh; những cái nhìn của họ chứa đầy một ý nghĩa tiên tri. Tôi cảm thấy rằng một giờ phút quan trọng của đời tôi sắp đến gần. Hai vị này hiện ra trong linh ảnh của tôi với một hình dáng khó quên. Những tà áo rộng trắng và giày dép của họ, tất cả đều trở lại trí nhớ của tôi trong khoảnh khắc. Ngoài ra, họ có mang những huy hiệu rõ ràng nói lên chức sắc của họ, khiến người ta có thể nhận ra ngay họ là những vị đạo trưởng cao cấp của nền tôn giáo cổ Ai Cập.

Một ánh hào quang bao phủ quanh mình họ tỏa ra một ánh sáng lạ lùng chiếu sáng một phần của gian phòng. Thật ra, họ có vẻ đặc biệt hơn những người thường; họ có cái cốt cách huy hoàng của những bậc siêu nhân, gương mặt toát ra một sự bình an lạ thường, sự an bình của một đạo viện thâm nghiêm.

Hai vị vẫn đứng yên như hai pho tượng, họ chăm chú nhìn tôi với hai tay chấp ngang trên ngực và giữ một sự im lặng hoàn toàn. Phải chăng tôi đang hoạt động trong một chiều đo thứ tư của không gian, và thức tỉnh để quan sát một dĩ vãng đã trải qua nghìn

đời? Ý thức của tôi về thời gian phải chăng đã thụt lùi trở về đến thời đại xa xăm của nước Ai Cập thời cổ đại? Không, không thể được, vì tôi đang nhận thức rõ ràng rằng hai nhân vật ấy có thể nhìn thấy tôi, thậm chí họ cũng đang sắp sửa nói chuyện với tôi. Hai vị nghiêng mình tới trước, một vị hình như đôi môi mấp máy; gương mặt kê sát bên gương mặt tôi, đôi mắt chiếu diệu một tia sáng huyền ảo. Rồi giọng nói của người vang dội bên tai tôi:

– Tại sao ngươi lại đến chốn này và định kêu gọi đến những năng lực huyền bí? Cuộc sống trần gian không đủ làm thỏa mãn ngươi hay sao?

Những lời này đến với tôi không phải bằng sự xúc cảm vật chất của thính giác; vì lẽ không có một rung động âm thanh nào đã xé tan cái im lặng trong gian phòng. Nhưng dường như tôi nghe những lời ấy giống như một người điếc sử dụng một máy trợ thính để có thể nghe những tiếng động dội vào màng nhĩ của anh ta. Duy khác một điều là người điếc nghe được ở bên trong lỗ tai của mình, còn tiếng nói mà tôi nghe được có vẻ như chỉ hiện hữu trong nội tâm, vì tuy rõ ràng là tôi có nghe thấy nhưng lại có cảm giác như là mình đang tiếp nhận một ấn tượng của một tư tưởng. Nhưng thật ra lại không phải như vậy. Đó là một tiếng nói thật sự. Tôi liền lên tiếng đáp:

– Thưa không!

Vị đạo trưởng nói tiếp với tôi:

– Sự náo nhiệt phần hoa của chốn thị thành đông đúc sẽ trấn an tinh thần cho những kẻ lòng còn run sợ. Đi đi, người hãy trở về với những thân nhân bạn bè, và người sẽ mau chóng quên đi những vọng tưởng vu vơ đã đưa người đến nơi này.

Tôi đáp lại lần nữa.

– Tôi không thể làm như vậy.

Người ấy lại nói:

– Con đường ảo vọng sẽ làm cho người mất cả lý trí. Nhiều người đã từng đi lạc vào đó, và khi trở về hóa thành những kẻ loạn trí, điên khùng. Người hãy trở về đi khi vẫn còn kịp lúc. Hãy trở về với con đường dành cho những bước đi của người trần gian.

Nhưng tôi lắc đầu và nói nhỏ như trong hơi thở:

– Tôi phải theo con đường này, đối với tôi không còn con đường nào khác.

Vị đạo trưởng lại bước đến gần và nghiêng mình về phía chỗ tôi ngồi. Tôi nhìn thấy đó là gương mặt của một vị trưởng lão hiện ra trong đêm tối. Trưởng lão nói thì thầm vào tai tôi:

– Kẻ nào tiếp xúc với chúng ta sẽ tuyệt giao với cuộc đời thế tục. Người dám chắc rằng người có đủ sức đi vững bước một mình chẳng?

Tôi đáp:

– Thật ra tôi cũng không biết chắc được.

Vị trưởng lão lại nói thì thầm:

– Hãy theo ta, rồi khi người đã nhìn thấy, người hãy trả lời cho ta biết.

Kế đó tôi nhìn thấy, như trong một linh ảnh xa xăm, những con đường ngoắt ngoéo như mê cung của một thành phố lớn. Cảnh tượng đó hiện ra rất mau chóng, cho đến khi tôi nhận thấy ở phía trước có một ngôi nhà cổ, gần một nơi có rào sắt. Tôi thấy một cầu thang tối om đưa lên một phòng nhỏ hẹp ở phía dưới nóc nhà. Vị đạo trưởng lại đột nhiên xuất hiện tại chỗ ấy, ngồi bên giường nằm của một ông già khác râu tóc rối nùi, với những nét mặt gân guốc phong trần. Ông già này hẳn là đã vượt quá từ lâu cái độ tuổi về chiều của cuộc đời, căn cứ vào nước da màu xám tro và bọc lấy toàn thân xương xẩu của ông ta. Gương mặt hốc hác xương xẩu của ông ta biểu lộ một sức lực đã tàn, làm cho tôi động lòng trắc ẩn, nhưng khi nhìn kỹ ông ta tôi cảm thấy rợn người vì tôi thấy rõ ông ta đang vật lộn với tử thần, một cuộc vật lộn mà kết quả đã hiển nhiên không còn nghi ngờ gì nữa.

Vị đạo trưởng dẫn đường cho tôi nhìn người hấp hối với một cái nhìn thương hại. Người dơ tay lên và nói:

– Đợi vài phút nữa thôi, ông bạn ơi, và ông bạn sẽ được bình an. Đây tôi có đưa đến cho ông bạn một người đi tìm những mảnh lục nhiệm mầu. Ông bạn hãy nói với anh ta vài lời, để chia sẻ với anh ta ít nhiều kinh nghiệm.

Đột nhiên tôi trở nên không phải chỉ là một người chứng kiến, mà lại là diễn viên trong cái màn bi kịch lạ lùng này. Với một tiếng thở rất nhọc mệt làm se thắt lòng, người hấp hối day đầu lại và nhìn thẳng vào mặt tôi. Dẫn cho tôi có đi đến tận chân trời góc bể tôi cũng không bao giờ quên cái nét kinh hoàng hiện ra trong đôi mắt của ông ta. Ông ta nói thì thầm.

– Anh còn trẻ hơn tôi, nhưng tôi đã đi khắp vũ trụ một lần, hai lần, ba lần. Tôi cũng giống như anh, đã đi tìm cái mà anh đang tìm. Ô! tôi đã tìm kiếm biết bao lâu rồi!

Ông ta ngừng lại một lúc, đầu lại rơi xuống gối, cố gắng nhớ lại việc cũ. Kế đó, ông ta ngồi nhổm dậy, chống đỡ người trên hai khuỷu tay, rồi đưa ra một cánh tay dài và gầy ốm. Bàn tay ông ta với những ngón tay xương xẩu, giống như cánh tay của một bộ xương người. Ông ta nắm lấy bàn tay tôi siết chặt như một cái kềm. Tôi cảm thấy cái nhìn sâu sắc của ông ta như soi vào tận hai mắt tôi với ý định tìm hiểu linh hồn tôi. Rồi ông ta nói lớn:

– Đồ điên, những mảnh lực duy nhất mà tôi tìm thấy chỉ là những mảnh lực của xác thịt và ác quỷ! Không có mảnh lực nào khác. Anh nghe chưa, không có mảnh lực nào khác nữa!

Sự cố gắng ấy dường như vượt quá sức của ông ta. Thế là ông ta rơi đầu xuống gối và tắt thở. Vị hướng dẫn tôi không nói một lời. Người ngồi yên trong một phút suy tư bên cạnh giường. Khi đó, cái linh ảnh đã tan đi mất và tôi lại thấy mình đang ngồi trong Kim Tự Tháp.

Vị đạo trưởng im lặng nhìn tôi, và tôi cũng đáp lại bằng cái nhìn câm lặng. Người đọc được tư tưởng tôi nên từ trong bóng tối vọng đến tai tôi những lời này:

– Được! Người đã chọn con đường này. Quyết định của người từ nay sẽ không thay đổi. Vĩnh biệt.

Và ông ta biến mất. Tôi còn ngồi lại một mình với vị đạo trưởng thứ nhì. Vị này từ lúc đầu chỉ đóng vai trò của một nhân chứng im lặng, lúc này liền bước đến trước chiếc hòm bằng đá. Vị này có gương mặt của một ông lão rất già nhưng tôi không thể đoán được độ tuổi bao nhiêu. Ông lão nói một cách bình tĩnh:

– Nay con, những đấng cao cả gìn giữ những quyền năng thần bí đã thu nhận con trong bàn tay

của các ngài. Đêm nay con phải được đưa đến phòng thụ huấn. Con hãy nằm ngửa trên tảng đá này. Vào thời cổ xưa thì phải nằm trong cái hòm đá kia, có lót những cành và lá cây chỉ thảo.

Đoạn ông lão chỉ vào cỗ quan tài ở giữa phòng. Tôi không làm gì khác hơn là vâng lời vị đạo trưởng già bí mật. Tôi nằm đặt lưng trên tảng đá. Tôi vẫn chưa biết rõ chuyện gì xảy ra ngay sau khi đó. Tôi cảm thấy như ông lão đã cho tôi uống một liều thuốc mê đặc biệt, có ảnh hưởng rất chậm, vì tất cả bắp thịt của tôi đều cứng đơ. Kế đó thì một sự tê liệt từ từ xâm chiếm cả tứ chi của tôi. Toàn thân tôi trở nên nặng nề và cứng ngắc.

Trước hết, hai bàn chân tôi tê lạnh rồi lan đến hai chân và cảm giác tê lạnh ấy cứ đi dần dần từ dưới lên trên. Bây giờ thì cả hai chân tôi đều không còn cảm giác gì nữa. Đường như tôi sắp sửa bước vào một trạng thái nửa mê nửa tỉnh, một linh tính bí mật báo cho tôi biết rằng sự chết đã đến gần. Tuy thế, tôi vẫn không nao núng, vì từ lâu tôi đã vượt khỏi sự sợ chết cố hữu của người đời và tôi chấp nhận điều không thể tránh được với một tinh thần triết lý.

Cảm giác lạnh đã lên đến ngực, phần dưới thân mình tôi đã hoàn toàn tê liệt. Khi đó tôi có một cảm giác như nhói vào tim, nhưng cảm giác đó qua rất mau và tôi hiểu rằng cơn khủng hoảng cuối cùng sẽ

không còn lâu nữa. Nếu tôi có thể nói rộng hai quai hàm đã cứng thì hẳn tôi đã bật cười về cái tư tưởng đầu tiên đến với tôi lúc ấy. Cái tư tưởng đó là:

– Ngày mai người ta sẽ tìm thấy xác chết của tôi trong Kim Tự Tháp, và thế là hết.

Tôi biết chắc rằng tất cả những cảm giác của tôi đều do cái nguyên nhân là sự chuyển tiếp của linh hồn tôi giữa cuộc đời thế tục và cảnh giới bên kia sự chết. Tuy tôi biết rõ rằng tôi đang trải qua những cảm giác của một kẻ đang hấp hối, nhưng tôi không có một phản ứng nào để chống cự lại.

Sau cùng, tất cả ý thức của tôi đã tập trung lên đầu, một sự quay cuồng điên loạn cuối cùng diễn ra trong khối óc của tôi. Tôi cảm thấy dường như tôi bị lôi cuốn theo một trận cuồng phong dữ dội và tôi chui qua một cái lỗ nhỏ hẹp. Rồi trong một lúc, tôi hoảng sợ như sắp bị ném vào khoảng không gian vô tận, tôi lao mình vào khoảng không... và tôi liền được giải thoát!

Không một ngôn ngữ nào có thể diễn tả những nổi sung sướng của sự giải thoát mà tôi vừa trải qua. Tôi đã biến thành một vật thể tâm linh, cấu tạo bằng tư tưởng và tình cảm, không còn bị trói buộc bởi những chướng ngại của cái ngục tù vẫn giam hãm tôi, tức là cái thể xác nặng nề bằng xương thịt này.

Thoát ly ra khỏi cái gánh nặng của thể xác, tôi đã trở nên giống như một vong linh, như một người chết vừa chui ra khỏi mồ, nhưng tuyệt nhiên không hề mất đi ý thức. Thật ra, ý thức về sự sống của tôi lại còn mạnh mẽ và nồng nhiệt hơn trước. Trên hết mọi sự, việc thoát lên một cảnh giới thanh cao hơn mang lại cho tôi cảm giác tự do, một sự tự do sung sướng, tốt lành của cảnh giới thuộc về chiều kích thứ tư đang bắt đầu dung nạp tôi.

Trước tiên, tôi thấy tôi còn nằm ngửa trên lưng,



Một xác ướp của người Ai Cập

giống như cái thể xác mà tôi vừa rời bỏ, và lơ lửng trên cái sàn gạch đá. Kế đó tôi cảm thấy như có một bàn tay đẩy nhẹ tôi tới trước và đỡ tôi đứng dậy trên hai chân. Sau cùng, tôi cảm thấy như vừa đứng, lại như vừa lơ lửng trên không.

Từ trên không gian, tôi ngắm nhìn cái thể xác bằng xương thịt mà tôi vừa rời bỏ, đang nằm yên, bất động trên tảng đá. Gương mặt không cảm xúc, ngửa lên trần nhà, đôi mắt hé mở, tuy nhiên hai con người không còn đủ sáng để chỉ rằng hai mí mắt không đóng chặt. Hai tay chắp trước ngực, cử chỉ mà tôi không nhớ mình đã làm trước đó. Hay là có ai đó đã chắp hai tay của tôi lại mà tôi không biết? Hai chân tôi duỗi thẳng dọc theo nhau từ đầu đến cuối. Đó là cái thể xác nằm giữa của tôi, dường như đã chết, mà tôi vừa thoát ra khỏi và bỏ lại đó.

Tôi nhận thấy có một tia sáng yếu ớt và trắng như bạc phát ra từ hình thể mới của tôi, chiếu xuống cái thể xác đang nằm yên bất động trên tảng đá. Đó là một điều lạ, nhưng lạ hơn nữa là tôi thấy cái sợi nhau rún vô hình bí mật đó chiếu sáng cả một góc phòng Vương cung mà tôi đang lơ lửng trên không và soi lên những viên đá trên tường như một ánh trắng sáng mờ dịu.

Tôi chỉ còn là một bóng ma, một vong linh không thể xác đang vẫn lơ trên không gian. Tôi đã hiểu

tại sao các nhà hiền triết cổ Ai Cập dùng con chim làm biểu tượng của linh hồn trong những chữ ám tự cổ xưa. Với cảm giác bay lơ lửng trên không chẳng khác nào như tôi có mọc ra hai cánh và bay lướt trên cái thể xác vừa rời bỏ, thật giống như con chim bay lượn trên một vật gì ở dưới đất, biểu tượng đó thật là khéo lựa chọn.

Vậy là tôi đang ở trong không gian, tôi đã tách rời linh hồn tôi ra khỏi cái xác phàm, tôi đã tự phân thân tôi ra làm hai phần khác nhau. Tôi đã rời bỏ cõi thế gian mà tôi vẫn ở bấy lâu nay. Tôi có cảm giác như trở nên một vật tinh anh, thanh nhẹ vô cùng, trong một thể mới, tức là cái thể vía mà tôi khoác lấy kể từ nay.

Nhìn tảng đá lạnh trên đó cái xác bằng xương thịt của tôi đang nằm, tôi có một ý nghĩ giản dị biểu lộ ra một cách thâm lặng bằng những lời này:

– Đó là trạng thái của sự chết. Bây giờ tôi biết rằng tôi là một linh hồn, và tôi có thể sống ngoài xác thân. Tôi sẽ tin như vậy luôn luôn, vì tôi đã trải qua kinh nghiệm đó.

Tư tưởng đó bám chặt lấy tôi một cách ráo riết như gọng kìm, trong khi tôi vẫn lơ lửng phát phơ trên cái thể xác trống rỗng. Tôi đã kinh nghiệm sự tồn tại của linh hồn bằng phương pháp hiệu quả nhất

là thật sự di chuyển ra khỏi thể xác rồi thấy rằng mình vẫn còn sống!

Tôi tiếp tục nhìn cái xác phàm vừa bỏ lại. Phải chăng đó là cái mà trong bao nhiêu năm qua tôi vẫn gọi là cái tôi? Chỉ là một xác thịt vô tri giác, có thể thôi! Đó là điều mà bây giờ tôi mới khám phá, với bằng chứng rõ ràng. Nhìn vào đôi mắt mờ đục kia không còn thấy gì nữa, không còn đáp ứng với ngoại cảnh, tôi mới nhận thấy rõ tất cả sự mĩa mai của vấn đề. Cái thể xác vật chất đó đã từng giam hãm lấy tôi, một cái tôi thật sự, nhưng bây giờ thì tôi đã được tự do!

Trước kia, tôi vẫn được chở đi lại đó đây trên hành tinh này bằng một cái cơ thể mà từ lâu nay tôi vẫn lầm lẫn với cái tôi thật sự. Dường như cái ý thức về luật hấp dẫn đã biến mất, tôi vẫn phất phơ trên không trung và cảm thấy như vừa treo lơ lửng lại vừa như đứng giữa không trung một cách lạ lùng. Bỗng nhiên xuất hiện bên cạnh tôi một vị đạo trưởng già đạo mạo, cốt cách thanh kỳ, đôi mắt nhìn lên, gương mặt trầm tĩnh, phong thái ung dung, đang lâm râm cầu nguyện:

– Ôi! Đấng chí tôn trên trời cao, xin hãy nhìn về cái thể xác của đứa con ngài và ban cho ân huệ trong cảnh giới tâm linh.

Kế đó, người quay sang nói với tôi:

– Bây giờ con đã học xong một bài học lớn. Con người vốn có linh hồn bất diệt, không thể bị chi phối bởi sự chết. Con hãy ghi nhận cái chân lý đó bằng ngôn ngữ của trần gian.

Ngay lúc đó, trước mặt tôi lần lượt xuất hiện gương mặt khá quen thuộc của một thiếu phụ đã quá vãng mà tôi có dự đám tang từ hơn hai mươi năm trước, rồi đến những nét mặt quen thuộc của một người bạn chí thân mà tôi cũng đã từng đưa đến nơi yên nghỉ cuối cùng cách đây mười hai năm, và sau cùng là nụ cười hồn nhiên của một đứa trẻ mà tôi biết là đã chết trong một tai nạn. Cả ba người đều nhìn tôi trong sự trầm lặng, giọng nói thân mật của họ đã thốt ra chung quanh tôi. Tôi nói ít lời vắn tắt với mỗi người ấy, rồi họ lui gót và biến mất.

Vị đạo trưởng già nói:

– Họ cũng sống như con đây, như cái Kim Tự Tháp này đã từng chứng kiến cái chết của nửa phần nhân loại và nó vẫn còn tồn tại. Con hãy, con nên biết rằng trong ngọn tháp cổ này còn ẩn tàng cái di sản đã mất của những giống người đầu tiên và của sự hòa hợp giữa họ với tạo hóa, do sự trung gian của các vị tiên tri. Những người được chọn lựa ngày xưa đã từng đến đây để được trình bày cho thấy sự hòa hợp

đó và khi trở về họ có thể duy trì sự bí mật đó mãi mãi trong dân gian. Con hãy ghi nhớ lời cảnh cáo này: “Khi nào con người từ bỏ sự hòa hợp với thiên nhiên và nuôi sự thù hận đối với kẻ đồng loại, thì họ sẽ chịu cái số phận của những vị quốc vương châu *Atlantide* ở vào thời đại xây cất Kim Tự Tháp này. Họ sẽ bị diệt vong bởi chính lòng tà vạy của họ cũng như dân *Atlantide* ngày xưa vậy.” Không phải thiên nhiên đã nhận chìm châu *Atlantide* mà chính là sự ích kỷ, bạo tàn và mù quáng tâm linh của những dân tộc sống trên vùng lục địa ấy. Thiên nhiên vốn là sự hòa hợp tuyệt đối với tất cả nhân loại, nhưng sự sống còn của con người luôn chịu sự chi phối của những định luật huyền bí hiện hữu trong thiên nhiên. Vậy con hãy ghi nhớ những lời cảnh cáo này.

Khi ấy, tôi bị xâm chiếm bởi một ước muốn mãnh liệt là muốn biết thêm về sự hòa hợp bí mật ấy. Chắc hẳn vị đạo trưởng đã đọc được tư tưởng của tôi, vì người liền nói nhanh:

– Mọi sự phải đến vào đúng ngày giờ của nó. Chưa phải lúc, con ạ. Chưa phải lúc!

Tôi cảm thấy một sự thất vọng chua cay. Vị đạo trưởng nhìn tôi trong vài giây đồng hồ rồi nói tiếp:

– Chưa có một người nào thuộc chủng tộc của con đã được phép biết điều ấy. Nhưng vì con đã giở về

các khoa này, vì con đã đến với chúng ta với tấm lòng đầy thiện chí và hiểu biết, con có thể nhận được một vài sự thỏa mãn. Bây giờ, con hãy theo ta.

Khi đó xảy ra một chuyện lạ kỳ. Dường như tôi đã chìm vào một cơn mê, trong một lúc tôi đã mất cả ý thức về ngoại cảnh và kể đó tôi cảm thấy rằng tôi đã được đưa đến một chỗ khác. Tôi thấy tôi đang ở tại một dãy hành lang dài, có chiều một thứ ánh sáng êm dịu, tuy tôi không thấy có cửa sổ hay đèn đuốc chi cả. Tôi nghĩ rằng cái nguồn phát ra ánh sáng này không gì khác hơn là hào quang bao bọc chung quanh người vị đạo trưởng già đồng hành với tôi. Nhưng tôi phải nhìn nhận rằng sự giải thích này vẫn chưa đủ. Các vách tường đều bằng đá ứng màu đất nung, và các phiến đá được ráp nối một cách vô cùng tinh vi. Đất nghiêng theo đường dốc lồi lồi đi xuống, theo một góc tương đương với độ dốc từ cửa vào Kim Tự Tháp. Gian phòng vuông vức và thấp, nhưng không gây trở ngại. Tôi không thể khám phá ra nguồn gốc của cái ánh sáng bí mật ấy, phía trong gian phòng cũng được chiếu sáng không kém, dường như có một ngọn đèn soi sáng khắp phòng.

Vị đạo trưởng già mời tôi đi theo con đường dốc. Người dặn:

– Đừng quay đầu lại nhìn phía sau.

Chúng tôi vẫn đi như thế trên một quãng đường dốc, kế đó tôi thấy một gian phòng lớn, giống như một nơi thánh điện, ở tận chỗ cuối đường. Tôi biết rõ là tôi đang ở trong hay ở phía dưới hầm Kim Tự Tháp, nhưng trước đó tôi không hề thấy con đường dốc và gian phòng này. Lẽ tất nhiên con đường dốc và gian phòng này đều bí mật vì cho đến khi đó vẫn chưa hề bị khám phá. Tôi không khỏi cảm thấy kinh sợ, do sự phát hiện đột nhiên này, trong khi một sự tò mò mãnh liệt cũng không kém khiến tôi tự hỏi đâu là chỗ cửa vào con đường hầm bí mật này và cửa đó ra sao. Sau cùng tôi phải quay đầu lại và liếc nhìn ra phía sau để hy vọng tìm thấy cái cửa bí mật. Tôi lọt vào con đường dốc này mà không do một ngã nào, nhưng ở phía cuối đường hầm tôi nhận thấy rằng hình như chỗ cửa vào đã bị đóng chặt bởi những tảng đá vuông lớn và trét bằng một chất nhựa giống như xi măng.

Tôi xem xét một vách tường đá trắng, kế đó tôi cảm thấy như bị xô té bởi một sức mạnh vô hình không cưỡng lại được, cho đến khi tất cả cảnh tượng ấy biến mất dạng và tôi tiếp tục bay lơ lửng trên không gian. Tôi còn nghe cái âm hưởng vọng lại từ xa như một tiếng vang: “Chưa phải lúc... chưa phải lúc...” và trong giây phút tôi đã nhìn thấy cái thể

xác vô tri bất động của tôi nằm trên tảng đá. Vị đạo trưởng già nói nhỏ với tôi:

– Con hỡi! Con có tìm thấy cái cửa bí mật hay không, điều ấy cũng không quan hệ gì. Con hãy tìm trong nội tâm con đường huyền bí đưa con đến nơi thánh điện ẩn giấu trong chỗ thâm kín nhất của linh hồn, rồi con sẽ tìm thấy cái kho tàng bí mật. Sự bí mật của Kim Tự Tháp chính là sự bí ẩn trong người của con vậy. Những thánh điện thâm nghiêm, những di tích chứng minh của thời cổ, tất cả đều có trong tâm hồn của con. Bài học của Kim Tự Tháp chính là đây: Con người phải quay về nội tâm, thám hiểm tận chỗ trung tâm huyền bí của bản chất mình để tìm thấy chân ngã, cũng như người ta phải thám hiểm tận chỗ thâm sâu ẩn giấu của ngọn tháp này để khám phá ra điều bí mật tối trọng của nó. Thôi, ta vĩnh biệt con từ đây!

Tâm hồn tôi quay cuồng trong một cơn gió lốc lôi cuốn tôi đi, tôi trượt xuống dưới tháp, xuống tháp mãi, một sự mê man nặng nề xâm chiếm lấy tôi, hình như tôi sắp trở về với thể xác của tôi. Tôi thu thập tàn lực để cố gắng cử động những bắp thịt đã cứng đờ, nhưng vô hiệu quả, và sau cùng tôi ngất liệm đi...

Tôi giật mình và mở mắt dậy trong bóng tối dày đặc. Khi toàn thân tôi đã co giãn lại được, tôi dò dẫm

trong đêm tối để tìm ngọn đèn pin và bật lên. Tôi vẫn ở trong Vương cung, tinh thần căng thẳng đến cực độ, làm cho tôi phải phóng mình nhảy dựng lên và kêu to, tiếng kêu của tôi vang dội lại rền rĩ trong đêm trường. Nhưng thay vì chân tôi đạp lên mặt đất phía dưới, tôi cảm thấy dường như tôi bị rơi trong khoảng không. Tôi bèn đưa hai tay quơ và bám chặt lấy cạnh của tảng đá và treo mình lủng lẳng trên vực thẳm, nhờ đó tôi mới khỏi té ngã. Khi đó tôi mới biết việc gì đã xảy ra.

Khi tôi vừa nhảy dựng lên tôi đã đi đến đầu cuối của tảng đá mà tôi không hay và hai chân tôi đã ở phía trên một cái lỗ trống đào sẵn ở phía góc tây bắc của gian phòng. Tôi bèn định tĩnh tinh thần và tự gỡ mình thoát ra khỏi tình trạng đó một cách an toàn. Tôi lấy đèn bấm soi đồng hồ đeo tay thì thấy kiếng đã bể ở hai nơi do hậu quả của bước nhảy, khi tôi quơ tay dựng vào tường. Nhưng đồng hồ vẫn còn chạy, phát ra tiếng kêu “tích tắc” nhẹ nhàng và lanh lẹ. Khi tôi xem giờ, tôi muốn phát cười to lên, dẫu rằng giữa bầu không khí cổ kính thâm nghiêm này. Đồng hồ chỉ vừa đúng nửa đêm, cái giờ cổ điển của những biến cố ly kỳ. Kim chỉ giờ và phút cùng giao nhau ở đúng ngay vào số mười hai, không sai một chút dù là hơn hay kém!



Khi viên cảnh binh trực đêm mở cái cổng sắt vào lúc mặt trời mọc, một lãng tử mình dính đầy bụi bặm, dáng điệu mệt nhọc, hai mắt thâm quầng, tập tễnh đi ra từ phía hành lang tối om bên trong Kim Tự Tháp.

Người ấy dụi hai mắt và nhìn ra về phía đồng bằng với những cảnh vật quen thuộc. Trước hết, người ấy hít những hơi dài để thở bầu không khí tự do trong lành. Rồi do bản năng thúc đẩy, người ấy quay mặt về phía mặt trời mọc lúc bình minh và âm thầm thờ kính thần Thái Dương đã ban cho loài người cái ân huệ vô giá: ánh sáng!

CHƯƠNG 5

NHÀ PHÙ THỦY THÀNH CAIRO

Tại *Cairo*, người ta sống trong hai thế giới khác nhau. Bạn lọt vào thế giới Ả Rập khi từ công trường trung ương *Ataba el Khadra* bạn đi về phía đông. Bạn lọt vào thế giới Âu Tây hiện đại nếu bạn đi ngược lại chiều hướng trên. Một sự sống lạ lùng hỗn hợp Đông phương với Tây phương, thời trung cổ với thời kỳ hiện đại, màu mè sặc sỡ và sự sống cầu thả, thiếu vệ sinh, cùng với sự ngăn nắp sạch sẽ chung lộn nhau dưới cái nhịp độ sinh hoạt thực tế hằng ngày.

Chính tại *Cairo* mà tôi khám phá hàng hà sa số những pháp sư, phù thủy và đồng tử, nhà tiên tri và chiêm tinh gia, thầy bói và tướng số, tu sĩ và thuật sĩ... gồm những thành phần rất đông đảo và đủ mọi hạng. Chính phủ Ai Cập đã ra lệnh cấm phần nhiều những hoạt động của họ, và áp dụng những biện pháp hạn chế. Mặc dầu tôi vẫn có thiện cảm với những người thuộc thành phần kể trên, tôi phải nhìn

nhận rằng chính phủ hoàn toàn có lý khi áp dụng biện pháp gắt gao đối với họ.

Những tay bọm bãi thường lừa bịp người mê tín nhẹ dạ. Những người buôn thần bán thánh dễ thuyết phục nhiều người sẵn sàng nghe theo họ. Những kẻ tiên tri giả mạo thường làm cho công chúng tin tưởng vào sự lầm lạc của họ. Người ta không thể lường được đúng mức những tổn hại mà các ông thầy bói và tướng số sẽ gây ra cho những thân chủ quá thật thà, thường vịn theo những lời bói toán, tiên tri để làm kim chỉ nam cho cách sinh hoạt và xử thế cũng như những quyết định của mình. Tuy vậy, người ta cũng biết khá đủ về những tệ đoan mà họ đã gây nên, đủ làm cho chính phủ phải can thiệp.

Nhưng dù sao thì trong số những thành phần ấy cũng có một số nhân vật làm cho tôi thích thú ngoài phạm vi hành nghề của họ. Đó là một nhà phù thủy đã làm chết con gà mái ngay trước mắt tôi bằng những câu thần chú của khoa pháp môn; một nữ phù thủy người *Soudan*, đã nói chính xác rằng xứ Ấn Độ là nơi tôi đã trải qua một thời gian rất may mắn tốt lành, và sau đó cũng tiên đoán vài điều đáng chú ý về tương lai; một thanh niên Ai Cập theo đạo Gia Tô và là người gốc ở xứ *Syrie*, luôn tin chắc rằng anh ta là hậu thân của thánh *Elie* và đã chọn sống một cuộc đời ẩn dật lánh xa thế tục giống như vị thánh

tiên tri ấy; một ông lão dị kỳ sống với gia nhân trong tòa nhà lớn bên cạnh một ngôi đền Hồi giáo, và sống tách rời thế gian đến nỗi hầu như đã dùng hầu hết thì giờ của mình để nói chuyện với các vong linh bí mật; một phụ nữ rất can đảm, bất chấp lệnh cấm của vua *Ibn Séoud*, đã lên quay phim tại thánh địa *Mecca*, nhưng về sau lại muốn học hỏi các vấn đề đạo lý với những bậc danh sư thượng thặng; nhà thuật sĩ trứ danh *Tahra Bey*, không ngần ngại cắm một lưỡi dao găm vào cổ họng mình hoặc vào ngực trên chỗ quả tim mà không hề hấn gì cả, thậm chí cũng không thấy chảy máu...

Vẫn còn một số những nhân vật khác nữa cũng làm cho tôi phải chú ý, nhưng tôi không thể mô tả hết thấy bọn họ với đầy đủ chi tiết, mà chỉ kể có thể sơ lược ở đây những chuyện về một vài người đáng lưu ý nhất.

Một khía cạnh khác của đời sống ở *Cairo* cũng rất hấp dẫn đối với tôi. Đó là khía cạnh tôn giáo, vì thành phố này cũng đã từng là trung tâm truyền bá nền văn minh Hồi giáo trong khoảng trên một nghìn năm.



Tôi tìm thấy chỗ ở của nhà phù thủy vào một buổi trưa hè oi bức, sau khi đã đi tìm đường rất lâu và mất rất nhiều công phu dò hỏi. Tôi đi theo một con đường lớn vẫn còn lót bằng những tảng đá rất xưa cũ, đến một khu xóm ồn ào, cũ kỹ, bình dân, với những con đường hẹp quanh co chen chúc nhau giữa ngôi đền Hồi giáo *El Azhar* và khu nghĩa địa âm u *Bab el Wazir*.

Một đoàn lạc đà nối đuôi nhau đi vào thành phố. Mỗi con lạc đà đều có treo trên cổ một cái lục lạc đồng, khiến cho cuộc diễu hành của chúng phát ra những âm thanh nghe rất vui tai.

Để tìm được địa chỉ của nhà phù thủy, tôi vạch một lối đi xuyên qua nhiều ngõ ngách tối tăm, quanh co lẩn khuất như chốn mê cung, với nhiều lối đi chật hẹp đến nỗi nền trời hầu như chỉ xuất hiện qua những khe hở không đều đặn giữa những nóc nhà hai bên đường. Tuy nhiên, ánh nắng rọi xuống những lối đi chật hẹp đó cũng đủ tạo nên một khung cảnh chỗ sáng chỗ tối trông rất ngoạn mục.

Sau cùng, tôi đi vào một con đường khúc khuỷu đưa đến nhà của người mà tôi tìm kiếm, xuyên qua những lớp bụi trắng rất dày mà những ngọn gió đã mang đến từ những ngọn đồi khô khan nhô lên ở vùng ngoại ô thành phố.

Ngôi nhà rộng lớn và có vẻ cũ kỹ, mặt tiền xây bằng những tảng đá dài sơn phết màu mè sặc sỡ, và trên gác có nhiều cửa sổ. Tôi đợi một lát thì có một đứa trẻ độ mười bảy tuổi ra chào hỏi với một giọng do dự:

– Thưa ông muốn hỏi ai?

Khi tôi nói đích danh nhà phù thủy thì người thiếu niên lùi bước với vẻ ngạc nhiên. Hẳn là trong số những thân chủ của nhà này không có nhiều người Âu. Người thiếu niên nói:

– Ông muốn tìm cha tôi ư? Có chuyện gì, xin ông cho biết?

Tôi nói ý định của mình và đưa ra một tờ giấy giới thiệu viết bằng bút chì. Khi anh ta nhìn thấy chữ ký trên tờ giấy, đôi mắt anh ta lập tức sáng lên. Anh ta mời tôi vào nhà, đưa vào phòng khách và chỉ một cái giường cây có lót vải trắng, mời tôi ngồi.

Kế đó, anh ta nhanh nhẹn bước lên lầu và trở xuống ngay. Tôi nghe có tiếng chân người lê những bước chậm chạp, và người thiếu niên bước vào phòng, theo sau là một người thân hình to lớn nhưng đã già, trạc độ sáu mươi tuổi. Người này vừa bước vào đã đưa tay lên trán để chào tôi theo lối bản xứ. Ông ta choàng trên đầu một chiếc khăn trắng phủ xuống tận vai, để một mái tóc đen như huyền. Nét mặt ông

ta rất già dặn và biểu lộ một tính tình cởi mở, tốt bụng, với râu mép khá rậm nhưng bộ râu dưới cằm thì thưa thớt. Đôi mắt ông ta lớn nhưng hầu như luôn nhìn xuống đất và hai mí mắt nheo lại. Ông ta ra hiệu mời tôi cứ ngồi yên tại chỗ đó và ông thì đến ngồi trên một chiếc ghế lớn.



Nói vài lời vắn tắt, nhà phù thủy bày tỏ sự hân hạnh được tôi đến viếng, và mời tôi dùng nước trước khi vào đề câu chuyện. Tôi cảm ơn, nhưng vì biết rõ tập quán bản xứ nên tôi yêu cầu ông ta đừng mang cà phê đến, vì tôi không dùng loại nước ấy. Ông ta liền mời tôi dùng trà của xứ Ba Tư, một loại trà rất ngon, và tôi vui vẻ nhận lời.

Trong khi chờ đợi, tôi định hỏi qua nhà phù thủy đôi điều về đời tư của ông ta, nhưng chẳng được kết quả gì. Ngoài vài lời trao đổi ngắn ngủi theo phép lịch sự tối thiểu, ông ta không chịu tiết lộ bất cứ điều gì về cuộc đời của mình. Trái lại, ông ta xoay chiều câu chuyện và đưa ra vài câu hỏi về mục đích của tôi.

Tôi trả lời thành thật và không do dự. Trong khi đó, người gia bộc đã dọn ra những thức ăn đặc biệt của Ai Cập, gồm có những khoanh bánh ngọt làm

bằng bột mì trộn với mật ong và chiên vàng, chuối và những chén trà Ba Tư thơm phức. Khi chủ nhà hiểu rằng việc sưu tầm của tôi không có mục đích chế nhạo hoặc ác ý gì khác, ông ta trở nên rất cởi mở. Nhưng, dưới cái lớp nhả nhận lịch sự bên ngoài đó, tôi nhận thấy ông vẫn luôn dè dặt kín đáo, dường như không muốn tiết lộ cuộc đời mình cho một người khách lạ.

Rồi bỗng nhiên ông ta thay đổi thái độ và đề nghị cho tôi xem một vài bí thuật phù thủy. Ông ta nói:

– Ông hãy đưa cho tôi cái khăn mù xoa.

Tôi đưa khăn cho ông ta, ông ta cầm lấy rồi trả lại tôi và nói:

– Được rồi. Bây giờ ông hãy xé nó ra làm hai mảnh.

Tôi làm theo lời. Ông ta cầm lấy một mảnh khăn và viết trên đó vài dấu hiệu nguệch ngoạc bằng một cây viết mực. Xong rồi, ông ta xếp mảnh khăn lại đưa cho tôi, và yêu cầu tôi để trong một cái đĩa nhỏ bằng đồng ở cạnh tôi trên giường cây. Tôi theo dõi mọi việc với ít nhiều sự thích thú. Nhà phù thủy cầm một mảnh giấy và vẽ trên đó một hình tam giác lớn. Trong hình tam giác đó, ông ta vẽ vài dấu hiệu bí mật và vài chữ Ả Rập. Xong, ông ta đưa cho tôi mảnh giấy và bảo tôi để lên trên cái khăn đã xếp làm tư.

Rồi ông ta nói lầm thẫm trong vài phút một thứ ngôn ngữ dị kỳ khó hiểu, hai mắt nhắm nghiền.

Rồi thình lình ông ta mở mắt ra. Ngay khi đó, cái khăn bị xé hai bấc cháy trên cái đĩa đồng bên cạnh tôi. Ngọn lửa bốc lên cao làm tôi ngạc nhiên, và trở thành một luồng khói dày đặc bay khắp phòng. Khói làm tôi ngộp thở và cay mắt. Tôi bèn vội vã đứng dậy đi ra cửa, thì nhà phù thủy đã ra đến đó trước tôi. Ông ta gọi người gia bộc mở hết các cửa sổ cho bớt khói. Phải chăng đó là tác dụng của khoa phù thủy, hay chỉ là một trò ảo thuật dùng những hóa chất bắt lửa?

Tôi không băn khoăn lắm về việc ấy, vì tôi không thấy cần một sự chứng minh để làm gì. Nhưng ông lão tỏ vẻ rất hãnh diện về cái kỳ công đó. Tôi hỏi:

- Ông đã đốt cái khăn bằng cách nào?
- Bằng cách sai khiến âm binh.

Đó là câu giải thích của ông ta, và như vậy cũng giống như chẳng giải thích gì cả, nhưng tôi không hỏi thêm gì nữa. Vì ở Ai Cập người ta thường dùng cách đó để giải thích những điều mâu nhiệm ngoài lãnh vực tự nhiên. Nhà phù thủy bảo tôi:

– Ông hãy trở lại đây sau ba ngày, nhưng đừng quên đem theo một con gà lông trắng. Tôi nhận thấy nơi ông có một điều gì đó mà tôi rất thích, vì thế tôi

vui lòng giúp ông một việc. Ông hãy nhớ đem một con gà tơ, đừng già quá, và phải có lông trắng.

Tôi nghĩ đến những tay phù thủy châu Phi thường cất cổ gà trống trắng rồi phóng tia huyết gà lên đầu những thân chủ của họ, nên tôi từ chối lời đề nghị của ông này. Nhưng ông ta khẩn khoản mời mọc tôi nhiều lần và nói thêm rằng nghi thức phù thủy này có bàn tay của một vị thần linh rất cao sẵn sàng hành động để phò trợ cho tôi. Nhưng tôi vẫn một mực từ chối.

Sau cùng, tôi nói cho ông ta biết rằng loại nghi thức này làm cho tôi ghê tởm, và tôi thà không có được những sự lợi ích mà ông ta đã gán cho việc hành lễ ấy. Nhà phù thủy liền bảo đảm rằng sẽ không có việc đổ máu trong nghi thức này. Nghe như thế, tôi đồng ý.



Một lần nữa, tôi lại đi qua những con đường nhỏ hẹp đưa đến chỗ ở của nhà phù thủy. Lần này, tôi đi qua chợ bán gà vịt ở phía sau công trường *Ataba el Khadra* và mua một con gà mái tơ lông trắng. Tôi ôm con gà trong tay và cảm thấy hơi thở ấm của nó dưới lòng bàn tay tôi. Tôi tự hỏi không biết lão phù thủy sẽ dành cho nó một số phận ra sao.

Khi tôi đến nơi, lão phù thủy không còn dè dặt nghiêm nghị như hôm trước mà mỉm cười rất cởi mở. Ông ta bảo tôi để con gà ở giữa tám thảm trải trên nền gạch rồi bước qua ba lần trên một lư hương đốt trầm nghi ngút ở góc phòng. Sau khi đã bước qua đủ ba lần trên làn khói trầm thơm phức, tôi đến ngồi trên giường cây và nhìn chủ nhà. Nhà phù thủy lấy ra một tờ giấy, vẽ trên đó một hình vuông chia làm chín ô vuông nhỏ. Trong mỗi ô vuông đó, ông ta vẽ một dấu hiệu thần bí hoặc một chữ Ả Rập.

Kế đó, ông ta niệm lầm thảm, một câu thần chú và đôi mắt vẫn luôn nhìn chăm chú vào con gà. Thỉnh thoảng, ông ta đệm thêm vào những câu thần chú ấy một cử chỉ ngắn như ra lệnh bằng ngón tay trỏ. Con vật bắt đầu sợ hãi và chạy trốn vào một góc phòng, chui núp dưới một cái ghế. Khi đó, nhà phù thủy bảo tôi bắt con gà lại và để nó ở giữa tám thảm như cũ. Tôi nói là không muốn sờ mó vào con gà một lần nữa.

Khi ấy, người con trai ông lão vừa bước vào phòng, liền đến bắt con gà và để lại chỗ cũ. Con gà lại bắt đầu tỏ vẻ sợ sệt và lại muốn chạy vào góc phòng. Nhưng lão phù thủy khi ấy, bằng một giọng mạnh mẽ, ra lệnh cho nó nằm yên. Con gà bèn nằm im lập tức.

Lúc ấy, tôi nhận thấy toàn thân nó run lên, và những lông trên mình nó dựng lên. Nhà phù thủy lại mời tôi bước qua ba lần trên cái lò đốt trầm. Khi tôi trở lại ngồi trên giường cây, con gà không nhìn vào lão phù thủy nữa, mà hai mắt nó nhìn về phía tôi cho đến lúc cuối cùng. Khi đó tôi nhận thấy một sự lạ lùng. Hơi thở của con gà trở nên nặng nề và khó khăn, mỗi hơi thở chỉ còn là một cơn thở dài và hỗn hển, mồm nó há ra luôn, dường như đang cố gắng để đem không khí vào phổi. Nhà phù thủy bèn đặt lá bùa dưới đất ở một bên nó, rồi lui gót một cách nhẹ nhàng về phía cánh cửa mở.

Ông ta đứng lại nơi đó và vừa đọc thần chú vừa nhìn thẳng vào con gà. Những câu thần chú của ông ta lên giọng như ra lệnh, và dần dần con gà càng lúc càng uể oải như sắp tắt thở. Nó cố gắng một lần chót để đứng dậy nhưng lại té ngã xuống vì kiệt sức. Vài phút trôi qua, nó giật mình vài cái, hai cánh vỗ một cách yếu ớt. Những cử động của nó yếu dần rồi dứt hẳn. Thân mình nó cứng đờ, rồi đến cái đầu, và tôi nhận thấy con gà nóng hổi mà tôi vừa đem đến nửa giờ trước đây nay đã thành một cái xác chết.

Tôi lấy làm ngạc nhiên, không thốt ra được một lời nào và có một cảm giác như buồn nôn. Lão phù thủy yêu cầu tôi để cái khăn tay trên xác con gà, và nói với một giọng lạ lùng:

– Khoa pháp môn đã thành công hoàn toàn. Kể từ nay, vị thần linh đã giết con gà này sẽ phù trợ cho ông. Đôi khi tôi cũng đã làm một nghi thức như thế mà con gà không chết, đó là vì thần linh từ chối không chịu phù trợ cho thân chủ của tôi.

Tôi quan sát nhà phù thủy đáng sợ này suốt buổi hành lễ và thấy y luôn luôn nhìn xuống đất. Y giải thích thái độ đó như sau:

– Khi tôi niệm chú hô thần để kêu gọi một vị, và khi thần linh đã xuất hiện để chịu cho tôi sai khiến, thì không bao giờ tôi nhìn thẳng vào y. Đó là một trong những qui luật phải tuân theo. Nhưng cuộc lễ hy sinh này chưa phải đã xong. Ông còn có bốn phận gói xác con gà lại và đem về nhà cho đến ngày mai, đợi đến lúc nửa đêm, ông sẽ đi đến cầu *Kasr el Nil* và liệng xác nó xuống sông. Trong khi đó, ông hãy đưa ra một lời ước nguyện, và có ngày thần linh sẽ giúp ông đạt được ý muốn.

Cái khăn của tôi không đủ để gói xác con gà. Tôi thấy trong phòng có một tờ báo, tôi bèn dùng nó để gói lại. Về đến nhà, tôi đưa cái gói cho tên gia bộc Ả Rập còn trẻ tuổi của tôi, và dặn y không nên mở gói ra cũng đừng sờ mó gì đến nó cho đến đêm sau. Nhưng lời dặn này là thừa. Tôi chỉ nói thoáng qua rằng con gà đã bị hy sinh do bàn tay của một nhà phù thủy và không phải dùng để ăn. Tên gia nô lùi

lại trong sự sợ hãi, và kể từ lúc ấy, y tránh không đến gần con gà.

Chiều đến, tôi ra tiệm dùng cơm với hai người bạn, một người Mỹ và một người Ai Cập. Tôi thuật lại cho họ nghe chuyện con gà bị hy sinh bằng khoa phù thủy. Họ quả quyết rằng con gà bị giết bằng những phương pháp khác hơn là khoa pháp môn. Về phần tôi, tôi không bày tỏ ý kiến gì mà chỉ giữ kín quan niệm của tôi. Khi tôi thuật lại tất cả các chi tiết, họ phá lên cười, và con gà trở thành đề tài chính của câu chuyện giữa chúng tôi trong buổi tối hôm đó.

Tôi phải thú nhận rằng tôi cũng đã mỉm cười khi tôi nghe những câu nói đùa châm biếm của những ông bạn tôi về nhà phù thủy vắng mặt. Họ dùng ông ta làm cái bia cho những sự chỉ trích và bỡn cợt rất ngộ nghĩnh. Thành linh tất cả đèn đuốc đều tắt phụt trong tiệm ăn, chúng tôi còn đang ăn dở bữa chưa xong. Tất cả những cố gắng của người chủ tiệm vẫn không thể nào làm cho đèn cháy lại được. Sau cùng người chủ tiệm phải cho thắp đèn cây, và bữa ăn tối hôm ấy kết thúc dưới ánh đèn nửa mờ nửa tỏ.

Người bạn Ai Cập của tôi, cựu sinh viên trường Đại Học *Sorbonne* và có tiếng là một con người đa nghi, bèn mất đi trong một lúc sự hài hước đùa cợt của anh ta.

– Chính nhà phù thủy của anh đã làm chuyện ấy!

Anh ta nói với một giọng có vẻ giấu cợt bề ngoài, nhưng tôi thấy bên trong có tiềm ẩn một chút lo ngại. Có thể rằng cầu chì tình cờ bị nổ làm tắt điện, điều ấy đã hiển nhiên. Nhưng việc này xảy ra trong những hoàn cảnh làm cho tôi nhớ lại hai sự việc khác đã xảy ra một cách lạ lùng trong những trường hợp tương tự.

Việc thứ nhất là trường hợp của chính cá nhân tôi, còn việc thứ hai được văn hào trứ danh *Robert Hichens* thuật lại cho tôi, vì ông có quen thân với nhân vật chính trong câu chuyện.

Câu chuyện thứ nhất xảy đến cho tôi từ nhiều năm trước, khi tôi đang theo đuổi một cuộc sưu tầm về những giáo phái xuất hiện vào thời kỳ đó ở khắp châu Âu và châu Mỹ. Một trong những chi phái đó do sự điều khiển của một phần tử bất hảo, một cựu linh mục đã bị trục xuất khỏi Giáo hội, nhưng ông ta là một nhân vật có quyền năng và kiến thức rộng. Do sự điều tra, tôi được biết rằng ông ta có thuật thôi miên rất mạnh và thường lợi dụng thuật ấy để đạt những mục đích tà vạy, khai thác và làm tiền những kẻ nhẹ dạ mê tín. Thay vì cảnh cáo những người mà tôi quen biết trong số các nạn nhân của ông ta,

tôi vẫn giữ kín sự khám phá của tôi, vì tôi tin rằng những kẻ bất lương sớm muộn gì cũng phải đền tội. Yếu tố quyết định đã xảy đến dường như do sự tình cờ, khi tôi gặp ở ngoài đường vào lúc mười giờ đêm, một thiếu phụ vợ của một người mà tôi quen biết rõ. Cách đi đứng của bà ta có vẻ lạ lùng làm cho tôi phải ngừng bước giữa đường để hỏi chuyện, và tôi vô cùng ngạc nhiên mà nghe nói rằng bà ta đang đi đến nhà của người thầy dòng tu để ngủ đêm tại đó. Tôi đưa bà ấy đến cột đèn gần nhất và dưới ánh sáng đèn điện, tôi quan sát cặp tròng trắng và con ngươi trong đôi mắt của bà ta, thì thấy rằng bà ta đã hoàn toàn bị thôi miên. Tôi thấy có bốn phạm phải giải tỏa phép thôi miên cho bà ấy ngay lập tức và thuyết phục bà hãy trở về nhà.

Qua hôm sau, tôi đến viếng một người bạn Ấn Độ để hỏi ý kiến của ông ta về vấn đề này. Tôi thuật lại cho ông ta nghe rõ tất cả những điều tôi khám phá về hành động bất lương của tên lưu manh nọ, và nói rằng theo ý tôi một người như thế thật là quá nguy hiểm nếu để cho họ được tự do làm hại kẻ khác.

Người bạn Ấn Độ đồng ý với tôi và còn tỏ ra vô cùng phẫn nộ, đề nghị trừng phạt tên lưu manh bằng một sự trù ẻo nặng nề. Tôi biết rõ người bạn tôi đã được thụ huấn về môn *Yoga* của Ấn Độ và về những

bí thuật khác của các nhà đạo sĩ Đông phương, và một sự trù ẻo xuất phát từ cửa miệng của y không phải là chuyện tầm thường.

Xét thấy rằng sự trừng phạt đó hơi quá đáng đối với trường hợp này, tôi liền nói rằng ông ta có thể hành động theo ý muốn, nhưng theo tôi thì nên dùng một phương pháp nhẹ hơn, chỉ cần làm cho tên bất lương phải bỏ xứ ra đi mà không dám trở về. Người Ấn Độ đồng ý, nhưng cho biết là điều đó cũng không ngăn cản ông ta thốt ra một lời nguyên rủa, và sự thật là ông ta đã làm như vậy.

Sau đó tôi đi tìm tên đạo đức giả kia và thấy hắn ta đang tụ họp một số đệ tử đông đảo trong một gian phòng hẹp, và nơi đó đang diễn ra một sự hỗn loạn khó tả trong đêm tối dày đặc. Mọi người đang chen lấn xô đẩy nhau để tìm lối ra, những kẻ bị té ngã thốt ra tiếng kêu la âm ỉ. Nhưng giữa cơn náo loạn ồn ào bỗng vang rền tiếng kêu thất thanh của tên giáo chủ bịp bợm, biểu lộ một sự vô cùng sợ hãi và tuyệt vọng:

– Ác quỷ có mặt ở đây! Đó là do bàn tay của ác quỷ!

Tôi bật vài cái diêm quẹt, thì thấy y nằm dài trên cái bục gỗ, dường như đang bị chứng động kinh và mê man bất tỉnh. Người ta thấp đèn cây lên. Những

đệ tử của ông ta lập tức đưa ông ta sang một khách sạn gần bên, và cố gắng làm cho ông ta tỉnh dậy bằng một thứ nước uống quen thuộc của ông ta là rượu *whisky*.

Trong khi đó, những người khác thuật lại cho tôi nghe những gì đã xảy ra. Tất cả các môn đồ đang ngồi trên ghế, lắng nghe vị giáo chủ của họ thuyết giảng, thình lình tất cả những bóng đèn điện đều nổ tung cùng lúc với một sức mạnh mãnh liệt như tiếng bom nổ. Những mảnh vỡ của các bóng đèn bắn tung ra tứ phía. Gian phòng bị đắm chìm trong bóng tối, và giữa cơn hỗn loạn kinh khiếp, họ nghe tiếng thầy họ té ngã một cách nặng nề trên bục gỗ và thốt ra những tiếng kêu thất thanh vì kinh hãi.

Tôi bèn theo sang bên khách sạn, viết một bức thông điệp ngắn rồi bỏ trong một bao thư có niêm phong cẩn thận. Tôi đưa bức thư đó cho người đệ tử lớn nhất của hẳn ta và yêu cầu người này hãy chuyển lại cho thầy khi nào ông ta tỉnh dậy và có thể đọc được.

Đó là một bức tối hậu thư, buộc ông ta phải rời khỏi thành phố này trong vòng hai mươi bốn giờ và không được trở lại nữa, nếu không, cảnh sát sẽ truy nã ông ta.

Quả thật, ông ta lập tức ra đi, và độ một năm sau thì tôi nghe tin là ông ta đã chết nơi một ngôi làng nhỏ hẻo lánh. Nhưng điều lạ lùng nhất trong câu chuyện này là gian phòng bị tắt điện tối om đúng vào lúc mà cuộc lễ trừ ẻo của người Ấn Độ bạn tôi lên đến mức độ hữu hiệu tuyệt đối!

Câu chuyện thứ hai có liên quan đến Huân tước *Carnavon*, nhà khảo cổ đã khai quật lăng tẩm của vua *Toutankhamon*. Cả thế giới đều biết câu chuyện hi hữu về sự khám phá dị kỳ này, và ai cũng biết rằng chỉ ít lâu sau khi thành công, nhà khảo cổ Anh này đã mắc phải chứng nhiễm độc máu. Người ta cũng biết rằng người cổ Ai Cập đã trù ếm những kẻ nào xâm phạm đến ngôi lăng tẩm này. Vì chứng bệnh bạo phát, người ta phải đưa Huân tước *Carnavon* đến *Cairo* để được điều trị bằng những phương liệu y khoa tốt nhất mà thành phố ấy có thể cung cấp.

Người ta đưa ông *Carnavon* vào khách sạn *Continental Savoy*, một trong những khách sạn lớn nhất của *Cairo*. Một buổi tối, ít lâu sau khi ông ta được đưa vào đây, tất cả các ngọn đèn điện đều cùng lúc vụt tắt. Đêm tối kéo dài gần một giờ. Khi đường dây điện được thiết lập lại, người nữ y tá sẵn sóc cho Huân tước *Carnavon* thấy ông ta đã chết trên giường bệnh!

Bây giờ, tôi sẽ trở lại với chuyện con gà. Hôm sau, vào lúc nửa đêm, người dân Cairo nhìn thấy có một người tay ôm cái gói nhỏ lững thững đi qua cầu *Kasrel Nil*. Đến giữa cầu, anh ta có vẻ ngập ngừng, chờ đợi lúc thuận tiện để thi hành một việc gì đó dường như rất bí mật. Việc ấy không phải dễ làm như người ta có thể tưởng, vì chiếc cầu này ở ngay trung tâm khu vực người Âu. Có một trại lính Anh nằm ở một bên đầu cầu, và ở phía bên kia là tổng hành dinh của viên Cao ủy Anh, có cảnh sát canh gác nghiêm ngặt thường xuyên. Vào giờ này mà ném từ trên cầu một vật khả nghi bọc bằng giấy xuống giòng sông đen ngòm, nếu có bất cứ ai nhìn thấy hẳn sẽ phải kết luận ngay rằng đó là một kẻ sát nhân, hoặc ít ra cũng đang có một âm mưu gì mờ ám, toan vất bỏ một mảnh thi hài của người chết hay một vật chứng nào đó để phi tang.

Tuy nhiên, tôi – vì người đó không ai khác hơn chính là tôi – cũng có dịp quăng cái gói xuống sông từ trên lan can cầu. Khi nó rơi xuống nước với một tiếng bồm, tôi thở phào một cái nhẹ nhõm và rảo bước đi ngay một cách an toàn. Tên gia bọc Ả Rập của tôi đã tạ ơn *Allah* khi thấy tôi trở về nhà bình yên. Anh ta có vẻ sung sướng như một con mèo vừa bắt được con chuột đầu tiên.



Trong những cuộc thăm viếng kế tiếp, tôi cố gắng yêu cầu nhà phù thủy giải thích những phương pháp của y với nhiều chi tiết hơn, để có thể biết xem đó có phải là những trò ảo thuật hay không? Nhưng ông lão phù thủy này không muốn đề cập tới vấn đề ấy, và đắm chìm trong những cơn im lặng kéo dài dường như đã lọt vào một thế giới khác, có lẽ là thế giới của quỷ thần.

Tôi hiểu rằng thật rất khó làm cho một người kín đáo trầm lặng như thế mở miệng để nói chuyện tâm tình cởi mở với mình. Vì thế, tôi quay sang trò chuyện với người con trai của ông lão và nhờ anh ta trả lời những câu hỏi của tôi. Một ngày nọ, anh ta đã cho tôi biết rằng cha anh ta không hề nói cho bất cứ một người nào biết về những bí mật của ông ta. Chính người con trai này cũng đã từng hỏi cha về những điều bí mật đó từ lâu để anh ta có thể nối nghiệp, nhưng luôn bị từ chối. Ông lão cho biết rằng, nghề phù thủy là một nghề vừa khó thực hành lại vừa rất nguy hiểm. Ông lão đã thuật cho con trai nghe câu chuyện của một nhà phù thủy nọ, sau khi kêu gọi một vị thần để sai khiến, xong việc rồi thì không thể làm cho vị thần kia biến mất! Kết quả là vị thần kia chống lại ông ta và gây cho ông ta những sự đau khổ kinh khủng! Đó là một thí dụ của những sự khó khăn trong nghề vẫn thường xảy ra.

Hiện nay, người con trai ông đang theo học luật khoa, một ngành hoạt động ít nguy hiểm hơn nhiều so với khoa phù thủy. Thế là tôi không thể nào hy vọng được nghe nhà phù thủy già tiết lộ những bí mật của ông, dù là thật hay giả. Vì chính cái màn bí mật này đã bảo đảm cho quyền năng và danh tiếng của ông ta. Tôi đành thôi không dò hỏi thêm gì nữa.

Đó cũng là một sự tự nhiên nếu nhà phù thủy không thấy cao hứng để tiết lộ những điều có ảnh hưởng đến tiếng tăm và sự nghiệp của mình. Nhưng nếu tôi không thể làm cho y cởi mở tấm lòng, thì tôi nghĩ là có thể thuyết phục y nói cho tôi nghe những lý thuyết đại cương, và do đó tôi có thể học hỏi được những gì bí ẩn phía sau những câu chuyện mà người Ai Cập thường truyền tụng về các thần linh.

Trong khi tôi nói chuyện với người phù thủy thì tôi nghe xuyên qua cửa sổ tiếng trống nhịp nhàng đều đặn vọng lại từ một nhà gần bên. Bên nhà láng giềng, một tay phù thủy Ả Rập hạng trung bình đang cố gắng dùng những câu thần chú và tiếng trống để đuổi tà ra khỏi xác thân một người bệnh mà ông ta cho là bị quỷ phá. Nhà phù thủy thấy tôi đang ngẫm nghĩ, bèn nói:

– Những dân tộc của các ông bên Tây phương không tin khoa pháp môn cổ truyền của chúng tôi,

bởi vì khoa này sử dụng những sức mạnh của thần linh.

Tôi im lặng. Tôi hiểu thái độ tư tưởng của một người phương Đông một cách dễ dàng, nếu không, tôi đã không bao giờ chú ý đến những xứ này. Ở đây, người ta cho rằng thần linh ở khắp mọi nơi. Nếu một người bị đau ốm, hay bị một điều tai họa, đau khổ, đó là vì họ bị hung thần nhập xác hay ám ảnh cuộc đời họ. Nếu họ được giàu sang hay quyền thế, đó là vì họ được sự phò trợ, giúp đỡ của một vị thần hộ mạng tốt lành. Sau cùng tôi hỏi nhà phù thủy:

– Những vị thần đó như thế nào?

Tôi đã hỏi đúng lúc, vì y đang vui vẻ. Y đáp:

– Ông nên biết rằng những vị thần linh đó có thật, tuy rằng người thời nay đã mất đi khả năng nhìn thấy họ bằng mắt thường. Cũng như trong cõi vật chất có loài động vật, thì trong cõi vô hình cũng có những nhân vật tâm linh, không phải người chết, mà họ có xuất xứ tự trong cảnh giới tâm linh. Đó là những thần linh. Tuy thế, ta đừng lầm họ với những linh hồn thú vật, vì họ có một tính chất khác hẳn. Vài vị thần có trí khôn như người, có những vị tốt lành như các bậc thánh, cũng có những hạng khác là hung thần, ác quỷ. Nói chung những nhân vật trong cõi tâm linh có thể chia làm ba hạng chính:

thần linh, nhân loại và thiên thần. Các thiên thần thuộc về hạng tốt lành, không hề sống trên mặt đất. Những hạng thần linh gồm cả thiện lẫn ác, cũng không hề sống trên thế gian. Còn hạng nhân loại thì đó là những người, nam hay nữ, đã từng sống ở thế gian và rời bỏ xác thân sau khi chết. Cũng như loài vật có bốn phận phụng sự loài người ở cõi thế gian, như loài chó, ngựa, lạc đà được tập luyện để biết vâng lời sai khiến của con người, thì một vài loại thần linh có thể để cho người sử dụng và sai khiến trong cảnh giới vô hình hoặc hữu hình. Khoa pháp môn thời cổ, cũng như khoa pháp môn của một vài nhà phù thủy chân chính hiện còn sống vào thời đại này, có phần chính yếu là làm thế nào để kêu gọi sự trợ giúp của những hạng thần linh ấy. Nói tóm lại, đó cũng là một loại thần linh.

Tôi không kiềm được, lên tiếng cắt ngang để hỏi:

– Người ta dùng phương pháp nào để có được sự trợ giúp đó?

– Trước hết, cần phải biết tên mỗi vị thần để có thể ra lệnh cho họ. Kế đó, phải viết trên một tờ giấy như một lá bùa gồm có tên của vị thần, một đoạn kinh *Coran*, một số hệ thống lông trong khung của một sơ đồ, thường là một hình vuông hay hình tam giác. Điều thứ ba là phải đốt các loại hương trầm, mà thành phần các chất hương liệu sẽ thay đổi tùy theo

tính chất của vị thần mà mình muốn kêu gọi. Điều thứ tư là phải đọc những câu thần chú. Sau cùng, phải có cái quyền năng mà nhà phù thủy tiếp nhận được trong khi làm lễ thụ huấn do thầy ban cho.

Nhà phù thủy ngưng một chút rồi nói tiếp:

– Nhưng muốn có được cái bản lĩnh đó, người học trò khoa pháp môn phải trải qua một thời kỳ tập sự lâu dài và nguy hiểm. Bởi đó, khoa pháp môn bao giờ cũng vẫn là sở đặc của một số rất ít người. Tôi có thể trình bày cho ông biết những sự tin tưởng của chúng tôi, như tôi đang nói trong lúc này, nhưng còn tiết lộ những bí thuật có một giá trị thật sự, thì tôi đã có lời thề với thầy tôi là không bao giờ làm điều đó, trừ khi nào tôi truyền pháp cho một vị đệ tử được thấu nhận sau nhiều năm học hỏi. Thật là một điều nguy hại cho nhân loại nếu những bí thuật của chúng tôi được tiết lộ cho mọi người, vì những kẻ hung dữ có thể lợi dụng khoa này để làm hại kẻ khác vì mục đích ích kỷ, còn về phần chúng tôi thì sẽ mất hết quyền năng, không còn hiệu lực gì nữa. Từ trước đến nay tôi vẫn luôn từ chối việc thấu nhận học trò. Thật ra, theo những luật lệ của môn phái chúng tôi, thì tôi có bốn phận phải truyền pháp cho một người đệ tử trước khi tôi qua đời, để cho khoa pháp môn được tồn tại mãi mãi trong nhân loại. Nhưng vì tôi đã biết

trước ngày giờ tôi chết, nên tôi sẽ thi hành bốn phận đó vào đúng lúc.

Nhà phù thủy lại ngừng một lúc. Tôi lấy làm hài lòng khi thấy ông ta chịu từ bỏ sự dè dặt để nói chuyện cởi mở với tôi. Tôi bèn hỏi thăm về sự nhập môn trước đây của ông ta. Ông ta đáp:

– Tôi xin kể một phần tiểu sử của tôi. Tôi sinh ra đã sáu mươi năm nay tại thành *Suag*, thuộc tỉnh *Girga*. Cha tôi cũng là một nhà phù thủy và chiêm tinh gia chuyên nghiệp nổi tiếng. Tôi còn nhớ rõ, khoa pháp môn của cha tôi hấp dẫn tôi một cách mãnh liệt và làm cho tôi rất say mê. Cha tôi nhận thấy tôi có khuynh hướng đó, người mới tuyên bố sẽ truyền pháp cho tôi, và huấn luyện để chuẩn bị cho tôi nối nghiệp người. Cha tôi có rất nhiều sách cổ viết bằng chữ Ả Rập và những loại sách quý rất hiếm có về khoa pháp môn, người mới đưa cho tôi học. Sau khi được người truyền pháp cho rồi, tôi bèn rời khỏi nhà và đến *Cairo* để vào trường Đại Học *El Azhar*. Hồi đó tôi mới có mười tám tuổi. Tôi học về các khoa văn chương và tôn giáo nhưng tôi vẫn hoàn toàn giữ kín các bí mật của tôi. Tôi có đem theo vài quyển bút tự của cha tôi, và tiếp tục học sách ấy ở nhà. Tôi học được một điều, là phân biệt những tính chất khác nhau của con người, cho đến khi tôi trở nên thuần thục để có thể biết được với một cái nhìn

thoáng qua, tánh tình và ý muốn của một người. Tôi rời khỏi trường Đại Học lúc hai mươi bốn tuổi. Sau đó tôi sống biệt lập ở một nơi hẻo lánh, và tiếp tục thực hành khoa pháp môn cho đến khi tôi cảm thấy có đủ bản lĩnh để có thể hoàn toàn kiểm soát và làm chủ được những thần linh. Khi đó tôi mới thực sự bước vào nghề và bắt đầu nhập thế. Trừ phi người ta có thể đạt được tới cái bản lĩnh đó, thì tốt hơn đừng nên theo đuổi khoa pháp môn. Mấy đứa con tôi đã van xin tôi truyền pháp cho chúng, nhưng tôi đã hướng chúng đi theo những con đường khác, vì tôi thấy chúng nó thiếu sự cam đảm cần thiết để trở nên một nhà phù thủy lành nghề và có thể thành công. Tôi cũng đã thực hành khoa chiêm tinh. Nhiều người Ai Cập có địa vị cao đã đến viếng tôi, và tôi thường tiên đoán vận mạng cho họ. Những vị hoàng thân, bộ trưởng, quan chức, phú thương đều có đến hỏi ý kiến tôi. Một vị quan to của triều đình *Abyssinie* đã nhờ tôi đoán số; năm ngoái, tôi tiếp đón vị công chúa của hoàng triều *Abyssinie*. Quốc Vương xứ *Maroc* đã gửi đến tôi một vị đặc sứ mang theo quốc thư để hỏi về vận mạng tương lai. Một năm kia, bốn tên ăn trộm lẻn vào nhà tôi lúc ban đêm định giết tôi để cướp của, tôi đuổi chúng đi với chỉ một cây gậy. Qua ngày hôm sau, tôi dùng bí thuật để biết tên của chúng. Sau đó tôi có đủ bằng chứng để đưa chúng ra trước pháp luật và cho chúng lãnh án năm năm tù. Cách

đây không lâu, tôi được gọi đến một nhà bị ma khuấy phá, làm lật đổ bàn ghế và vật dụng trong nhà lúc ban đêm. Tôi đốt một lò hương trầm và niệm chú; trong mười lăm phút, vài âm binh đã xuất hiện. Đó là những âm binh đã gây ra sự khuấy phá trong nhà nọ. Tôi ra lệnh cho chúng phải đi ngay và để cho nhà kia được bình yên. Chúng bèn đi mất và mọi sự đều trở lại bình thường.

Nhà phù thủy vỗ hai tay làm hiệu, tên gia bộc bèn bưng ra một mâm đựng mít, bánh ngọt và trà thơm xứ Ba Tư. Nhân lúc dùng trà bánh, tôi hỏi:

– Có thể nào làm cho một người khác thấy được những vị thần linh đó không?

– Được chứ, sau những cuộc chuẩn bị lâu dài và nhiều cố gắng, điều đó có thể thực hiện được. Cuộc chuẩn bị gồm có việc đốt trầm hương và niệm thần chú. Khi đó, một vị thần sẽ xuất hiện từ luồng khói trong gian phòng tối tăm và nói lớn tiếng. Tôi không thực hành khía cạnh đó của khoa pháp môn vì tôi đã quá già để có thể làm những cố gắng dày công như thế.

Tôi lấy làm ngạc nhiên trước nhân vật lạ lùng này, nếu y có thể tiếp xúc với quỷ thần một cách dễ dàng như thế thì đó thật là một người vô cùng nguy hiểm. Tuy nhiên, y cũng tỏ ra có những tình cảm như

mọi người, vì khi thấy đứa cháu gái y mới lên sáu tuổi và mặc quần áo ngộ nghĩnh bắt chợt chạy tung tăng vào phòng, y cúi xuống hôn nó một cách rất trù mến và chơi với nó rất lâu. Tôi lại hỏi:

– Những điều nguy hiểm của khoa pháp môn này như thế nào?

– Người nào kiểm soát và sai khiến được thần linh phải chịu nhiều điều nguy hiểm. Thần linh không phải chỉ là những vật vô tri trong bàn tay của nhà phù thủy. Đó là những nhân vật có trí khôn và ý chí riêng biệt. Họ luôn luôn có thể nổi loạn chống lại người đã khuất phục được họ. Tuy họ tuân lệnh nhà phù thủy đã làm chủ được họ và phụng sự người ấy hết lòng, nhưng nếu nhà phù thủy mất sự tự chủ và ý chí bị sút kém, hoặc nếu ông ta lạm dụng quyền năng vì mục đích tà vạy thì vài loại thần linh có thể phản công trở lại và gây hại, tạo ra những sự khó khăn bất ngờ, như tai nạn hoặc thậm chí là chết bất đắc kỳ tử. Với sự trợ giúp của những thần linh đó, người ta có thể làm được những việc phi thường, nhưng khi nhà phù thủy không đủ sức kiểm chế thần linh, họ có thể phản lại một cách trắng trợn và làm hại người đã khuất phục được họ.

– Phải chăng người cổ Ai Cập cũng đã từng biết rõ những hạng thần linh đó?

– Lẽ tất nhiên, sự hiểu biết đó là yếu tố căn bản về quyền năng của các vị tăng lữ trong các đền đài cổ Ai Cập. Họ sử dụng thần linh như những vị thần canh gác mồ mả hoặc giữ những kho tàng của cải rất vĩ đại. Người ta kêu gọi đến thần linh trong những cuộc hành lễ ở các đền thờ. Tôi cần nói thêm rằng, có khi người ta cũng dùng các thần linh để thực hiện những mục đích tà vạy, bất chính.

Tôi thuật lại cho ông lão nghe kinh nghiệm của tôi trong Đại Kim Tự Tháp, khi tôi thức suốt một đêm trong Vương cung, và linh ảnh hai vị Đạo Trưởng già với con đường hầm bí mật. Nhà phù thủy cho biết:

– Bên trong Kim Tự Tháp và ở vùng chung quanh tượng thần *Sphinx* có một hạng thần linh đặc biệt. Những thần linh này đã bị các vị pháp sư lão thành của thời cổ Ai Cập bắt nhốt tại đó để gìn giữ những nơi bí mật... Những vị thần linh ấy tạo ra những ảo ảnh để đánh lạc hướng những người nào muốn đột nhập vào những chốn thâm nghiêm bí ẩn trong các đền thờ, và nhờ đó họ giữ gìn cho những nơi ấy trở nên bất khả xâm phạm. Tôi cũng tin rằng Đại Kim Tự Tháp có những đường hầm bí mật, những gian phòng kín và những tài liệu ẩn giấu. Tôi cũng đã đến đó một lần với ý định tìm kiếm những thứ ấy, nhưng vì những người canh gác không cho bất cứ một ai đi xuống con đường hầm, nên tôi đành thất vọng trở về.

Lẽ dĩ nhiên, những vị thần gìn giữ những nơi bí mật của Kim Tự Tháp và thần tượng *Sphinx* có thể bị lôi cuốn và mua chuộc, nhưng muốn như vậy, người ta phải biết rõ hình dáng và tên của họ cùng những câu thần chú đặc biệt để kêu gọi các vị thần. Nhưng tiếc thay, những điều đó nay đã mất không còn nữa, và đã bị chôn vùi theo các nhà đạo sĩ cổ Ai Cập.

Tôi bèn hỏi về những quyền năng mà ông ta đã đề cập đến, vì tôi được biết những quyền năng đó không phải là vô giới hạn. Ông ta đáp:

– Lẽ tất nhiên chúng tôi không dám tự hào có thể làm bất cứ việc gì. Nhưng chúng tôi quả thật có thể làm được một vài việc, chỉ có thể làm được một vài việc, thế thôi. Chúng tôi chỉ có thể cố gắng thi thố tài nghệ của mình mà thôi, còn thành hay bại còn tùy thuộc vào nhiều điều kiện khác.

Tôi kiếu từ và lại trở ra con đường hẹp đầy cát bụi, dưới ánh nắng trong sáng của mặt trời thành *Cairo*. Tôi còn cất trong túi áo một viên ngọc lớn, được chùi sáng bóng, màu nâu đỏ, hình bầu dục. Nhà phù thủy đã tặng cho tôi viên ngọc này để làm vật kỷ niệm, và theo như lời ông ta thì viên ngọc này ngày xưa là vật sở hữu của một vị *Pharaoh*. Tôi ngắm viên ngọc và nghĩ đến nhà phù thủy mà tôi vừa tiếp xúc, cùng những thần linh bí mật vô hình mà ông ta nói là lúc nào cũng sẵn sàng vâng lời sai khiến của ông ta. Tôi

thấy rằng, khi đạt đến trình độ đó, người ta đã bước vào một lãnh vực nguy hiểm, gần kề với ranh giới giữa khoa pháp môn huyền bí và bàng môn tả đạo.

Những thần linh ấy phải chăng là những sự bịa đặt cổ truyền và vô căn cứ? Không, tôi phải nhìn nhận rằng trong những cảnh giới bí ẩn của thiên nhiên phải có những sinh vật khác ngoài loài người. Một lý luận giản dị bằng cách so sánh có thể đưa đến kết luận đó. Cũng có thể là trong hàng ngũ những sinh vật vô hình đó, có những loại hung ác, tà vạy, cũng như có những loại hiền hòa và tốt lành. Một vấn đề khác nữa là xác định xem những thần linh đó có thể làm những việc phi thường chẳng như nhà phù thủy đã tuyên bố. Tôi không thể giải đáp vấn đề đó ngay tức thời. Tôi có ý định nghiên cứu những khía cạnh của khoa pháp môn chân chính. Đó là kết quả đầu tiên và lạ lùng mà tôi đã gặt hái trong chuyến du hành sang Ai Cập.

CHƯƠNG 6

SỰ AN TĨNH Ở THÁNH ĐỊA ABYDOS

Hơn bảy ngàn năm trước, khi đức giáo chủ *Mahomet* đem đến cho những bộ lạc du mục xứ Ả Rập đức tin nơi một đấng Thượng Đế siêu việt, thì xứ ấy đã từng có một nền tôn giáo cổ thờ những thần tượng khổng lồ bằng đá mà về sau đức *Mahomet* chủ trương phải dẹp bỏ. Tuy vậy những tín đồ ưu tú nhất của nền tôn giáo cổ xưa đó thật ra cũng chỉ tôn sùng có một vị Thượng đế như đức *Mahomet* đã khởi xướng.

Sự tín ngưỡng của họ không phải chỉ là tôn thờ thần tượng mà thôi. Những nhà Ai Cập học uyên bác ngày nay không thể biết được nhiều hơn về một tôn giáo thuộc về tiền sử có rất ít tài liệu đến nỗi không ai có thể vén tấm màn bí mật của nó, và người ta chỉ còn đưa ra những giả thuyết về những nhân vật và những sự việc xảy ra vào một thời kỳ quá khứ xa xăm như thế. Tại một vài nơi ở Ai Cập, những đền thờ cổ xưa và ngôi đền Hồi giáo ở gần sát bên nhau, chẳng hạn như tại *Louqsor*.

Về điểm này, xứ Ai Cập cho ta thấy một sự tương phản lạ lùng. Đã bao lần những đoàn kỵ binh hùng dũng trong các đạo binh xâm lăng Ả Rập đã từng cắm ngọn cờ màu xanh lục của đấng Tiên tri khắp xứ Ai Cập. Thời gian trôi qua, ngọn cờ màu lục đã có lúc chuyển qua các ngọn cờ màu hồng, màu trắng, màu xanh dương, rồi lại tái xuất hiện. Nhưng trong cái bối cảnh ở tận đằng sau, vẫn còn rên rĩ tiếng còi yếu ớt trong những ngôi đền cổ. Xứ Ai Cập không thể để mất đi những dấu vết nền tôn giáo cổ của họ. Dĩ vãng, giống như con chim phụng hoàng, luôn luôn xuất hiện thành linh trước mắt ta do công trình đào xới của các nhà khảo cổ.

Những di tích thần tượng bằng đá nhắc lại những thời đại cổ xưa mà người đời không còn biết đến nữa. Tuy nhiên, cái ranh giới giữa dĩ vãng và hiện tại vẫn còn mơ hồ. Những người nhạy cảm đều nhận thấy rằng cái bầu không khí cổ kính thâm nghiêm cùng sự tín ngưỡng đáng quý của những dân tộc đã biệt tích đó vẫn còn phảng phất một cách thật sự và đè nặng lên xứ này. Nếu những ngôi đền cổ của họ ngày nay chỉ còn là những di tích hoang tàn, sụp đổ, làm nơi trú ngụ của những loài dơi vỗ cánh bay lượn trong đêm tối. Nếu ở đó nay chỉ còn có một vài xác chết đã bị moi ruột, được những nhà chuyên môn thời cổ dùng hương liệu ướp xác và tẩm liệm để giữ

gìn nguyên vẹn cho đến bây giờ, thì dù sao vong hồn của họ cũng còn phảng phất không xa những chốn đền đài cổ kính mà xưa kia họ đã từng quen thuộc. Cái mãnh lực, quyền uy của người chết vẫn còn tồn tại ở Ai Cập một cách bền bỉ hơn bất cứ ở xứ nào mà tôi được biết.

Cái dấu vết tinh anh tế nhị đó, tôi lại có dịp nhận thấy khi tôi ngồi xếp bằng ở một chỗ kín đáo bên



Di tích đền thờ lớn tại Abydos, được xây dựng vào khoảng 1300 năm trước Công nguyên

trong một dãy hành lang nhiều cột trong ngôi đền *Seti* ở *Abydos*. Những hình tượng lạ lùng nhìn tôi hoặc biểu dương các tư thế trên những vách tường chung quanh. Cái ấn tượng mạnh mẽ của quá khứ xâm chiếm lấy tâm hồn tôi và đưa đến trước mắt tôi những linh ảnh của một thời đại đã bị xóa mờ trong dĩ vãng. Tôi nhìn thấy từ trong vô thức những đám rước cổ xưa đi vào đền và tiến bước một cách nhịp nhàng vào những nơi thánh điện. Tôi cảm nhận được quyền uy của những vị tăng lữ kiêm pháp sư thời cổ đã từng làm cho *Abydos* trở thành một trung tâm tôn thờ thần *Osiris*, vị thần mà họ hình dung là đội một cái mào có ba ngón. Những lời cầu nguyện của họ đã phóng ra những tiếng vang dội đến tận trời xanh từ thế kỷ này qua thế kỷ khác. Sự hiện diện im lặng và huy hoàng của một đấng thần minh cao cả bắt đầu bao trùm lấy tôi và làm cho tôi ngây ngất.

Dưới đôi cánh che chở của sự thiêng liêng, tôi thấy rằng cuộc đời thế tục của tôi, với những dục vọng lãng xãng của nó, bắt đầu mờ dần và biến mất như cát sông lùa qua những kẽ ngón tay. Vào thời trước, *Strabon* đã viết:

– Tại *Abydos*, người ta thờ thần *Osiris*, nhưng trong ngôi đền này không một nhạc công nào được phép dùng nhạc khí như ống sáo hay đàn dây để mở

đầu những nghi lễ cúng tế thần theo nghi thức thông thường trong những cuộc hành lễ tôn giáo.

Sự an tĩnh toát ra từ những vách tường trắng của gian phòng này, một niềm an tĩnh thần tiên mà thế giới bên ngoài không biết được và không thể hiểu. Không phải trong sự náo động ồn ào mà người ta tìm thấy những giờ phút tốt đẹp của đời mình, chỉ khi nào sự an tĩnh từ từ lướt nhẹ vào tâm hồn ta, ta mới có được sự hợp nhất sâu sắc với hạnh phúc, minh triết và quyền năng thiêng liêng.

Tôi ngồi một cách thoải mái trong góc tường, có lẽ giống như một vị tăng lữ thời xưa, một trăm thế hệ trở về trước, và để cho cái ảnh hưởng êm đềm của bầu không khí chung quanh thấm nhuần vào người tôi như một giấc mơ. Thật là một điều kỳ diệu khi cảm thấy mình được cô lập trong giây lát, quên đi tất cả những kết quả mà sự văn minh tiến bộ đã đem đến. Quên đi sự ích kỷ cố hữu của thế nhân, những sự hiểu lầm không tránh khỏi, những sự thù ghét vô lý, những sự ganh tị đả đàng cay luôn ngẩng đầu lên như con rắn để phun nọc và mổ vào người ta, khi ta trở về với cõi thế tục vô minh hắc ám! Tôi tự hỏi:

– Tại sao người ta phải trở về đây nhỉ?

Sự cô đơn dường như là một điều bất hạnh đối với nhiều người trong chúng ta, nhưng một sự minh triết

thâm sâu dạy cho ta biết nhìn nó như một ân huệ. Chúng ta phải vượt lên đỉnh núi cao tột của những điều mơ ước và hãy tập quen sống trong sự cô đơn. Bởi vì nếu chúng ta muốn tìm thấy sự sống tâm linh giữa đám đông người, ta sẽ thấy gì? Sự sáng suốt không có ở đó. Nếu ta muốn tìm chân lý hay sự thật, ta chỉ thấy duy có sự hư giả, dối trá.

Sự ấm áp vốn ngự bên trong tâm hồn. Người ta có thể trải qua buổi dạ hội trong một phòng khách lớn, giữa một nhóm độ ba bốn mươi người, nhưng vẫn thấy mình cô độc như ở trên bãi sa mạc *Sahara*. Những thân xác có thể ngồi lại gần nhau, nhưng tâm trí họ vẫn cách biệt muôn trùng, và mỗi người vẫn thấy mình cô độc.

Có người mời ta đến nhà vì phép xã giao bắt buộc, theo những lễ lối thông thường, nhưng khi chúng ta đến nơi thì chủ nhà không có ở đó để tiếp ta. Ông ta chỉ để lại đó một cái xác không hồn, vì biết rằng giữa hai tâm hồn có một vực thẳm quá sâu không thể lấp bằng. Làm quen với một người như thế, thà rằng đừng quen nữa còn hơn!

Tôi đã lên đường để tìm sự bằng an thực sự trong tâm hồn, một cảnh giới bao la sâu thẳm mà những tin tức thời sự của trần gian không thể chui lọt vào. Tại sao con người không học sống cô đơn và nhận

lấy những ân huệ tốt lành của một cuộc đời ẩn dật, thoát ly khỏi những điều phiền toái vô ích, ở những nơi vắng vẻ tịch mịch như ngôi đền *Abydos* này?

Chúng ta thường thấy xa lạ với những người từ bỏ cuộc đời thế tục để đi tìm một đời sống cao thượng hơn, trong khi sự ẩn dật của họ thật ra chỉ có mục đích là sẽ trở lại để truyền cho người thế gian một vài điều tốt lành. Tôi nhớ lại lời cam kết long trọng của tôi với những bậc mà tôi kính trọng, và tôi biết rằng sự trở về của tôi là không thể tránh khỏi. Tuy nhiên điều này không làm cho tôi lo buồn, vì tôi cũng hiểu rằng bất cứ khi nào tôi thấy chán ngán cuộc đời trần gian, tôi đều có thể trở về với cái nguồn gốc thâm trầm của bản chất tâm linh và lại tìm thấy ở đó sự mát mẻ của tâm hồn, ung dung tự tại, bình an và hạnh phúc. Thật vậy, trong sự im lặng thiêng liêng đó từ trong tâm hồn, tôi có thể nghe rõ tiếng nói của nội tâm, cũng như trong cái im lặng thâm trầm của ngôi đền *Abydos* tôi có thể nghe những tiếng nói yếu ớt hơn của những đấng thần minh.

Khi ta sống với ngoại cảnh, ta sống giữa những hình bóng hư ảo và những sự băn khoăn, ưu phiền, nhưng khi ta hướng vào nội tâm, ta sẽ thấy những chân lý siêu việt và những niềm phúc lạc trường cửu. Chúng ta đã đánh mất đi cái nghệ thuật ngồi một mình, chúng ta không còn biết phải làm gì trong

những giờ phút cô đơn. Chúng ta không biết tìm hạnh phúc trong cái kho tàng sâu kín của lòng ta, chúng ta phải bỏ tiền ra để mua lấy sự tiêu khiển từ bên ngoài, hoặc trả tiền thù lao cho những kẻ mang lại cho ta một thú vui giả tạm trong chốc lát.

Không những chúng ta không biết ngồi một mình, mà chúng ta còn không biết giữ im lặng. Nhưng nếu chúng ta biết ngồi yên trong một thời gian ngắn và sử dụng tâm trí ta theo một phương pháp nhất định, chúng ta sẽ thu hoạch được một sự minh triết sâu sắc đáng kể, và đem lại cho tâm hồn ta một sự bằng an tuyệt vời.

Tôi đã ngồi như thế trong suốt hai tiếng đồng hồ. Thời gian trôi qua, tiếng kim đồng hồ tay vẫn chạy đều đều vọng vào tai tôi, và tôi mở mắt một lần nữa. Tôi nhìn quanh, những cột trụ lớn và chắc chắn của gian phòng đỡ lấy cái trần nhà dày đặc. Những tia nắng xuyên qua các lỗ trống trên nóc chiếu vào gian phòng làm nổi bật lên những hình tượng các vị thần chạm trổ trên vách.

Người ta thấy một vị *Pharaoh* đứng chiêm ngưỡng một vị thần được tôn sùng vào thời đó hoặc được dắt đến trước tượng thần *Osiris*. Ngoài ra, còn có hàng loạt những chữ ám tự khắc trên vách, ý nghĩa rất bí hiểm và khó hiểu đối với người thường. Người ta thấy ở khắp nơi hình ảnh của vị *Pharaoh* đang chiêm

bái, dâng hương và nhận lãnh ân huệ của các đấng thần minh.

Trong một thánh điện đặc biệt, không dành riêng cho sự thờ phượng một đấng thần linh nào nhất định, có nhiều vị thần của Ai Cập được tôn sùng. Mỗi vị có một bàn thờ riêng, thờ hình tượng được vẽ hoặc tạc trên đá, nhưng tựu trung thì thần *Osiris* giữ một ưu thế tuyệt đối và một cấp bậc cao tột hơn tất cả. Bảy nơi thánh điện xây bằng những tảng đá lớn được dành cho các vị thần *Horus* và *Isis*, *Ptah* và *Harakht* cùng những đấng thần minh khác.

Nữ thần *Isis* mang tấm màn thưa che mặt, tức nữ thần Minh Triết, được hình dung tại đây với vẻ hiền từ của một đức hiền mẫu, đưa cánh tay mặt ra đặt trên vai của vị *Pharaoh* sùng tín. Cạnh bên ngài là một chiếc thuyền, giữa thuyền có đặt một bàn thờ chạm hình hoa sen, dòng nước nhấp nhô như sẵn sàng đưa nữ thần lên tận những cảnh giới Thiên đường là nơi cư ngụ của các đấng thần minh, các vị nữ thần và những người trần gian được các ngài ban ân huệ.

Trước cảnh tượng này, người du khách sẽ ngạc nhiên tự hỏi sao người cổ Ai Cập lại có thể quá ngây ngô để chấp nhận những sự tin tưởng đó. Những vị thần nay đã hoàn toàn biệt tích cùng với những con thuyền linh thiêng đã đưa các vị ấy lên trời.

Thật ra những chiếc thuyền ấy chỉ là những biểu tượng, yếu tố của một thứ ngôn ngữ huyền bí mà các đạo gia ưu tú của thời xưa hiểu được dễ dàng nhưng thế giới hiện đại không bao giờ hiểu nổi. Còn những đấng thần minh, đó không phải chỉ là những điều hư giả. Trong vũ trụ vô biên vô tận này, có những cảnh giới dành cho những sinh vật khác hẳn và tiến hóa cao hơn loài người. Nếu trải qua thời gian tên họ và hình dáng của những vị ấy tiến hóa và thay đổi, thì tính chất căn bản của họ cũng vẫn nguyên vẹn, bất biến. Tôi đồng ý với *Plutarque* khi ông ta nói rằng:

– Chỉ có bấy nhiêu vị thần chung cho tất cả mọi dân tộc khác nhau, dù là dân Hy Lạp hay một dân tộc man khai nhất cũng vậy. Cũng như mặt trời, mặt trăng, các bầu tinh tú, trời cao, đất rộng, biển cả là của chung muôn loài, thì những đấng thần minh cũng là những sở hữu chung của tất cả mọi người, dẫu rằng mỗi quốc gia hay dân tộc đặt cho các đấng ấy những tên gọi khác nhau.

Nếu những đấng ấy lọt ra ngoài tầm nhãn quang của chúng ta thì công trình của họ vẫn không phải là đã chấm dứt. Họ hoạt động trên những cõi vô hình mà chúng ta không nhìn thấy, nhưng chúng ta vẫn ở trong vòng ảnh hưởng của họ. Họ luôn quan tâm đến thế giới được giao phó cho họ. Họ vẫn tiếp tục gây

ảnh hưởng đến sự tiến hóa của nhân loại, dấu rằng họ không còn xuất hiện giữa thế gian.

Tôi tin nơi các đấng thần minh, cũng như người cổ Ai Cập. Tôi cho rằng đó là những gì nằm ngoài tầm hiểu biết của nhân loại nhưng không thể phủ nhận cho là họ không có thật. Bấy nơi thánh điện trong ngôi đền *Abydos* chứng minh rằng người xưa đã từng dùng đến lửa và nước, dâng hương và có những nghi thức lễ bái cầu nguyện. Những cuộc hành lễ này có tính cách thờ hình tượng hoặc có tính cách tâm linh tùy theo quan niệm và ý đồ của những người hành lễ.

Người nào cho rằng những nghi thức cúng tế bề ngoài có thể thay thế cho đạo đức là đã rơi vào sự mê tín dị đoan. Người nào dùng nghi thức lễ bái như những biểu tượng để nhắc nhở, khơi dậy lòng sùng tín và sự hy sinh mà người ấy muốn hiến dâng suốt đời vì sự tốt lành của hết thảy mọi người khác sẽ là người tăng tiến đạo hạnh trong nền tôn giáo chân chính. Còn vị tăng lữ dùng những nghi lễ của khoa pháp môn cổ truyền thì gánh lấy một trách nhiệm rất lớn, vì vị ấy có thể kêu gọi đến những mãnh lực vô song thuộc về quyền năng của ác quỷ hay thiên thần.

Kẻ phạm tục không hề được phép đột nhập vào nơi thánh điện thâm nghiêm này, mà những bàn

thờ thếp vàng sáng lấp lánh hồi thời cổ xưa nay đã biệt tích. Trong phần nhiều những đền cổ Ai Cập, dân chúng cũng không được phép vượt xa hơn những khoảng sân đền rộng lớn. Đó là đặc tính của nền tôn giáo cổ Ai Cập mà chỉ có giai cấp tăng lữ là đóng vai trò cốt yếu. Những vị tăng lữ này đã từng tranh thủ và chiếm giữ uy quyền trong lúc thịnh thời, sau cùng đã mất hết cả ảnh hưởng đối với dân chúng khi nền tôn giáo cổ bắt đầu suy tàn.

Thời gian đã mang đến những sự biến đổi lạ lùng. Chiếc hòm đá của vị *Pharaoh* sáng lập ra ngôi đền này, cổ quan tài đựng xác ướp của vua *Seti*, ngày nay đang nằm ở cách *Abydos* trên ba nghìn dặm đường, trong một Bảo tàng viện ở giữa thành phố Luân Đôn náo nhiệt phồn hoa. Tôi nghĩ, nếu thi hài nhà vua này được chôn sâu hơn độ ba mươi thước nữa dưới lòng đất, thì có lẽ nó đã tránh khỏi được cái lộ trình từ Ai Cập sang Anh Quốc.

Tôi đến ngôi dưới bóng mát của gian phòng có nhiều cột. Tục truyền rằng chính *Abydos* là nơi mà *Osiris*, bậc thánh nhân thời cổ Ai Cập, được tẩm liệm và chôn cất trong nghĩa địa của nhà vua ở *Thinis*, một thành phố ngày xưa được dựng lên ở tại đó nhưng nay đã biệt tích. *Neferhotep* cho biết rằng ông đã khám phá ra đền *Abydos* trong tình trạng điêu tàn khi ông lên ngôi *Pharaoh*. Ông cho biết

rằng ông đã sưu tầm trong thư viện thành *Heliopolis* để tìm ra những tài liệu nói về ngôi đền *Osiris* ngày xưa được dựng lên ở *Abydos*. Ông nói thêm rằng sau khi đã nghiên cứu những tài liệu cổ xưa ấy, ông đã có thể phục hồi lại những nghi lễ đã mất. Những vị *Pharaoh* kế nghiệp ông sau đó đã dùng tài liệu này để sửa sang lại những chỗ hoang tàn, xây cất lại ngôi đền và dựng thêm nhiều kiến trúc mới chung quanh. Như thế, những đền đài cổ đã được dựng lên trong thành *Thinis*, nhưng rồi thời gian đã tàn phá tất cả.

Trong thời kỳ sơ khai của xứ cổ Ai Cập, những nghi lễ huyền bí của *Osiris* là nghi thức chính của nền tôn giáo cổ, và người ta thực hành những nghi lễ này trước tiên tại *Abydos*. Vì thế, nơi này ngày xưa được xem là một trong những thánh địa thiêng liêng nhất. Tôi hiểu rằng chính cái bầu không khí cổ xưa đó hãy còn phảng phất đâu đây và gây cho tôi một ấn tượng sâu xa, trong khi tôi vẫn đứng đờ đẫn đối với những nghi lễ trịnh trọng mà người ta vẫn thực hành hằng ngày trong những tòa thánh điện rất tráng lệ nhưng kém cổ xưa của vua *Seti* dựng lên.

Lịch sử buổi sơ khai của thánh địa *Abydos* có liên hệ mật thiết với tiểu sử của *Osiris* và thụt lùi trong vực thẳm của thời gian về thời kỳ tiền sử Ai Cập,

một cái dĩ vãng xa xăm không còn dấu vết trước cả thời kỳ xuất hiện của các vị *Pharaoh*, nghĩa là từ thuở ban đầu.

Đó là thời kỳ xa xưa mà các đấng thần minh vẫn còn chưa biến mất khỏi tầm nhãn quang của con người, thời kỳ mà theo các sử gia Ai Cập thì những bậc thánh vương hãy còn cầm quyền cai trị dân gian. Tôi nghĩ rằng:

– Thật là huyền diệu thay! Những rung động thiêng liêng thần bí vẫn tiếp tục một cách thường xuyên ở tại đây, luôn luôn sống động và duy trì bầu không khí huyền diệu của thánh địa *Abydos* từ thời tiền sử, mà những tâm hồn nhạy cảm đều có thể cảm xúc được. Chính ở tại đây, *Abydos*, là nơi được thành lập ngôi đền chính và đầu tiên để thờ thần *Osiris* tại Ai Cập.

Nhưng *Osiris* là ai? Truyền thuyết và huyền thoại nói rằng đó là một nhân vật bị sát hại và phân thân, nhưng về sau những mảnh thi hài được chắp nối lại và người đã sống dậy. Tôi đã thiên định rất lâu để tìm hiểu vấn đề này và đợi câu trả lời... Lời giải đáp đã đến với tôi từ cái im lặng chôn sâu tự muôn đời trong dĩ vãng.

Hồi thời kỳ *Atlantide*, một vị thánh vương đã tiên liệu cần phải xây dựng một nơi cư trú mới cho những



Hình tượng Osiris (ở giữa) được miêu tả trong một bức tranh cổ, khoảng 1500 năm trước Công nguyên, hiện lưu giữ tại bảo tàng viện Egizio, Italia

người đạo đức tâm linh trong thế hệ trẻ, và đã di cư họ về hướng đông, trên một vùng đất gọi là xứ Ai Cập ngày nay. Vị thánh vương ấy đã đạt đến một trình độ minh triết siêu việt, nên ngài không chỉ là một nhà lãnh đạo cai trị nhân dân như người ta hiểu theo cách thường tình của thế nhân, mà còn được suy tôn như một bậc thần thánh. Chính ngài đã sắp đặt cuộc di cư cho những phân tử ưu tú ra khỏi lục địa, trong khi châu *Atlantide* đang đạt tới mức độ văn minh tột

đỉnh. Như vậy, sự thật là đã bắt đầu có sự chuẩn bị những vùng đất mới từ lâu trước khi châu *Atlantide* bị thiên tai hủy diệt hoàn toàn. Không đợi cho đến khi châu *Atlantide* gặp nạn, nhiều đoàn người trong số những phần tử ưu tú nhất của nhân loại đã bắt đầu di cư. Những người ở miền tây di cư sang vùng Trung Mỹ và Nam Mỹ, còn những người thuộc các đế quốc miền đông di cư sang châu Phi và đặt nền tảng cho nền văn minh cổ Ai Cập.

Những đoàn người này sửa soạn tàu bè, trương buồm lướt sóng thẳng về hướng đông. Vùng này đối với họ hãy còn xa lạ. Họ đến đó khai phá đất hoang và thiết lập nhiều vùng thuộc địa mới trên những địa điểm khác nhau dọc theo miền duyên hải Âu Phi.

Đoàn người dưới sự điều khiển trực tiếp của *Osiris* đã đặt chân lên vùng đất Ai Cập thời tiền sử. Họ dừng chân trên các vùng bờ biển trước khi đi ngược dòng sông *Nile*, vượt qua ba ngọn Kim Tự Tháp và thần tượng *Sphinx*, những ngôi kiến trúc và tượng đá này đã được xây cất và bỏ sót lại do đoàn người *Atlantide* đầu tiên đổ bộ lên Ai Cập.

Sau cùng *Osiris* mới dừng chân tại đó, ở một vùng cách không xa vị trí thành *Abydos* hiện tại. Đoàn người di cư này thấy miền Bắc Ai Cập đã có một giống thổ dân bản xứ cư ngụ. Họ được nhóm thổ dân

này tiếp đón một cách hiền hòa, và vì đoàn người *Atlante* có một nền văn minh cao hơn, nên được thổ dân bản xứ chịu khuất phục và chịu điều khiển. Do đó mới phát sinh ra nền văn minh Ai Cập đầu tiên.

Trước khi từ giã dân chúng, *Osiris* đã đặt ra những nghi lễ tôn giáo thuộc về phần huyền môn mà ngài để lại cho dân Ai Cập như một di sản dài hạn, để duy trì tên tuổi, công nghiệp và giáo lý của ngài. Như vậy, dân Ai Cập thời tiền sử đã có một nền văn minh đáng kể trước khi thành phố Luân Đôn ngoi lên giữa bãi sình lầy nước đọng.

Nhiều thế kỷ trôi qua, đã đến lúc mà người ta phải phục sinh và chấn chỉnh lại nền tôn giáo cổ của *Osiris*. Khi đó mới xuất hiện một bậc giáo chủ, một vị thánh nhân danh hiệu là *Thoth*. Ngài lập ra tại thành *Sais* một trung tâm mới để dạy khoa huyền môn của *Osiris* cho những người dân Ai Cập thời tiền sử.

Nhưng còn huyền thoại về việc *Osiris* bị sát hại là do đâu mà ra? Tôi không thể tìm ra một câu trả lời trực tiếp. Bởi vậy tôi dành cho nó một cơn thiền định sau này. Tôi đứng dậy sửa soạn ra về.

Tôi bước qua những tảng đá lớn nhỏ không đều mà mặt đá đã mòn từ lâu. Ngày xưa, những mặt đá

này có chạm trổ những hoa văn rất đẹp, nhưng bây giờ thời gian đã xóa mờ tất cả. Tôi còn nhìn một lần cuối cùng những cột trụ to lớn hùng vĩ, đầu cột trụ nhô lên cao, đã từng nâng đỡ suốt bao nhiêu thế kỷ những tảng đá lớn có chạm trổ trên nóc, và nay vẫn còn vươn mình đỡ lấy nóc đền một cách hùng dũng, oai nghi.

Thế là cuộc thăm viếng của tôi ở ngôi đền cổ đã kết thúc. Đó là thánh địa *Abydos*, được xem là nơi an nghỉ cuối cùng của bậc thánh nhân *Osiris*, nhưng thật ra thì đó là ngôi đền đầu tiên để làm lễ điếm đạo cho các vị môn đồ của phái huyền môn thời cổ Ai Cập. Tôi đã tìm được một nơi thích thú, vì tôi biết rằng cái niềm an tĩnh thiêng liêng bất diệt của nó đã xâm chiếm lấy tâm hồn tôi một cách vô hình. Nếu trong những giờ phút qua mau của cuộc đời, tôi đã có đôi khi sống được một vài khoảnh khắc bất diệt mà tôi hằng nhớ đời đời không quên, thì chỉ khi đó tôi mới ý thức rằng tôi đã không sống một cách vô ích. Ấy là những giờ phút mà tôi đã trải qua tại *Abydos*.

CHƯƠNG 7

LỄ ĐIỂM ĐẠO HUYỀN BÍ TRONG NHỮNG ĐỀN CỔ AI CẬP

Ôu trả lời mà tôi tìm kiếm để giải đáp sự bí hiểm của câu chuyện huyền thoại về cái chết của *Osiris*, tôi đã thấy được sau khi đi ngược dòng sông *Nile* để khảo cứu về ngôi đền nữ thần *Hathor* ở *Denderah*.

Ngôi đền này rất lớn và được giữ gìn nguyên vẹn, nhờ nó đã hoàn toàn chôn vùi dưới lớp cát mịn và nóng của sa mạc suốt hơn một nghìn năm. Từ hướng bắc, tôi trèo lên một cầu thang rất hẹp và đã mòn. Dọc đường, thỉnh thoảng tôi ngừng lại để nhìn xem, dưới ánh đuốc cầm nơi tay, những cảnh tượng chạm trổ trên vách tường.

Đó là cảnh tượng một đám rước lễ quan trọng nhất của đền *Denderah* vào lúc đầu năm, chính vị *Pharaoh* đích thân dẫn đầu cuộc diễn hành. Các vị tăng lữ, tư tế của phái huyền môn, những người cầm cờ nối tiếp nhau đi trên vách tường cũng như họ đã

từng diễu hành như thế hồi thuở sinh tiền, và đi từ dưới lên trên chính cái cầu thang này.

Lên khỏi cầu thang, tôi đã rời khỏi bóng tối để ra một chỗ đầy ánh nắng chói lòa và xuyên qua những tảng đá khổng lồ của nóc đền. Tôi đến trước một thánh điện nhỏ đứng cô lập một mình trong một góc của nóc bằng. Nóc đền được nâng đỡ bằng những cột trụ lớn có chạm hình nữ thần *Hathor*. Tôi bước vào và nhận ra đó là một thánh điện mà xưa kia người ta dùng để hành lễ điểm đạo theo khoa huyền môn của *Osiris* cho đến thời đại các vị vua *Ptolémée*.

Trên tường, những hình chạm nổi phô diễn đức *Osiris* nằm trên giường, chung quanh là những người trợ tá để giúp đỡ những việc vặt và những lò hương trầm. Những hàng chữ ám tự và tranh ảnh thuật lại lịch sử sự chết và sự phục sinh của *Osiris*, và những chữ khắc trên tường ghi lại những lời cầu nguyện từng giờ suốt một đêm mười hai giờ.

Tôi ngồi xuống nền, tức là trên nóc bằng của ngôi đền lớn, và bắt đầu thiên định về câu chuyện huyền thoại cổ xưa. Sau khi đã ngồi yên khá lâu trong cơn trầm tư mặc tưởng, tôi bắt đầu tìm ra manh mối sự thật mà trải qua nhiều thế kỷ đã biến thành một chuyện huyền thoại ly kỳ là *Osiris* bị phân thân và sau đó được ráp lại từng mảnh.

Do đâu mà tôi có cái chìa khóa của bài toán đố bí hiểm này? Do một sự nhớ lại thành linh. Tôi nhớ lại lúc tôi ngồi trong Vương cung bên trong Đại Kim Tự Tháp, khi mà từ trong bóng tối dày đặc hiện ra cái linh ảnh cho tôi thấy hai vị đạo trưởng Ai Cập đã cao niên. Một trong hai vị này đã làm cho thể xác tôi mê thiếp đi và đưa linh hồn tôi vào một trạng thái ý thức rõ ràng.

Trên thực tế, thể xác hồn mê của tôi lúc đó đã hoàn toàn vô tri giác, sự sống chỉ còn tồn tại là do một sự hô hấp vô thức, còn linh hồn thì đã thoát ra ngoài. Tôi chỉ là một người chết, mà linh hồn đã từ bỏ thể xác. Nhưng khi kinh nghiệm ấy chấm dứt, tôi đã hồi sinh trở lại và trạng thái chết giả cũng không còn. Phải chăng đó quả là một sự phục sinh hẳn hoi, một sự tái sinh trở lại đời sống phàm trần sau khi đã được trải nghiệm cảnh giới bên kia? Phải chăng đó là một sự sống ý thức trong cõi vô hình?

Tôi đứng dậy nhìn xem một lần nữa những hình ảnh trên tường để xác định lại điều ấy. *Osiris* nằm duỗi thẳng thân mình, dường như đã chết, xem giống như một xác ướp và liệm vào hòm. Tuy nhiên, tất cả những chi tiết cho thấy sự chuẩn bị một nghi lễ dành cho người sống chứ không phải cho người chết. Đó là một thể xác hồn mê, những vị tăng lữ hành lễ, có dùng những lư hương để làm cho *Osiris* mê thiếp đi.

Những cuộc lễ điểm đạo này luôn luôn được cử hành vào lúc ban đêm. Người tham dự được đưa vào trạng thái xuất thần trong một thời gian dài ngắn không nhất định, vì trình độ càng cao thì cơn xuất thần sẽ càng dài và càng sâu hơn. Những vị tăng lữ canh chừng trong suốt những giờ ban đêm dành cho cuộc lễ này.

Đó là cảnh tượng thường diễn ra trong những cuộc lễ điểm đạo huyền môn từ những thời đại cổ xưa trong dĩ vãng. Nó có ý nghĩa gì? Sự sát hại *Osiris* tức là việc đặt người đạo đồ trong một trạng thái chết giả, nghĩa là trong sự kết hợp tâm linh với *Osiris*, người sáng lập ra tổ chức huyền môn này. Lối kiến trúc các ngôi đền cổ đều theo một cấu trúc sóng đôi, mỗi ngôi đền gồm có hai phần, một phần dành cho những hoạt động tôn giáo thông thường, một phần dành cho những cuộc lễ điểm đạo huyền môn. Phần sau này hoàn toàn được ngăn ra thành một chỗ riêng biệt trong đền.

Bằng phương pháp thôi miên, gồm có việc sử dụng những chất hương liệu rất mạnh, dùng hai bàn tay truyền nhân điện dọc theo thân mình, cùng với việc sử dụng một chiếc đĩa thần, người đạo đồ được đưa vào một trạng thái đồng điệp mê man bất tỉnh như người chết. Xác thân y tê liệt, nhưng linh hồn y vẫn tỉnh táo và giữ liên hệ với thể xác. Như vậy mặc dù

mọi hoạt động thể xác đã ngưng, nhưng nguồn sinh lực hay sự sống vẫn tồn tại. Tất cả ý nghĩa và mục đích của cuộc điếm đạo này là để dạy cho người đạo đồ biết rằng vốn không có sự chết.

Người đạo đồ được truyền thụ chân lý đó bằng một phương pháp rõ ràng và thực tế nhất, nghĩa là tự mình kinh nghiệm mọi diễn biến khách quan của sự chết. Các vị tăng lữ làm được điều đó bằng cách dùng một phương pháp huyền bí để đưa người đạo đồ lọt vào cảnh giới bên kia. Cơ đồng thiếp của người ấy thâm sâu đến nỗi người ta đặt anh ta trong một cái hòm đựng xác ướp có vẽ tranh ảnh và khắc chữ bên ngoài, nắp hòm được đóng chặt và khóa lại cẩn thận. Nhìn bên ngoài thì đó chính là một người đã chết! Nhưng khi cơ đồng thiếp đã qua đi, người ta mở nắp hòm ra, và bằng những phương tiện thích nghi sẽ làm cho người ấy tỉnh dậy.

Đó là ý nghĩa của huyền thoại tượng trưng nói rằng những mảnh xác bị tách rời của *Osiris* được ráp nối lại và làm cho ngài được hồi sinh. Sự phục sinh bí hiểm và hoang đường của *Orisis* không gì khác hơn là sự tỉnh dậy của người đệ tử huyền môn sau cuộc lễ điếm đạo.

Tòa thánh điện mà tôi đang quan sát, ngày xưa đã từng là nơi chứng kiến biết bao nhiêu những cuộc hạ sát và phục sinh như đã diễn tả ở trên. Vào thời

đó, trong phòng có một cái giường và những vật liệu cần thiết cho cuộc điếm đạo. Khi người đạo đồ đã trải qua trạng thái đồng thiếp và sắp sửa được đánh thức dậy, người ta đưa anh ta đến một nơi thoáng khí để cho những tia nắng đầu tiên của mặt trời mọc lúc bình minh rọi thẳng vào gương mặt còn mê man.

Trong những thời đại cổ xưa nhất, nhiều vị tăng lữ cao cấp nhất và tất cả những vị tư tế ở các đền thờ Ai Cập đều có sự hiểu biết thâm sâu về những điều huyền bí của các khoa thôi miên và từ điển, và có thể đặt những người đạo đồ vào một cơn đồng thiếp thâm sâu đến nỗi dường như đã chết. Những vị tăng



Chữ viết tượng hình thời cổ của người Ai Cập

lữ cao cấp còn có thể làm hơn thế nữa, hơn cả những nhà thôi miên hiện đại, vì những vị ấy biết phương pháp làm cho linh hồn người đạo đồ vẫn thức tỉnh trong khi thể xác hoàn toàn rơi vào cơn đông thiếp, làm cho anh ta trải qua những kinh nghiệm siêu phàm mà sẽ được nhớ lại sau khi tỉnh dậy và trở về trạng thái bình thường. Bằng cách đó, họ có thể mang đến cho người đạo đồ sự hiểu biết về tính chất của linh hồn, và khi bắt buộc linh hồn anh ta tạm thời ra khỏi thể xác, họ làm cho anh ta nhận thức được sự hiện hữu của cảnh giới bên kia một cách xác thực và cụ thể. Những hình ảnh trên hòm đựng xác ướp có vẽ những biểu tượng thể hiện ý nghĩa này.

Vì thế, người cổ Ai Cập khắc trên nắp những cổ quan tài bằng đá, hoặc vẽ bằng màu trên những hòm đựng xác ướp, hoặc tô điểm ngoài bì những kinh sách tôn giáo của họ một hình người chim dị kỳ, bay ra khỏi hoặc đứng trên cái xác ướp. Đó là một con chim có đầu người và tay người, thường được hình dung một tay cầm một cánh buồm, tượng trưng cho hơi thở, và tay kia cầm một hình thập tự cuốn tròn, tượng trưng cho sự sống. Những biểu tượng này dù khắc trên đá hay vẽ trên giấy, đều ngụ ý tượng trưng dạy cho ta biết rằng ngoài cõi phàm trần vật chất này còn có một cảnh giới tâm linh.

Cảnh giới bên kia đi xuyên qua cõi trần một cách huyền diệu, và những vong linh ở cõi ấy vẫn có thể ở gần bên chúng ta. Một lý thuyết khoa học cho rằng mọi dạng vật chất trong thiên nhiên vốn không bao giờ có thể thực sự mất đi. Điều này thật ra cũng hoàn toàn đúng khi áp dụng vào lãnh vực tâm linh. Khi một người từ bỏ cõi trần, bỏ lại cái thể xác vô tri bất động, linh hồn người ấy lại xuất hiện trong cõi vô hình – tất nhiên là chỉ vô hình đối với tầm mắt của người phàm, nhưng vẫn là hữu hình đối với những sinh linh đồng chủng loại.

Tuy rằng phương pháp điểm đạo này có những đặc tính bề ngoài giống như khoa thôi miên hiện đại, nhưng nó vượt rất xa những phương pháp thôi miên, vì khoa thôi miên thật ra chỉ làm khơi động tiềm thức, phần ý thức sâu lắng của con người, chứ không thể làm cho đối tượng có ý thức được về sự sinh hoạt trong các cảnh giới thâm sâu huyền diệu hơn.

Theo sự tin tưởng của quần chúng thì *Osiris* là một nhân vật đã chịu pháp nạn và bị giết, rồi lại phục sinh và chui lên khỏi mộ. Tên của ngài đã trở nên đồng nghĩa với sự hồi sinh, và sự bất tử của ngài đã gây cho mọi người một niềm hy vọng được trở nên bất tử giống như ngài sau khi chết. Vào thời ấy, người ta đã tin tưởng ở sự bất diệt của linh hồn và một đời sống tiếp nối sau cái chết. Người ta cũng tin

rằng khi con người bước vào đời sống mới đó, những đấng thần minh sẽ phán xét linh hồn họ và nêu rõ những hành động thiện hay ác trong quá khứ. Kẻ làm ác sẽ bị trừng phạt thích đáng, người hiền lương sẽ được vào cảnh thiên đàng hạnh phúc.

Những điều đó khá thích hợp với quần chúng và đem đến cho những tâm hồn chất phác viễn ảnh mà họ có thể quan niệm, hình dung một cách dễ dàng. Người ta không nhồi sọ dân chúng với những triết lý thâm sâu hoặc những giải thích quá tinh tế về mặt tâm lý. Tất cả những huyền thoại hoang đường và chuyện ngụ ngôn bình dân phải được hiểu như là những biểu tượng có hàm súc một ý nghĩa hợp lý và chứa đựng một chân lý thâm sâu.

Để duy trì cho giáo lý ấy luôn luôn tồn tại trong dân gian, giai cấp tăng lữ trong các đền thờ không những chỉ dùng nghi thức lễ bái thờ phượng mà thỉnh thoảng còn tổ chức những buổi trình diễn kịch nghệ công cộng có tính cách tượng trưng để trình bày cho dân chúng biết lịch sử của *Osiris*. Những nghi thức lễ bái và trình diễn công cộng là để dành cho quần chúng, vì nó thích hợp với số đông, nhưng còn có một phần giáo lý thâm sâu hơn và pháp môn huyền bí thì chỉ để truyền thụ cho những người trí thức.

Những người Ai Cập có học thức, có văn hóa và những người thuộc giai cấp quý tộc cũng biết rõ điều

ấy. Nếu họ cảm thấy có khuynh hướng về con đường này thì họ tìm cách xin được nhập môn. Các ngôi đền gồm có những gian phòng kiến trúc đặc biệt và cô lập một nơi dành cho những cuộc lễ điểm đạo mà chỉ có những vị tăng lữ ưu tú và chọn lọc mới có quyền hành lễ. Những vị này được gọi là đạo trưởng. Những cuộc lễ điểm đạo này được cử hành trong vòng bí mật và ngoài phạm vi những nghi lễ hằng ngày để chiêm bái các vị thần. Người Ai Cập gọi những cuộc lễ đặc biệt này là những lễ điểm đạo huyền môn.

Những vị đạo đồ đã từng nói đến tính cách khác thường của những cuộc điểm đạo, không giống như những nghi lễ thông thường. Chẳng hạn, có một vị đạo đồ đã tuyên bố rằng:

– Nhờ những lễ điểm đạo mà người ta biết rằng sự chết không phải là một điều đáng sợ, mà thật ra là một điều rất tốt cho người thế gian.

Chính vị đạo đồ ấy đã trở nên một xác chết và đã thu hoạch được những điều lợi ích rất lớn sau kinh nghiệm đó. Những bài văn viết bằng ám tự nói về người ấy như là “*được hồi sinh*,” và ông ta có thể thêm vào tên họ của mình dòng chữ này: “*Người đã tái sinh*”.

Trên vài ngôi mộ cổ, các nhà khảo cổ đã phát hiện ra câu này, nó mô tả trình độ tâm linh của

người chết. Những vị môn đồ chọn lọc đã học được những điều bí mật gì trong những cuộc điếm đạo ấy? Điều này tùy nơi trình độ mà họ đã vượt qua, nhưng đại khái người ta có thể đúc kết những kinh nghiệm của họ thành hai loại kết quả chính, tiêu biểu những gì họ đã được tiết lộ cho biết.

Ở những trình độ sơ khai, các môn đồ được hiểu biết về *tiểu ngã*, tức linh hồn con người mà khoa ám tự hình dung bằng một hình “*người chim*” nhỏ, do đó họ đã giải đáp được điều bí mật về sự chết. Họ được biết rằng người ta chỉ thoát ra một trạng thái sinh hoạt này để bước vào một trạng thái khác, và sự chết chỉ là của thể xác hình hài chứ không tiêu diệt được linh hồn, tức *chân ngã*. Họ cũng được biết rằng không những linh hồn còn tồn tại sau khi thể xác đã mất mà còn có khả năng vươn lên hoàn thiện để đến được những cảnh giới thanh cao hơn.

Ở những trình độ điếm đạo cao hơn, người môn đồ được biết về *đại ngã*, được giao cảm trực tiếp với nguồn sống của vũ trụ. Họ hiểu ra được nguyên nhân thực sự dẫn đến sự đọa lạc và đau khổ của con người, khiến cho nhân loại ngày nay đã chìm xuống quá thấp so với trạng thái ban sơ.

Những vị này có thể biết được về huyền sử của châu *Atlantide*, có liên hệ chặt chẽ với sự suy vong của nó. Kế đó họ dần dần tiến lên được những trạng

thái thanh cao huyền diệu hơn, cho đến khi họ đạt tới trạng thái tâm linh cao cả nhất. Như thế, trong khi họ tiếp tục con đường hành hương trong thời gian, họ thu thập được những kho tàng tâm linh quý báu của cõi vô cùng.



Khi tôi thuật lại những cảm tưởng du hành của tôi đến điểm này, có lẽ cũng không ra ngoài đề nếu tôi ghi chép nơi đây vài lời diễn tả những sinh hoạt khác nhau trong các đạo viện huyền môn thời cổ, do lời tường thuật của một người đã từng sống vào một thời kỳ cổ điển và đã từng được họ điểm đạo, ít nhất là ở vào những cấp bậc đầu tiên. Vì người ấy đã có lời thề là sẽ không tiết lộ từng chi tiết rõ ràng những gì đã kinh nghiệm trong cuộc điểm đạo, nên ông ta chỉ có thể đưa ra những lời giải thích đại cương và những sự ngụ ý mơ hồ. Tuy thế, lời tường thuật này cũng là một bản văn kiện đầy đủ nhất mà chúng ta từng được biết đến, của một vị đạo đồ để lại. Vị đạo đồ ấy là *Apuleé*, được điểm đạo ở cấp bậc đầu tiên của phái huyền môn *Isis*, và là tác giả một quyển sách tự thuật nhan đề *Lucius*.

Trong quyển sách này, tác giả tự thuật lại cuộc đời của mình từ khi ông ta gõ cửa đền với tấm lòng

niệt thành cầu đạo. Từ lâu đời, khoa huyền môn Ai Cập vẫn được giữ kín và khép chặt đối với người ngoại quốc. Chỉ trong một thời kỳ về sau này mới có một số ít những người đó được thu nhận và được điểm đạo. Họ luôn luôn tôn trọng lời cam kết giữ gìn bí mật. Những luật lệ nhập môn đều rất chặt chẽ và nghiêm khắc.

Trong sách ấy, *Apuleé* viết:

“Với mỗi ngày trôi qua, sự ước muốn được điểm đạo của tôi càng gia tăng. Tôi nhiều lần đến tìm vị đạo trưởng và khẩn cầu người ít nhất hãy bằng lòng điểm đạo cho tôi. Nhưng vị đạo trưởng, có tiếng là người rất cương nghị và áp dụng rất chặt chẽ những luật lệ nghiêm khắc của đạo, bác bỏ lời thỉnh cầu của tôi với những lời lẽ êm ái dịu dàng, cũng như bậc cha mẹ gạt bỏ những ước vọng điên rồ của con cái hãy còn quá non dại. Người trấn an tâm hồn tôi bằng cách đưa ra cho tôi điều hy vọng là hãy đặt niềm tin vào một niềm hạnh phúc lớn lao hơn. Người nói rằng, ngày giờ điểm đạo được chỉ định cho mỗi người không phải do riêng ông tự quyết định, và người đạo trưởng nào đứng ra làm chủ lễ trong

mỗi dịp điểm đạo cũng là một sự chọn lựa rất khắt khe.

“Vị đạo trưởng bảo tôi hãy chờ đợi thời điểm ấy cũng như mọi người khác với một tấm lòng kiên nhẫn và sùng kính, và khuyên tôi nên gạt bỏ lòng nhiệt thành quá đáng cùng mọi sự băn khoăn hối hả. Trong khi tôi cố tránh hai điều ấy, tôi cũng phải luôn luôn túc trực sẵn sàng để ứng đáp kịp thời khi thời điểm đến, và đừng tỏ ra nôn nao hay nóng nảy khi không được lưu ý đến. Đó là vì cuộc lễ điểm đạo luôn được xem như một cái chết tự nguyện của người đạo đồ, có khi thực sự nguy hiểm đến tánh mạng. Bởi đó, những người được chọn để điểm đạo thường có tuổi đời đã xế chiều, sắp sửa bước vào cõi chết. Đối với những người ấy, những điều huyền bí nhiệm mầu có thể được nhận biết một cách dễ dàng hơn. Nếu thời điểm được chọn là thích hợp, người đạo đồ chắc chắn sẽ có được một sự phục sinh mới mẻ, và được đặt vào khởi điểm của một giai đoạn sinh hoạt mới.

“Tôi đã không bị bỏ rơi hoàn toàn, vì sau khi bắt tôi phải chịu sự giày vò một thời gian trong sự chờ đợi lâu dài, cuối cùng rồi

tôi cũng được cho biết là thời điểm thích hợp cho tôi đã sắp đến.. Bằng những lời khen ngợi dịu dàng, vị đạo trưởng mang đến cho tâm hồn tôi một niềm phúc lạc rất lớn lao, đến nỗi tôi đã thức suốt đêm và vùng dậy từ trước lúc bình minh để hối hả đi đến tịnh thất của vị đạo trưởng.

“Tôi vừa đến nơi thì vị đạo trưởng cũng vừa bước ra khỏi phòng. Tôi bèn nghiêng mình kính cẩn chào người. Tôi đã dự định sẽ khẩn cầu người làm lễ điểm đạo cho tôi với một giọng khẩn thiết hơn trước, như là một điều mà bây giờ tôi có quyền đòi hỏi. Nhưng khi vừa thấy tôi thì người đã lên tiếng trước:

– À, may mắn thay cho con, Lucius, thời giờ đã đến để con có thể nhận được ân huệ thiêng liêng đó! Ngày mà con mong đợi từ lâu, nay đã đến, ta sẽ làm lễ điểm đạo cho con.

“Khi đó, vị đạo trưởng cao niên đạo mạo đặt bàn tay mặt của người trong lòng bàn tay tôi và dắt tôi đến trước cửa thánh điện. Sau khi đã long trọng làm lễ khai môn và dâng hương hoa buổi sáng, người mới lấy từ những chỗ bí mật của đền thờ vài quyển

sách được viết tay bằng một thứ chữ lạ kỳ. Kế đó, người bước đến trước thánh điện và trong lúc mặt trời còn chưa ló dạng, người dắt tôi đến quỳ dưới chân tượng nữ thần.

“Sau khi đã tiết lộ cho tôi vài điều bí mật – những điều này quá thiêng liêng để có thể nói ra bằng lời, người dẫn tôi trước mặt tất cả mọi người đến chứng kiến cuộc lễ hôm đó, rằng hãy giữ gìn trai giới trong suốt mười ngày liên tiếp, không ăn thịt loài vật và không uống rượu. Tôi tuân theo những lời răn đó một cách chặt chẽ.

“Sau cùng, đã đến ngày hành lễ điểm đạo, tức ngày tôi hiến dâng cuộc đời tôi cho mục đích tìm học những ý nghĩa sâu xa nhất của cuộc đời. Mặt trời đã ngả về tây, đêm tối sắp đến trong khi từ bốn phương xuất hiện rất đông đảo những vị đạo đồ thánh thiện của quá khứ đứng vây quanh tôi, mỗi vị đều ban cho tôi những quà tặng theo nghi lễ cổ truyền.

“Kế đó, sau khi những vị chưa được điểm đạo đã được mời đi ra ngoài, tôi được thay áo mới và vị đạo trưởng cầm tay tôi để dắt tôi đến giữa thánh điện.

“*Quý vị độc giả hiếu kỳ có lẽ nóng lòng muốn biết những gì đã xảy ra vào lúc đó. Tôi chắc hẳn là muốn tường thuật lại cho quý vị nghe nếu tôi được phép nói, và nếu quý vị cũng được phép nghe. Nhưng tôi không thể vi phạm lời thề chỉ để làm thỏa mãn sự tò mò của quý vị. Tuy nhiên chắc hẳn quý vị cũng bị thúc đẩy bởi một lòng mong ước thanh cao, nên tôi không thể để cho quý vị phải thất vọng và đợi chờ lâu hơn nữa. Vậy quý vị hãy nghe và tin tưởng, vì điều tôi nói đây là sự thật.*

“*Tôi đã bước đến gần kề địa hạt của tử thân, tôi đã đặt chân lên ngưỡng cửa của âm ty, tôi đã vượt qua mọi cảnh giới, và rồi tôi đã trở lại cõi trần gian. Tôi đã nhìn thấy mặt trời chói rạng huy hoàng ngay giữa lúc đêm tối. Tôi đã đến gần các đấng thân mình và đã chiêm bái các ngài.*

“*Nhưng quý vị hãy coi chừng, vì tôi đã nói ra những điều mà mặc dầu được nghe nhưng quý vị thực sự không bao giờ nên biết.*”

Một năm sau, *Lucius* được điểm đạo ở cấp bậc huyền môn *Osiris*, cao hơn cấp bậc *Isis*. Trong số

ít những người ngoại quốc khác đã được điểm đạo theo khoa huyền môn Ai Cập, có *Platon, Pythagore, Thales, Lycurgue, Solon, Jamblique, Plutarque* và *Hérodote*. Trong những tác phẩm của *Hérodote*, ông đã nhắc đến điều ấy với một sự dè dặt tối đa. Ông đã diễn tả từng chi tiết những buổi trình diễn văn nghệ tượng trưng và những cuộc lễ bái công cộng, nhưng ông từ chối không chịu tiết lộ những điều bí mật bên trong. Ông nói như sau:

– Đối với những điều huyền bí đó, dù tôi đã được biết đầy đủ, nhưng tôi có lời cam kết phải giữ một sự im lặng hoàn toàn.

Sử gia *Plutarque* đã viết rằng:

– Khi ta nghe nói đến huyền thoại của người Ai Cập về các đấng thần minh, những chuyến du hành, sự phân thân, và những chuyện huyền hoặc hoang đường khác nữa, ta chớ nên tưởng rằng tất cả những chuyện ấy đều có thật. Mỗi dân tộc đều có những biểu tượng, khi thì mờ ám, khi thì dễ hiểu, để trình bày những điều chân lý bất hủ. Chính bằng cách đó mà ta nên đọc hoặc nghe những chuyện thần thoại hoang đường. Ta hãy tiếp nhận những chuyện đó với lòng sùng kính và với một tinh thần triết lý.

Plutarque nói về mục đích điểm đạo ở cấp đẳng huyền môn *Isis* như sau:

“Bằng phương tiện điểm đạo, người đạo đồ có thể được chuẩn bị đến mức tối đa để đạt tới sự giao cảm với cảnh giới tâm linh. Bởi lẽ đó, đền thờ đáng thiêng liêng được gọi là Iseion, ám chỉ sự hiểu biết vô cùng, bất sinh bất diệt. Sự hiểu biết đó có thể đạt được bằng cách điểm đạo nếu người đạo đồ đã được chuẩn bị sẵn sàng.”

Đó là quan điểm của triết gia Hy Lạp *Plutarque*. Ta hãy nghe nhà hiền triết xứ *Syrie* tên là *Jamblique* nói về khoa Huyền Môn Ai Cập mà ông là một vị đạo đồ, như sau:

– Cái tinh hoa và toàn vẹn của mọi điều thiện đều có sẵn nơi các đấng thần minh, cái quyền lực đầu tiên và cổ xưa của các ngài cũng là điều sở hữu của các vị tăng lữ ở các đền thờ. Một sự hiểu biết các đấng thần minh sẽ phản ảnh lại nơi con người chúng ta, và giúp cho ta tự biết mình. Phần thiêng liêng nhất của con người, xưa kia vốn được hợp nhất với thần minh, về sau lại bị chướng ngại bởi một sự trói buộc của mọi điều dục vọng trần gian và sự kiềm tỏa của ác nghiệp. Bởi vậy, cần phải xét xem bằng cách nào con người có thể được giải tỏa khỏi những sự trói buộc ấy. Chỉ có sự hiểu biết về một bản ngã chân thật mới phá tan những sợi dây kiềm tỏa đó.

Đó là mục đích của huyền môn Ai Cập, làm cho con người nâng cao tâm hồn để hòa hợp với sự hiện hữu chung của toàn vũ trụ.

Một vị đạo đồ khác là *Proclus* nói rằng:

– Trong mọi cuộc điểm đạo ở mọi cấp đẳng huyền môn, các đấng thần minh cho thấy nhiều khía cạnh biểu trưng khác nhau. Đôi khi người đạo đồ thấy xuất hiện trước mặt một vầng sáng không hình thể nhất định tỏa ra từ các vị thần, xem dường như một vầng hào quang. Có khi vầng hào quang đó khoác lấy hình



Biểu tượng thần Thái Dương (Râ) của người Ai Cập, được vẽ trên một quan tài cổ vào khoảng hơn 1000 năm trước Công nguyên

người, có khi khoác lấy một hình thể khác. Một vài hình thể đó không phải là thần minh, và làm cho ta sợ hãi.

Triết gia *Platon* cũng đã từng được điểm đạo, nói rằng:

– Do hậu quả của lễ điểm đạo thiêng liêng, chúng ta chiêm ngưỡng những linh ảnh giản dị xuất hiện trong một vầng ánh sáng tinh anh, và nhờ được thanh lọc để trở nên tinh khiết, chúng ta được giải thoát khỏi xác thân nặng nề như nhớp này, mà từ trước chúng ta vẫn bị dính liền như con sò dính trong cái vỏ.

Như vậy, ý ông muốn nói rằng mục đích tối hậu của sự điểm đạo huyền môn là đưa con người trở về với những nguyên tắc tâm linh mà nhân loại đã mất đi từ buổi sơ khai.

Một vị đạo đồ khác nữa là *Moise*, người Do Thái gốc Ai Cập, được nhắc đến trong sách *Tân ước* rằng:

“Moise đã từng được giáo dục trong tất cả nền minh triết của Ai Cập.”

Ý nghĩa của câu này là nền minh triết thâm sâu nhất của xứ Ai Cập đã được tiết lộ cho *Moise*, điều đó cũng có nghĩa là sự hiểu biết mà *Moise* có được đã được truyền dạy bởi giáo lý huyền môn Ai Cập.

Sách Tân ước còn nói rằng:

“Moise phủ kín mặt bằng một tấm màn che.”

Tính chất tấm màn che như thế nào, thì đoạn sau đó trong sách ấy đã cho ta thấy ý nghĩa của nó:

“Cho đến ngày nay, tấm màn che ấy vẫn phủ kín lên việc đọc sách Cựu ước.”

Như vậy, đó không phải là tấm màn che thông thường bằng vải, mà là một tấm màn che kín ý nghĩa của những chữ trong sách, che lấp sự hiểu biết. Bởi đó, tấm màn che mặt của *Moise* thật ra chính là lời thề giữ im lặng và giữ bí mật mà ông đã cam kết trong cuộc lễ điếm đạo. *Moise* đã thu thập được sự minh triết tại đạo viện thuộc ngôi đền tại thành phố *On*,¹ mà người Hy Lạp gọi là *Héliopolis* khi họ chinh phục xứ Ai Cập. Thành phố này đã biệt tích ở cách vài dặm phía bắc *Cairo*.²

Héliopolis và *Memphis*, một thành phố cổ khác nữa cũng đã biệt tích, là những thành phố mà ngày xưa người ta có thể nhìn thấy từ trên đỉnh các Kim

¹ Trong Kinh Thánh, thành phố *Heliopolis* được nhắc đến với các tên như *On*, *Aven* và *Beth-Shemesh*, đều có nghĩa là “thành phố của mặt trời”. Lịch sử ban sơ của thành phố này có thể truy nguyên đến khoảng gần 3000 năm trước Công nguyên, nhưng nó đã phát triển rực rỡ nhất vào khoảng hơn 1500 năm trước Công nguyên.

² Một cách chính xác hơn, những di tích được tìm thấy về sự hiện diện của thành phố cổ này nằm cách khoảng 8 km về phía đông của sông Nile và khoảng 10 km (6 dặm) về phía đông bắc của Cairo.

Tự Tháp, và đều xem Đại Kim Tự Tháp như một nơi thánh điện tối cao để hành lễ điểm đạo huyền môn.

Thành *Héliopolis* và ngôi đền lớn của nó ngày nay không còn nữa, những bức tường gạch kiên cố bao bọc chung quanh thành phố và những cột trụ đền đến ngày nay đã bị chôn vùi dưới một lớp cát sâu đến bốn thước. Chỉ còn cây thạch tiền (*Obélisque*) bằng đá đỏ ở trước cổng thành là còn đứng vững. *Moïse* đã từng nhìn thấy cây thạch tiền này vì ông đã đi ngang qua đó nhiều lần. Đó là cây thạch tiền cổ xưa nhất còn đứng vững ở Ai Cập.

Trong số những vị học giả mộ đạo thời cổ đã từng bước chân đến cổng đền này để tìm ánh sáng minh triết, có triết gia *Platon* và sử gia *Herodote*. Những vị này cũng đã nhìn thấy cây thạch tiền mà đến nay vẫn còn trơ gan cùng tuế nguyệt, đứng trơ trọi một mình giữa cảnh đồng ruộng bao la. Dưới chân cây thạch tiền ấy, những nông phu đang cày sâu cuốc bẫm, và hằng ngày dắt trâu ra đồng.

Còn một cây thạch tiền khác nữa mà vua *Thoutmès III* dựng lên trước đền thờ Thái Dương ở *Héliopolis* và ngày nay đang nhô lên cao vút bên bờ sông *Tamise* ở Luân Đôn, được biết dưới cái tên là “*Mũi kim của Cléopâtre*”, nó nhắc nhở cho dân chúng thủ đô Anh quốc náo nhiệt phen hoa ngày nay nhớ lại cả một thế

giới đã biệt tích cùng với nền văn minh lộng lẫy huy hoàng của một thời đại cổ xưa nay không còn nữa.

Cây thạch tiền có vẻ như một tên quân canh đứng gác cổng đền, còn những hàng ám tự khắc trên bốn mặt của nó thuật lại lịch sử của ngôi đền. Nhưng nó không phải chỉ là một mũi tên khổng lồ bằng đá được dựng lên để khắc chữ trên đó, nó còn là một biểu tượng thiêng liêng, và mũi nhọn của mỗi cây thạch tiền đều lấy hình dáng của một Kim Tự Tháp nhỏ.



Cây thạch tiền (trụ đá có hình như mũi tên chĩa lên trời) tại đền Luxor, cách đền Karnak 3,5 km.

Heliopolis ngày xưa là một trung tâm rất lớn về các ngành học thuật cổ điển và đạo lý. Nó từng có lúc quy tụ đến mười ba ngàn học viên và có một dân số rất đông đảo. Tại đây cũng có một thư viện nổi tiếng. Thư viện này về sau đã góp phần xây dựng thư viện *Alexandrie* danh tiếng nhất của thời cổ đại.

Lúc thiếu thời, *Moise* đã từng tham dự những cuộc rước lễ tôn giáo ở các đền, hoặc học hỏi đạo lý trong những sách cổ xưa làm bằng những cuộn lá chỉ thảo trong thư viện. Ông đã từng trải qua nhiều giờ trong thư viện, đắm chìm trong những cơn suy tư trầm lặng và nghiền ngẫm những tư tưởng triết lý thâm trầm. Học hành chăm chỉ từ lúc nhỏ, *Moise* đã tiến bộ rất mau chóng, tỏ ra có một học vấn uyên thâm và một đức hạnh gương mẫu đến nỗi ông vượt qua một cách danh dự tất cả những cấp bậc điểm đạo, và đạt tới cấp đẳng cao tột ít người có, là cấp đẳng chân sư. Từ đó, ông trở thành một vị đạo trưởng.

Chính tại đạo viện mà ông được thụ huấn trước kia, dính liền với ngôi đền lớn tại *Heliopolis*, thành phố của mặt trời, mà ông nhận lãnh chức vị đó. Ông đứng làm chủ lễ điểm đạo cho những môn đồ khác theo nghi lễ huyền môn *Osiris*, là nghi lễ thuộc về cấp đẳng cao tột. Hồi thời đó ông có tên là *Osarsiph*, một tên chữ Ai Cập, vì ông vốn là người Do Thái gốc Ai Cập.

Đến một khúc quanh của đời ông, khi ông nhận sứ mạng mà định mệnh giao phó, ông ghi dấu cơ hội này bằng cách chọn một tên gọi Do Thái. Những người Ai Cập trí thức đều tin rằng tên họ của mỗi người vốn có một năng lực thần bí. Vì thế mà tên *Osarsiph* đã đổi thành *Moise*.

Vị *Pharaoh* trị vì lúc đương thời vốn là một hôn quân vô đạo và hung ác, ngược đãi người Do Thái một cách độc ác bất nhân đến nỗi làm cho *Moise* phải động lòng vì chính ông cũng có một phần dòng máu Do Thái trong huyết quản. Sử chép rằng ông đã giải phóng những bộ lạc Do Thái ra khỏi tình trạng nô lệ, giam cầm, ông đã hướng dẫn họ rời khỏi vùng thung lũng *Gochen* và noi theo con đường lịch sử từ xưa vẫn nối liền châu Phi và châu Á, con đường mà chính hoàng đế *Napoleon* đã cưỡi ngựa đi qua và suýt chết chìm khi gần đến thành *Suez*.

Người ta có thể tìm thấy vài mẩu chuyện về sau của *Moise* trong Kinh Thánh, nhưng những chuyện này lại bị pha lẫn một cách đáng tiếc với những truyền thuyết và huyền thoại mơ hồ. Năm quyển đầu tiên của bộ sách Cựu ước, được gộp nhặt lại dưới nhan đề *Pentateuque* là do *Moise* soạn ra. Những quyển ấy chứa đựng một nền minh triết thâm sâu mà *Moise* muốn truyền lại cho dân tộc Do Thái, nhưng về sau

lại có lẫn lộn những yếu tố lịch sử liên quan đến sự sáng tạo thế giới và những chủng tộc đầu tiên của nhân loại.

Thật ra thì *Moise*, với tư cách một chân sư, từng biết rõ và sử dụng lối văn tự huyền bí của các vị đạo đồ, nghĩa là dùng ám tự với một ý nghĩa tâm linh ẩn giấu. Ông soạn bộ sách *Pentateuque* bằng ám tự Ai Cập mà chỉ có những bậc tăng lữ đã điếm đạo mới có thể hiểu. Nhưng khi người Do Thái tới định cư tại *Palestine*, trải qua nhiều thế kỷ, sự hiểu biết về khoa ám tự ngày càng giảm sút. Dần dần, giới tăng lữ đã không còn đọc được thứ chữ ấy nữa và chỉ có thể đoán mò một cách rất khó khăn.

Điều này không có gì lạ, nếu người ta nhớ rằng chính ở tại Ai Cập, vào thế kỷ thứ tư sau Thiên Chúa giáng sinh, phép diễn đạt khoa ám tự đã hoàn toàn mất hẳn. Độ một nghìn năm sau cuộc di cư của dân Do Thái, khi những bậc cao niên lão thành của dân tộc ấy góp nhặt một bộ sách mà ngày nay ta gọi là *Cựu ước* thì họ gặp phải một khó khăn rất lớn khi dịch những quyển sách của *Moise* sang tiếng Do Thái. Đó là vì *Moise* đã viết sách ấy bằng thứ chữ riêng của các vị chân sư, còn những bậc trưởng lão Do Thái, dầu có học thức uyên thâm, cũng chưa phải là những vị chân sư đó. Bởi đó, thường có những chỗ dịch sai nghĩa, những ý nghĩa tượng trưng thì lại bị

hiểu lầm như những sự việc có thật, những sự mô tả bằng ám tự được coi như mô tả những sự việc đã xảy ra, những câu mang ý nghĩa bóng bẩy bị hiểu lệch lạc thành ra những chỗ dịch sai lầm.

Chỉ một vài thí dụ cũng đủ chứng minh điều đó. “*Sáu ngày tạo thiên lập địa*” đối với *Moise* có nghĩa là sáu chu kỳ thời gian dài đằng đằng, được gọi một cách tượng trưng là *sáu ngày* vì những lý do mà chỉ các vị đạo đồ mới biết được mà thôi. Nhưng câu ấy được dịch lại sát nghĩa từng chữ, vì các nhà phiên dịch tưởng rằng đó là sáu ngày với mỗi ngày hai mươi bốn giờ! Hậu quả là những quyển đầu tiên của bộ Kinh Thánh chứa đựng nhiều sự việc dị kỳ nếu người ta hiểu sát từng chữ từng câu, dị kỳ đối với thế hệ hiện tại vì khoa học tiến bộ càng ngày càng kiểm thảo chặt chẽ những bản dịch cổ tự đó đến từng điểm một.

Nhưng sách Thánh kinh sẽ trở nên vô cùng phong phú nếu người ta biết đọc nó với sự hiểu biết những chìa khóa bí mật được truyền dạy cho những vị đạo đồ trong những đền cổ bên Ai Cập. Như vậy, có lẽ *Moise* phải được xem như một trong những nhân vật đáng kể nhất đã ngộ đạo trong cơn xuất thần huyền bí của những cuộc điểm đạo huyền môn.

CHƯƠNG 8

KHOA HUYỀN MÔN THỜI CỔ

Những vị đạo đồ trong khoa huyền môn thời cổ phải long trọng tuyên thệ là không bao giờ tiết lộ những gì xảy ra bên trong thánh điện thâm nghiêm huyền bí. Ta nên nhớ rằng, dù sao thì lễ điểm đạo cũng chỉ được cử hành mỗi năm cho một số rất ít môn đồ. Sự hiểu biết giáo lý mật truyền không bao giờ được ban bố cho nhiều người cùng một lúc. Bởi lẽ đó mà không một nhà văn thời cổ nào đã đưa ra được một tường trình đầy đủ và mạch lạc về những gì được gọi là giáo lý huyền môn, vì các vị môn đồ luôn giữ đúng lời cam kết một cách chặt chẽ.

Tuy thế, người ta đã khám phá ra vài lời ngụ ý ngắn ngủi, những lời bình luận của các tác giả cổ điển, những câu nói đầy ẩn ý và những chữ khắc trên đá có thể hé mở cho ta thấy vài điều về những sinh hoạt huyền bí của thời cổ xưa.

Khoa huyền môn thời cổ nêu ra một mục đích cao cả, hay nói đúng hơn là nêu ra một phối hợp các mục

dịch tôn giáo, luân lý và triết lý. Mỗi người đều được phép gõ cửa các đền thờ để xin làm lễ điểm đạo, nhưng người ấy có được nhận hay không lại là việc khác. Người ta vẫn nhớ đến những lời của *Pythagore* khi ông từ chối không nhận những thí sinh không đủ tư cách xin nhập môn vào đạo viện *Krotona*:

– Không phải mọi thứ gõ đều dùng được cho công trình của thần *Mercure*.

Cấp bậc điểm đạo đầu tiên, với mục đích chứng minh sự tồn tại của linh hồn, mang lại cho người môn đồ một kinh nghiệm rùng rợn khủng khiếp trước khi được thoát lên một cảnh giới thanh cao huyền diệu hơn.

Trong một vài cuộc điểm đạo sơ cấp, chứ không phải tất cả, có khi người ta dùng những phương tiện máy móc để làm cho người môn đồ có cảm giác rằng đang bị rơi xuống một vực thẳm nguy hiểm hoặc bị nhận chìm giữa giòng nước xoáy, hoặc bị thú dữ phân thây... để thử thách lòng can đảm của người ấy. Nhưng có điều đáng sợ hơn nữa là trong một cấp đẳng cao hơn, người môn đồ sẽ thấy xuất hiện những quái vật hình thù ghê rợn khủng khiếp, những loài yêu ma quỷ quái cõi âm ty, khi năng khiếu thần nhãn được tạm thời phát triển.

“Linh hồn bị dày vò, loạn động trong lúc chết, cũng như trong cuộc điếm đạo huyền môn. Giai đoạn đầu chỉ gồm có những làm lạc và bối rối, những cố gắng phát phơ vô định và tối tăm u ám. Kế đó, đến ngưỡng cửa sự chết và lễ điếm đạo, tất cả đều là kinh sợ, khủng khiếp, rùng rợn. Nhưng, một khi giai đoạn đó đã vượt qua thì khắp nơi sẽ tràn đầy một ánh sáng thiêng liêng, huyền diệu... Người đạo đồ đã chịu phép mầu từ nay sẽ trở nên toàn thiện và giải thoát, bước vào cảnh giới bất tử.”

Đoạn trên đây do *Stobée* trích lục trong một áng văn cổ xưa, xác nhận kinh nghiệm của tất cả những vị đạo đồ khác. Những bản văn viết tay trên lá chỉ thảo (*papyrus*) thời cổ mô tả người thí sinh được đưa đến giai đoạn đó do sự hướng dẫn của thần *Anubis*, vị chủ tể khoa huyền môn. Chính *Anubis* đã đưa người môn đồ vượt qua cõi vô hình để nhìn thấy những loài yêu quái hình thù ghê rợn.

Những chân lý được truyền dạy trong các đạo viện huyền môn là do sự tiết lộ mà các đấng thánh nhân dành cho nhân loại từ lúc phát sinh những nền văn minh cổ xưa nhất, và nay giáo lý huyền môn cần được giữ gìn nguyên vẹn để duy trì sự tinh khiết của nó. Như thế, người ta hiểu tại sao khoa huyền môn

được ẩn giấu cẩn mật và giữ gìn chặt chẽ ngoài tầm tay của kẻ thế nhân phạm tục.

Ta không nên nhầm lẫn giữa giấc ngủ thông thường với trạng thái xuất thần của người môn đồ trong lễ điểm đạo. Đó là một cơn đồng thiếp, một trạng thái hôn mê, xuất thần, trong khi đó tinh thần vẫn tỉnh táo ở một cảnh giới khác.

Người ta sẽ càng lầm lạc hơn nữa nếu họ lẫn lộn một kinh nghiệm siêu linh như thế với giấc ngủ thôi miên. Trong trường hợp sau này, nhà thôi miên đặt đối tượng của ông ta vào một trạng thái lạ lùng không có sự nhận biết rõ ràng. Ngược lại, vị đạo trưởng huyền môn có một tầm hiểu biết truyền thống về các hiện tượng huyền bí, do đó có thể sử dụng quyền năng của mình một cách hoàn toàn ý thức và làm chủ được tình hình. Nhà thôi miên đưa tâm trí và ý thức của đối tượng đến một trạng thái mà chính bản thân ông ta không tham dự vào sự thay đổi này. Ngược lại, vị đạo trưởng huyền môn trông nom và kiểm soát mọi sự thay đổi ý thức của người môn đồ, bởi vì vị ấy có khả năng nhìn thấy sự biến đổi đó. Sau cùng, nhà thôi miên chỉ có thể làm cho đối tượng của mình được soi sáng về một vài vấn đề liên hệ đến cõi trần tục và sự sống vật chất, hoặc thực hiện những việc bất bình thường bằng thể xác vật chất. Còn vị đạo trưởng có khả năng hành động một cách

thâm sâu hơn, có thể tuân tự đưa người môn đồ trải qua những kinh nghiệm thuộc về các cảnh giới tâm linh. Điều này thì không một nhà thôi miên nào có thể làm được.

Tôi đã quan sát tất cả mọi hiện tượng thôi miên được thực hiện ở các xứ Đông phương và Tây phương. Tuy rằng có vài loại hiện tượng đó rất lạ lùng, nhưng chúng vẫn còn ở trình độ thấp kém chứ không phải những hiện tượng siêu linh. Những hiện tượng đó có một ý nghĩa về khoa học, nhưng không có giá trị tâm linh sâu sắc. Lẽ tất nhiên các hiện tượng đó có thể giúp chúng ta thoát ra khỏi sự u ám nặng nề của vật chất, vì nó chứng tỏ rằng trong con người có những sức mạnh tiềm ẩn của tâm thức, nhưng chúng không thể đưa ta lên cao để khám phá một cách có ý thức sự hiệu hữu của cảnh giới tâm linh vốn là một thực thể sống động, bất tử và độc lập.

Nhờ kinh nghiệm đã trải qua trong Kim Tự Tháp và ý nghĩa của những hình chạm trở trên vách các đền thờ, tôi đã có thể hình dung được cuộc lễ điểm đạo huyền môn *Osiris*, là nghi lễ thâm diệu và huyền bí nhất. Cuộc hành lễ này không gì khác hơn là một sự phối hợp giữa những mãnh lực thôi miên, phù phép và tâm linh nhằm giải thoát tâm hồn người môn đồ khỏi sự trói buộc của cái thể xác nặng nề trong vài giờ, có khi là vài ngày, để cho người ấy có

thể ghi nhớ trong suốt cuộc đời còn lại những kinh nghiệm độc đáo ghi dấu một ngày quyết định trong đời, và nhờ đó đạt đến những cách hành xử thích đáng để tự hoàn thiện tâm hồn mình.

Sự tồn tại của linh hồn sau khi chết mà phân đông mọi người chỉ nhìn nhận như một tín ngưỡng tôn giáo, nhưng đối với người đạo đồ đã được điểm đạo thì từ nay có thể giảng dạy với một đức tin đã được tăng cường bởi bằng chứng cụ thể do kinh nghiệm bản thân. Điều mà người đạo đồ kinh nghiệm được, chỉ có những người nào bước vào con đường ấy mới có thể nhận thức được tầm quan trọng của nó. Thậm chí ở vào thời kỳ hiện đại, có vài người vô tình đã trải qua một phần của kinh nghiệm đó một cách bất ngờ.

Tôi có biết trường hợp của một viên sĩ quan không quân Anh, được chụp thuốc mê để chuẩn bị cho một cuộc phẫu thuật trong thời chiến. Kết quả thật lạ lùng là mọi cảm giác đau đớn của xác thân đã biến mất nhưng bệnh nhân không ngủ mê. Anh ta cảm thấy nhẹ bồng như được nâng lên trên không, lơ lửng bên trên bàn mổ và nhìn xem cuộc giải phẫu thể xác của mình một cách điềm nhiên như nhìn cái xác của người khác. Kể từ khi đó, tâm tính anh ta thay đổi một cách lạ thường. Anh ta tuyên bố tin tưởng ở sự hiện hữu của linh hồn, tự mình phát triển một niềm

hy vọng mới và chuyển hướng sang một nếp sống hoàn toàn khác hẳn, thật tốt bụng và vị tha.

Như vậy, những vị đạo trưởng huyền môn là ai mà có được quyền năng gây ra nơi con người một sự biến đổi huyền diệu như thế? Những vị trưởng thượng đáng kính gìn giữ kho tàng minh triết thâm sâu đó, lẽ tất nhiên chỉ có rất ít. Có một thời gian, tất cả những vị tăng lữ và vài vị tư tế cao cấp ở các đền thờ cổ Ai Cập đều là những sư trưởng hay đạo trưởng. Sự hiểu biết của họ được giữ gìn hoàn toàn bí mật, do đó mà ở những thời kỳ cổ điển, chính cái tên Ai Cập cũng được hiểu đồng nghĩa với chữ huyền bí. Trong những gian phòng Ai Cập của Bảo tàng viện *Louvre*, ngôi mộ của *Ptah Mer*, đại tư tế thành *Memphis*, có tấm bia đá khắc dòng chữ sau đây:

“Ngài thấu triệt mọi điều huyền bí của mỗi đền thờ, không có gì là ẩn giấu đối với Ngài. Ngài bao trùm tất cả những gì Ngài đã thấy bằng một tấm màn bí mật.”

Tại sao những vị đạo trưởng lại có một sự dè dặt vô cùng chặt chẽ như thế? Đó là vì những lý do mà chỉ có các ngài mới có thể biết được. Dù sao, các ngài hẳn là thấy cần phải loại những kẻ hoài nghi và bỡn cợt ra ngoài những kinh nghiệm thần bí đầy đầy nguy hiểm cho tánh mạng của người thí sinh.

Người ta không trao những viên ngọc quý cho kẻ tầm thường.

Ngoài ra, rất có thể là có nhiều người, vì không đủ sự chuẩn bị sẵn sàng cho một kinh nghiệm như thế, sẽ trở nên điên cuồng hoặc thiệt mạng sau cuộc thử thách. Bởi đó, lễ điểm đạo luôn luôn chỉ là đặc ân dành cho một số ít người xứng đáng. Nhiều người đã gõ cửa cầu xin điều đó ở các đền huyền môn nhưng vô ích. Những người khác, bị đặt dưới hàng loạt những cuộc thử thách sơ đẳng mỗi lúc một khó khăn hơn, không có đủ sự gan góc cần thiết để tiến xa hơn nữa, hoặc cảm thấy lòng ước muốn điểm đạo nguội bết dần.

Như vậy, bằng cách đưa ra những cuộc thử thách chọn lọc nghiêm khắc, người ta làm cho những đạo viên huyền môn thời cổ trở thành những cơ quan độc đáo. Những điều bí ẩn giấu sau những cánh cửa khóa chặt của thánh điện thâm nghiêm, không bao giờ được truyền dạy cho những vị đạo đồ, trừ phi với sự long trọng thề nguyện rằng họ sẽ không bao giờ tiết lộ ra ngoài.

Vị môn đồ được điểm đạo bước ra khỏi đền được xem như suốt đời sẽ trung thành với những mục đích cao cả. Và với một tâm kiến thức sâu xa thâm trầm, từ nay người ấy sẽ sống lẫn lộn trong đám người bình dân để làm việc giúp đời.

Diodore de Sicile, sau khi thăm viếng xứ Ai Cập trở về, có viết rằng:

“Người ta nói rằng những người đã tham dự những cuộc điếm đạo huyền môn trở nên đạo đức hơn, công bình hơn, và tốt lành hơn về tất cả mọi phương diện.”

Thật ra, những đạo viện huyền môn không chỉ thịnh hành ở Ai Cập. Những nền văn minh cổ đều có tìm thấy khoa huyền môn trong cái di sản để lại từ một thời quá khứ xa xăm, do sự tiết lộ của các đấng thánh nhân của nhân loại từ thời sơ khai. Hầu hết các dân tộc, trước kỷ nguyên Thiên Chúa đều có những truyền thống và tổ chức huyền môn của họ, như dân tộc *La Mã*, *Celtes*, *Hy Lạp*, đảo *Crète*, *Syrie*, *Ấn Độ*, *Ba Tư*, *Mayas*, thổ dân da đỏ ở châu Mỹ và nhiều dân tộc khác nữa, cũng đều có những đền thờ và nghi lễ dành cho những hoạt động tâm linh đưa đến trình độ điếm đạo.

Aristotle không do dự mà tuyên bố rằng sự thịnh vượng của xứ *Hy Lạp* sở dĩ có được là nhờ đạo viện huyền môn *Eleusis*.

Socrate cũng nói rằng:

– Những môn đồ phái huyền môn tự tạo cho mình những triển vọng rất tốt đẹp vào giờ chết.

Trong số những người xưa đã nhìn nhận hoặc ngụ ý rằng họ đã từng được điểm đạo huyền môn, có nhà hùng biện *Aristotle*, *Ménippe de Babylone*, kịch gia *Sophocles*, thi hào *Eschyle*, luật gia *Solon*, *Cicero*, *Heraclitus*, *Pindar* và *Pythagoras*.

Khoa *Tam điểm* (*Franc-Maconnerie*) ngày nay vẫn còn giữ gìn một dấu vết của khoa Huyền Môn thời cổ, mà nguồn gốc là ở Ai Cập. Người hội viên *Tam điểm* nêu ra trường hợp của *Pythagore* như một thí dụ điểm đạo của thời xưa. Phải chăng họ nhớ rằng *Pythagore* đã từng được điểm đạo bên Ai Cập? Những người đặt ra các cấp bậc của khoa *Tam điểm* đã áp dụng vài biểu tượng đầy ý nghĩa của khoa huyền môn Ai Cập.

Về sau, sự sa đọa vật chất của con người đã làm cho các vị đạo trưởng chân chính của thời xưa dần dần biệt tích hoặc rút lui ra ngoài vòng thế tục, và thay chân các ngài là những kẻ phàm phu mê muội, làm hoen ố và hạ thấp khoa huyền môn cao cả. Những kẻ bất chính, có tham vọng đạt được những phép thần thông của bàng môn tả đạo, sau cùng đã chiếm ưu thế để giành quyền kiểm soát các đạo viện huyền môn ở Ai Cập và những nơi khác.

Những gì từ lúc nguyên thủy vốn là thiêng liêng, chỉ dành cho những người chọn lọc nhằm mục đích

duy trì ngọn lửa thiêng tinh khiết của sự sống tâm linh cho được trường cửu trong nhân loại, đã lọt vào tay những kẻ tà tâm, buôn thần bán thánh. Đó là những sự kiện lịch sử, làm cho cái kho tàng tâm linh quý báu của nhân loại thời cổ xưa đã trở nên suy tàn.

Nhưng nếu khoa huyền môn của các vị đạo trưởng thời xưa ngày nay đã mất theo các ngài, thì cái nền minh triết mà các ngài đã từng ban cho người thế gian từ thuở sinh tiền vẫn còn được chứng minh bởi sự lưu truyền bất diệt của những vị đạo đồ đã từng dán thân trên đường tầm đạo. Những kinh sách bút tự viết trên lá chỉ thảo và những hàng chữ khắc trên vách đá của các đền thờ cổ đã chứng minh rằng người cổ Ai Cập tôn sùng lễ diêm đạo huyền môn *Osiris* một cách nồng nhiệt như thế nào, và chứng tỏ cái uy tín đối với quần chúng của những người đã từng được phép bước vào các thánh điện uy nghiêm hoặc các hang động ẩn giấu để được làm phép diêm đạo thiêng liêng.

Có một cấp bậc diêm đạo tối cao siêu đẳng mà người môn đồ khi đã đạt tới trình độ đó không chỉ được tạm thời giải thoát khỏi thể xác vật chất để chứng minh sự tồn tại của linh hồn, mà còn được đưa lên những cảnh giới thanh cao nhất, hòa nhập hoàn toàn với đại thể của vũ trụ. Kinh nghiệm huyền diệu

đó giúp phá vỡ sự cố chấp hữu hạn của con người và do đó mới có thể tiếp xúc với sự hiện hữu chân thật trường cửu của hết thảy mọi sinh thể. Trong một thời gian ngắn, người môn đồ được cảm thông trong im lặng và một cách thần diệu với thực thể của muôn loài; sự tiếp xúc tuy ngắn ngủi, nhưng giây phút cảm thông huyền diệu đó cũng đủ làm cho người ta thay đổi hoàn toàn quan điểm đối với cuộc đời. Người môn đồ ấy đã chia sẻ một phần cái ân huệ thiêng liêng nhất mà con người có thể nhận được. Người ấy xem như đã khám phá được cái ánh sáng huyền diệu thiêng liêng, là cái tinh hoa rốt ráo vi diệu của bản thể, mà so với nó thì thể xác vật chất này chỉ là giả tạm và vô nghĩa. Vì thế, người môn đồ sau khi được điểm đạo đã thật sự được hồi sinh trở lại, theo đúng ý nghĩa cao cả nhất của danh từ này.

Người nào nhận được sự điểm đạo tối cao đó sẽ được xem như một vị đã hoàn toàn giải thoát khỏi cuộc sống thế tục. Những bản văn bằng âm tự có đề cập đến vị ấy như một người đã nhận được ân huệ của thần minh trong khi còn sống, và sau khi chết sẽ vĩnh viễn về cõi Thiên đàng.

Trạng thái xuất thân kèm theo với cuộc điểm đạo đó, tuy bề ngoài giống như những cơn đồng điệp bằng phép thôi miên trong những cuộc điểm đạo sơ cấp, nhưng nếu xét về bên trong thì hoàn toàn khác

hắn. Không một quyền năng thôi miên nào có thể gây nên trạng thái đó, không một phù phép nào có thể gọi ra được nó. Chỉ có những bậc đạo trưởng tối cao, đã hòa hợp ý chí tâm linh với các đấng thần minh mới có cái thần lực siêu đẳng phi phàm để làm cho người môn đồ ý thức được bản thể thiêng liêng của mình. Đó là sự tiết lộ cao quý nhất và huyền diệu nhất dành cho những vị cao đồ của thời cổ Ai Cập. Đó cũng là sự tiết lộ bí mật mà người thời nay có thể ước vọng có được bằng những phương pháp khác.



Bài học kinh nghiệm của sự điếm đạo là một bài học thu ngắn của sự kinh nghiệm tâm linh được dành cho số phận của mỗi người trong nỗ lực vươn lên hoàn thiện chính mình của nhân loại. Chỉ có một sự khác biệt là cuộc điếm đạo, ví như một sự vun trồng gượng ép, được thực hiện một cách giả tạo bằng cách xuất thần, còn kinh nghiệm kia sẽ đến một cách tự nhiên do sự phát triển tâm linh và khai mở những quyền năng quyền bí. Như vậy, kinh nghiệm đó tái lập trong linh hồn con người sự diễn biến của toàn thể nhân loại, là phương hướng tất nhiên của tất cả mọi người.

Điều đó được căn cứ trên nguyên tắc này: Thể xác bằng xương thịt của một người có thể tạm thời bị tê liệt trong một cơn đồng thiếp mê man và thể chất tâm linh của người ấy, thường vẫn tiềm tàng ẩn giấu, có thể được đánh thức dậy bằng những phương pháp huyền diệu mà chỉ có những vị đạo trưởng mới biết được.

Người môn đồ nhận lễ điểm đạo được đặt vào một cơn đồng thiếp như thế, bề ngoài xem dường như đã chết thật. Theo ngôn ngữ tượng trưng của huyền môn, người ta nói rằng người ấy đã xuống mồ, hay được chôn dưới mồ. Sau khi nguồn sinh lực thể chất bị tạm thời gián đoạn, sức mạnh của dục tình và những dục vọng cá nhân cũng tạm thời lắng dịu, người thí sinh đã thật sự chết hẳn đối với những sự vật trần gian, trong khi đó tâm thức người ấy tạm thời tách ra khỏi thể xác.

Chỉ có trạng thái đó mới giúp cho con người tiếp xúc được với cảnh giới tâm linh, và khi đó mới có thể khơi dậy những linh ảnh của các đấng thần minh, say sưa niềm phúc lạc trong không gian vô tận, nhận thức được cái bản ngã chân thật của chính mình trong sự hòa hợp với sự sống của toàn vũ trụ; và sau cùng sẽ giao cảm được với sự hiện hữu của toàn thể thực tại.

Một người như thế mới có thể nói một cách chính xác là đã chết rồi sống lại, đã được chôn dưới mộ một cách tượng trưng và phục sinh một cách nhiệm mầu. Người ấy đã khám phá ra một ý niệm mới về sự chết và tiếp nhận được cho mình một sức sống thiêng liêng hơn. Người ấy sẽ mang trong người dấu vết của vị đạo trưởng đã thực hiện lễ điểm đạo, và từ đó về sau, một sợi dây nhân duyên vô cùng bền chặt và thâm sâu sẽ luôn nối liền giữa hai người.

Từ đó, giáo lý về sự bất tử của linh hồn không chỉ là một sự tin tưởng suông mà thôi, nó còn là một sự việc đã được thử thách và chứng minh đối với người đạo đồ. Khi người ấy thức tỉnh trong ánh sáng bình minh, anh ta có thể thật sự nói rằng đã trở lại thế gian, hoàn toàn biến đổi và được hồi sinh về mặt tâm linh. Người ấy đã biết được những điều bí mật không để lộ ra bên ngoài, nhưng từ nay người ấy sẽ đặt nền tảng cho trọn phần đời còn lại và cung cách ứng xử của mình trên căn bản sự hiện hữu thật sự của cảnh giới tâm linh. Từ nay, người ấy sẽ sống giữa nhân loại với một niềm tin chắc chắn và tuyệt đối về sự bất tử của tâm hồn. Tuy anh ta vẫn giữ bí mật cái nguồn gốc của sự tin tưởng chắc chắn đó, nhưng cũng không thể không chuyển giao, dấu rằng một cách vô ý thức, cho những người chung quanh ít nhiều đức tin đó. Người ấy sẽ làm phấn khởi và tạo ra những

niềm hy vọng, cũng như xác nhận sự tin tưởng của người khác qua sự giao cảm luôn hiện hữu giữa mọi con người.

Người đạo đồ sau khi nhận lễ điểm đạo sẽ không còn sợ sệt sự chết, mà chỉ tin vào sự sống, vì anh ta biết rằng sự sống là trường tồn và chỉ thực sự hiện hữu khi ta nhận thức được bản ngã chân thật. Người ấy tin tưởng những gì mà vị đạo trưởng đã tiết lộ trong thánh điện huyền bí: cảnh giới tâm linh là có thật và là một nguồn sáng thiêng liêng của sự sống.

Câu chuyện *Osiris* có hàm chứa một ý nghĩa liên quan đến mỗi cá nhân. Khi con người thấy mình được phục sinh trở lại, người ấy cũng thấy *Osiris* hiện hữu như cái chân ngã bất diệt của chính mình. Đó là chân giáo lý chứa đựng trong quyển thánh kinh cổ xưa nhất của Ai Cập, quyển *Sách của người chết*. Tuy rằng dưới hình thức mà người ta được biết hiện nay, quyển sách bằng lá chỉ thảo đó đề cập cả đến người chết thật lẫn người chết giả, tức là người được điểm đạo, do đó mà người đọc thường hay bị lầm lẫn ít nhiều.

Từ lúc sơ khởi, trước khi bị sửa chữa, soạn đi soạn lại nhiều lần, quyển sách ấy chỉ nói về giáo lý huyền môn; điều này được làm sáng tỏ một phần nhờ đoạn văn được trích sau đây:

“Đây là một quyển sách huyền môn vô cùng quý báu. Mắt kẻ phàm tục không được xem sách này, vì đó sẽ là một điều xúc phạm khôn lường. Sách này phải được cất giữ kỹ lưỡng. Nó được gọi là Quyển kinh của vị đạo trưởng trong ngôi đền bí mật.”

Bởi đó, trong quyển sách này, người chết (đúng ra là người đạo đồ) nhiều lần để tên *Osiris* đứng trước tên của mình. Trong những bản chính đầu tiên của quyển kinh ấy, người đạo đồ nói:

– Tôi là *Osiris*, tôi đã xuất hiện như Ngài, tôi sống như các đấng Thần Minh.

Câu ấy nói lên một cách hùng hồn sự diễn đạt cái chết của *Osiris* như là sự chết giả của người đạo đồ trong cơn xuất thần.



Bây giờ chúng ta có thể hiểu tầm quan trọng thật sự của những tôn giáo cổ, bằng cách nhận thức rằng những nhân vật chính của các tôn giáo ấy là biểu tượng tâm thức con người và những cuộc phiêu lưu của những nhân vật ấy diễn tả những kinh nghiệm của tâm thức trong cảnh giới tâm linh thuần túy.

Osiris đã trở thành hình ảnh của yếu tố thiêng liêng trong con người. Câu chuyện *Osiris* là chuyện tượng trưng của yếu tố đó, sự xuất hiện của nó trong cõi vật chất và sự trở về của nó để đi vào cảnh giới tâm linh. Huyền thoại *Osiris* bị phân thân làm mười bốn hay bốn mươi hai mảnh là tượng trưng sự phân rã tâm linh của con người, làm cho sự điều hòa cổ xưa của người ấy nay đã bị gãy đổ. Lý trí đã bị tách rời khỏi tình cảm, cũng như sự tách rời giữa thể xác với tinh thần, sự lầm lẫn và những dự vọng trái ngược nhau lôi kéo con người về những đường hướng trái ngược nhau.

Cũng tương tự như thế, câu chuyện *Isis* thu nhặt, ráp nối những mảnh thi hài của *Osiris* và làm cho ông ta sống dậy là tượng trưng cho sự phục hồi, sự tái lập trạng thái điều hòa trong con người đang có sự xung đột bên trong nội tâm, bằng cuộc điếm đạo lúc đương thời và bằng sự tu dưỡng trong tương lai. Sự điều hòa đó được tái lập bởi sự hòa hợp giữa tinh thần và thể xác cùng làm việc chung với nhau, và bởi chiều hướng song song của lý trí và tình cảm kể từ lúc ấy. Đó là sự phục hưng của trạng thái hợp nhất nguyên thủy.

Giáo điều cao siêu nhất của người cổ Ai Cập, căn bản lý thuyết của những cấp bậc điếm đạo tối cao, dạy rằng con người phải trở về với đấng thiêng liêng

là nguồn gốc ban sơ của mọi sự sống. Sự trở về đó được gọi là trở thành *Osiris*. Con người đầu khi còn ở thế gian vẫn được xem như có cái tiềm năng để trở thành một *Osiris*.

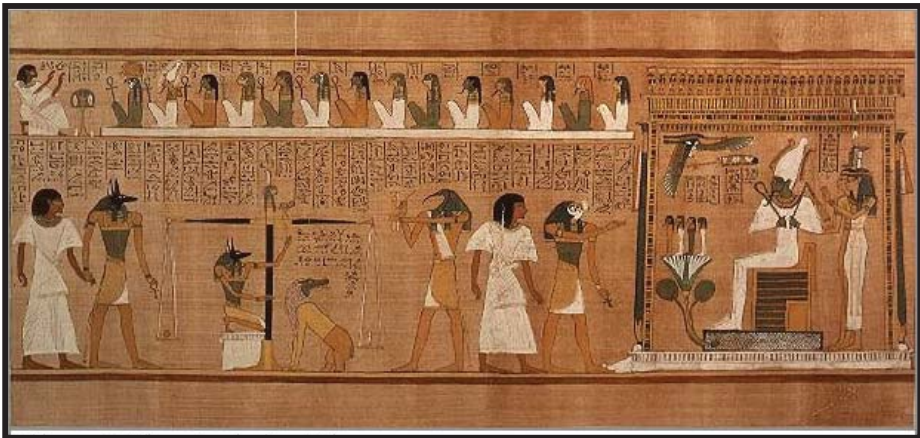
Trong quyển *Sách của người chết* vừa nói trên, một quyển sách bí truyền về lễ điểm đạo, có nói rằng linh hồn một khi đã được giải thoát sẽ được che chở trong những chuyến hành trình lâu dài và nguy hiểm trong cảnh giới tâm linh, không những bằng cách sử dụng bùa phép hay chú thuật, mà còn bằng cách mạnh dạn tuyên bố: “*Ta là Osiris.*”

Quyển sách ấy cũng có đoạn viết:

“Hỡi linh hồn mù quáng! Hãy nắm lấy ngọn đuốc sáng của huyền môn và trong đêm tối của thế gian, người sẽ khám phá ra chân ngã bất diệt. Hãy noi theo sự hướng dẫn thiêng liêng của nó, nó sẽ là vị thần hộ mạng của người, vì nó nắm giữ cái chìa khóa sự sinh tồn trong dĩ vãng và tương lai của người.”

Như thế, cuộc điểm đạo là sự đạt tới một viễn cảnh mới của cuộc đời, cái viễn cảnh tâm linh mà nhân loại đã đánh mất trong thời dĩ vãng xa xăm, khi rơi từ “*Thiên đàng*” xuống cõi vật chất. Khoa huyền môn giúp ta thực hiện sự trở về nguồn cội

ngay từ bên trong, và đưa ta đi tuần tự từ bước một đến sự giác ngộ hoàn toàn. Khoa huyền môn hé mở cho ta thấy trước hết là những cảnh giới tâm linh huyền bí vượt ngoài giới hạn nhận biết trong cõi vật chất của trần gian, và sau đó tiết lộ cho ta những điều huyền diệu rốt ráo và tính chất thiêng liêng của tâm thức con người. Khoa huyền môn giúp cho người môn đồ nhìn thấy được những cảnh giới dường như địa ngục âm ty để thử thách tâm trí và lòng kiên quyết, cũng như để người ấy được có dịp học hỏi và mở rộng tầm nhận thức. Kế đó, người môn đồ được nhìn thấy những cảnh giới Thiên đàng tốt đẹp để khuyến khích và ban ân huệ. Nếu khoa huyền môn vẫn phải dùng đến phương tiện đồng thiếp thì điều



Một phần trong quyển “Sách của người chết”, bao gồm cả chữ viết và hình vẽ, mô tả giai đoạn phán xét những việc làm tốt hoặc xấu.

đó không có nghĩa là không còn phương pháp nào khác. Đó chỉ là một phương tiện được áp dụng, nhưng cảnh giới tâm linh có thể được đạt tới bằng nhiều phương cách khác nữa, và không cần phải áp dụng phương pháp xuất thần.

Một vị đạo đồ La Mã có nói:

– Nơi nào có chúng ta thì không có sự chết, chỗ nào có sự chết thì không có chúng ta.

Sự chết phải được hiểu như là cái ân huệ tối thượng và quý báu nhất của tự nhiên. Như vậy, thái độ của chúng ta đối với sự chết cũng bao hàm một ý nghĩa về thái độ của ta đối với sự sống, và bởi đó cũng làm thay đổi quan niệm của ta đối với sự sống. Khoa huyền môn chứng minh rằng vấn đề sinh tử chẳng qua chỉ là hai mặt của một tờ giấy mà thôi.

Những cuộc sưu tầm, khảo cứu khoa học, tâm lý và tâm linh đang làm thay đổi quan niệm của thế giới phương Tây về các vấn đề mà từ trước người ta vẫn cho là điều hoang đường vô lý. Kết quả những cuộc nghiên cứu này làm tiêu tan những thành kiến sai lầm của người thời nay đối với những lý thuyết của cổ nhân, và làm phát triển những quan niệm mới trong thời gian gần đây.

Chúng ta bắt đầu biết phân biệt cái lý trí lành mạnh ẩn giấu sau cái hình thức vô lý bên ngoài, và

nhận thấy rằng sự hiểu biết của cổ nhân về những quyền năng và tính chất của tâm thức vượt khỏi sự hiểu biết thông thường của chúng ta rất xa. Sự xuất hiện của những sức mạnh vô hình đã làm lung lay nền tảng của những người duy vật cực đoan. Những nhà bác học và triết gia ưu tú thời nay đã nhìn nhận rằng sự sống của nhân loại có một khía cạnh căn bản siêu hình. Những gì mà họ nhận biết ngày hôm nay thì ngày mai đa số quần chúng cũng sẽ nhận biết giống như vậy.

Chúng ta từ lúc đầu vẫn là những kẻ hoài nghi, và chúng ta có quyền hoài nghi như vậy. Nhưng rốt cuộc, chúng ta sẽ trở nên những kẻ hoàn toàn có đức tin. Bằng nhận thức của cá nhân mình, tôi dám quả quyết như vậy, và tôi tiên đoán điều đó một cách tích cực. Từ cái không khí hoài nghi lạnh lùng của thế giới hiện đại, chúng ta sẽ cảm thấy thiếu thốn, hụt hẫng và có nhu cầu bức thiết phải phát triển một đức tin vào tâm thức, vốn vô hình và không được nhiều người nhận biết.

Bức thông điệp đầu tiên của khoa huyền môn là “*không có sự chết*”. Tuy thông điệp ấy vẫn luôn được nhìn nhận qua kinh nghiệm bản thân của một số ít người, nhưng nó cũng hướng mục đích lan tràn đến những nơi tận cùng của thế giới. Ý niệm về sự phục sinh không nhất thiết có nghĩa là chúng ta sẽ chui

lên khỏi mồ vào một ngày giờ nào đó trong tương lai. Sự nhầm lẫn bản ngã chân thật với cái vỏ bằng xác thịt bên ngoài là kết quả những hoạt động suy diễn và định danh của trí óc. Danh từ phục sinh vẫn thường bị diễn đạt sai lầm theo ý nghĩa vật chất, ở Âu Châu thời Trung Cổ và cả trong những người Ai Cập chưa nhập môn. Điều này làm cho ta phải cố gắng tìm lại những định luật cai quản sự cấu tạo phân thể chất và năng lực tâm thức tiềm ẩn của con người.

Những phân tử ưu tú của thời đại cổ xưa, những vị đạo đồ của phái huyền môn, đã biết rõ những định luật này. Nhưng, tuy rằng miệng họ vẫn khóa chặt và những chân lý ấy vẫn bị chôn vùi trong những hang động tối tăm của các ngôi đền thời cổ, ngày nay chúng ta không bị trói buộc bởi một cam kết long trọng nào để phải giữ kín những bí mật đó.



Đó là tổ chức huyền môn, một cơ quan huy hoàng cao cả nhất trong tất cả những tổ chức tinh thần của thời đại cổ xưa ngày nay đã biệt tích. Vì đã có những thời kỳ mà cũng như tất cả những xứ sở khác của thời xưa, Ai Cập đã bị suy tàn, đúng như lời tiên tri của đấng Giáo chủ *Hermes*:

“Hỡi Ai Cập! Xứ sở ngày xưa đã từng là nơi thánh địa thiêng liêng, sẽ có lúc mà sự hiện diện của thần minh sẽ không còn nữa. Nền tôn giáo cũ của người chỉ còn là những huyền thoại và những chữ khắc trên đá, nhắc nhở đến sự tôn sùng của người ngày nay đã mất. Một ngày kia sẽ đến, than ôi, khi mà những ám tự thiêng liêng sẽ chỉ còn là những thân tượng không hồn. Thế gian sẽ lầm tưởng những hình biểu tượng của minh triết là những vị thần, và sẽ lên án xứ Ai Cập đã thờ phượng những loài ma quái ở cõi âm ty!”

Đã có một thời kỳ sự cai quản các đạo viện huyền môn lọt vào tay của những kẻ lưu manh bất hảo, những kẻ ích kỷ hại người, đã từng lạm dụng ảnh hưởng của tổ chức huyền môn – một tổ chức có uy thế đến nỗi các vị *Pharaoh* kiêu dũng ngày xưa cũng phải kiêng nể – để mưu đồ lợi lộc riêng cho mình.

Có nhiều người trong hàng tăng lữ đã lạm dụng và truyền bá những loại phù phép, châm ngôn kinh dị, những tà thuật hắc ám, những cuộc tế lễ tà thần... Chính những vị đại tư tế của các đền thờ, được xem như những sứ giả của thần minh giữa nhân loại, cũng chỉ còn là những loài quỷ sống đội lốt người. Họ thường kêu gọi những loài âm binh ác quỷ ghê gớm

nhất dưới cõi âm ty để dùng vào những mục đích bất chính, tà vạy.

Trong các đền thờ, khoa pháp môn phù thủy đã thay thế sự sinh hoạt tâm linh. Giữa những cảnh hắc ám, suy vong, hỗn độn như thế, khoa huyền môn đã mất đi tính cách chân thực và nguồn cảm hứng thiêng liêng. Những người môn đệ xứng đáng đã trở nên rất khó tìm, và với thời gian qua, họ lại càng trở nên hiếm có.

Đã có một thời mà những vị đạo trưởng tôn nghiêm đã hoàn toàn biến mất, không còn để lại vết tích, thậm chí cũng không có sự chuẩn bị đủ một số người thừa kế có uy tín để nối nghiệp các ngài. Thay vì các vị đạo trưởng có đạo hạnh tinh thâm, người ta chỉ thấy toàn những kẻ không xứng đáng. Một số ít những phần tử ưu tú còn sót lại, không thể thực hiện được lý tưởng của mình giữa một tình trạng suy đồi như thế, đành phải chịu cái số phận đau thương. Biết rằng đã đến lúc suy tàn, họ âm thầm xếp lại những bộ kinh sách huyền môn, rời bỏ những hang động thâm u và những ngôi thánh điện cổ kính, đưa mắt nhìn chốn đạo viện mền yếu lần một cuối cùng với tấm lòng luyến tiếc, và lặng lẽ cất bước ra đi.

Như thế, những cánh cửa nặng nề của các đạo viện huyền môn Ai Cập đã khép lại một lần cuối cùng. Từ đó trở đi, những môn đồ lòng đầy hy vọng

không bao giờ còn bước lên chiếc cầu thang bí mật đưa đến thánh điện linh thiêng, không bao giờ họ còn bước xuống dưới hầm điểm đạo thâm u của các đền thờ cổ.

Tuy nhiên, lịch sử của nhân loại luôn luôn theo định luật chu kỳ, những gì đã từng xảy ra, sẽ tái diễn trở lại. Một lần nữa, con người đã trải qua một thời kỳ hỗn loạn và hắc ám, trong khi đó lại cảm thấy một sự bần khoản bất mãn do nhu cầu tự nhiên của bản tính con người là muốn lập lại sự giao tiếp với cảnh giới tâm linh huyền diệu huy hoàng. Bởi vậy, tôi hy vọng rằng những điều kiện sẽ có thể được tạo nên, những hoàn cảnh thuận tiện sẽ đến và những nhân vật đủ tầm quyền và khả năng sẽ xuất hiện, để nhờ đó mà một lần nữa trên địa cầu này sẽ được tái lập tổ chức huyền môn, dưới những hình thức hoàn toàn mới mẻ tân kỳ, để cho được phù hợp, thích ứng với thời đại tân tiến hoàn toàn khác hẳn với thời đại cổ xưa.

CHƯƠNG 9

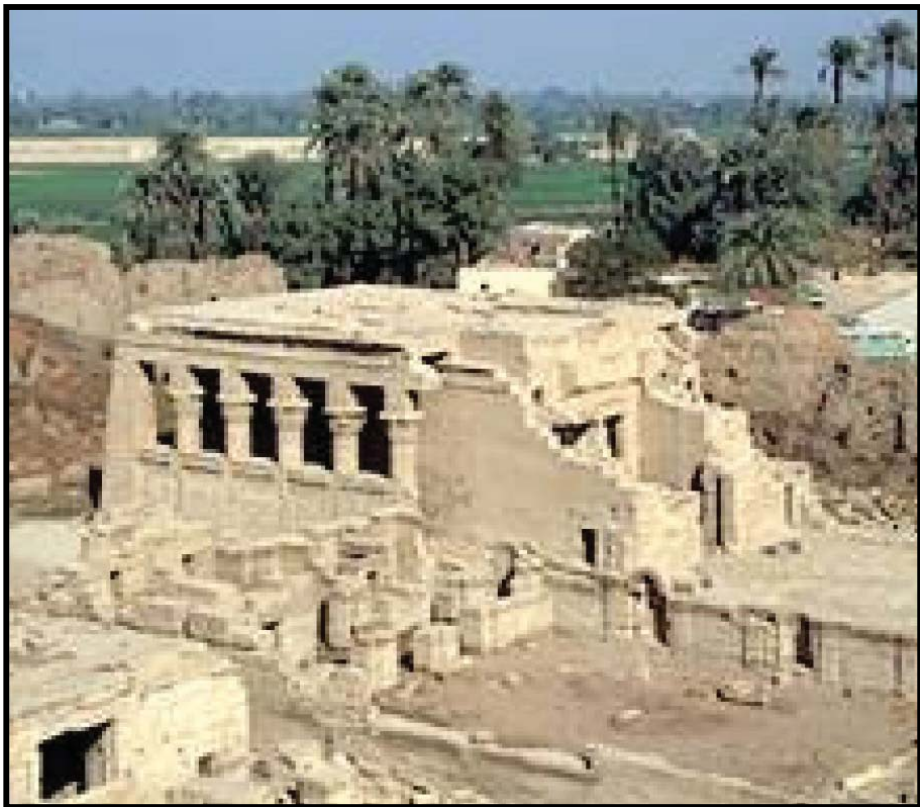
NGÔI ĐỀN DENDERAH

Trước khi rời khỏi thánh điện nhỏ trên nóc bằng của ngôi đền *Denderah*, tôi dừng lại để quan sát một vòng *hoàng đạo* (*zodiaque*) rất đẹp khắc trên trần. Tôi biết rằng đó chỉ là một bản sao được lưu lại, vì bản chính đã bị tháo gỡ và đem về *Paris* cách đây trên một thế kỷ. Nhưng bản sao lại này có vẻ như hoàn toàn chính xác so với bản chính. Vòng tròn đó chứa đầy những hình ảnh các loài thú, hình người và các vị thần, được xếp chung trong một bầu tròn và chung quanh là mười hai cung *hoàng đạo*.

Tô điểm thêm cho biểu tượng này có hình mười hai vị thần và nữ thần khác nhau, kẻ đứng, người quỳ, sắp xếp chung quanh hình bầu tròn, hai tay đưa lên, lòng bàn tay duỗi thẳng nối tiếp nhau thành một vòng tròn. Như thế, toàn thể vũ trụ luân chuyển không ngừng được hình dung nơi đây một cách chính xác, tuy chỉ là dưới hình thức tượng trưng.

Đó chính là sự trình bày những thế giới luân chuyển theo một nhịp độ bất di bất dịch trên nền trời. Những người biết suy nghĩ, dẫu là người có óc hoài nghi nhất cũng không khỏi cảm thấy thần phục trí thông minh tuyệt vời đã phác thảo ra kiểu mẫu cho cái vũ trụ đó.

Nhìn thật kỹ sẽ có cảm giác rằng vòng *hoàng đạo* của đền *Denderah* dường như mô tả bầu trời vào một



Toàn cảnh đền thờ nữ thần Hathor ở Denderah (Dendarah).

thời kỳ nhất định nào đó trong quá khứ. Vậy đó là thời kỳ nào? Đó lại là một vấn đề khác.

Chúng tôi không thể nêu ra đây những sự giải thích thiên văn trừu tượng và phức tạp. Chỉ biết rằng vị trí các tinh tú vào thời đó không trùng hợp với sự quan sát của chúng ta vào thời nay. Chẳng hạn, *xuân phân điểm* (*quinoxes du printemps*) không chiếm cùng một vị trí như hiện nay, theo đó mặt trời đang đi vào một chòm sao khác hẳn. Sự biến chuyển lớn lao đó diễn ra bằng cách nào? Do bởi sự xoay vắn của trái đất, mà đường trục liên tục hướng về những vì sao Bắc đẩu khác nhau.

Điều đó cũng có nghĩa là mặt trời của chúng ta luân chuyển quanh một định tinh riêng của nó. Sự luân chuyển rất vi tế, khó nhận thấy, của đường *phân điểm* (*quinoxes*) trải qua một thời gian dài và chậm chạp, cũng thay đổi những vị trí mọc và lặn của một vài tinh tú đối với chòm sao. Khi đo lường sự vận chuyển trung bình của những tinh tú đó, người ta biết được có bao nhiêu ngàn năm đã trôi qua kể từ khi chúng nằm ở vị trí đầu tiên. Khoảng cách biệt đó gọi là *tuế sai* (*précession des équinoxes*). Đó là điểm giao tiếp của đường *xích đạo* và đường *hoàng đạo*, là chỗ đánh dấu *xuân phân điểm*, di chuyển một cách chậm chạp trên nền trời theo khoảng cách *tuế sai* đó.

Nói cách khác, điều đó có nghĩa là những tinh tú di chuyển ngược chiều với mười hai cung *hoàng đạo*, và mỗi năm chỉ vượt qua một phần tối thiểu của không gian. Sự luân chuyển vĩ đại đó của các tinh cầu trên nền trời, những sự biến đổi chậm chạp đó trong vũ trụ, tạo nên một thứ *vũ trụ kế* mà toàn thể bầu trời là một cái mặt đồng hồ, trên đó người ta có thể đọc theo cả hai chiều và ghi nhận những cuộc vận hành của các tinh cầu qua nhiều ngàn năm.

Khi xem xét một bản đồ thiên văn cũ, một nhà thiên văn học có thể xác định bản đồ đó được thiết lập vào thời kỳ nào. Việc nghiên cứu dĩ vãng xa xăm đôi khi có thể giúp ta tìm ra những sự kiện vô cùng quan trọng. Khi các nhà bác học tháp tùng theo *Napoléon* sang Ai Cập phát hiện ra vòng *hoàng đạo* tại đền *Denderah*, họ lấy làm vô cùng phấn khởi, và tưởng rằng họ đã tìm được cái chìa khóa để truy nguyên ra khoảng thời gian của nền văn minh cổ Ai Cập, vì họ thấy trong vòng *hoàng đạo* đó *xuân phân điểm* ở cách xa vị trí của nó bấy giờ. Nhưng mãi về sau, khi người ta nhận thấy rằng ngôi đền này chỉ mới được dựng lên vào thời kỳ đế quốc Hy Lạp - La Mã, và vòng *hoàng đạo* Ai Cập này đã phối hợp với một *hoàng đạo* Hy Lạp, vấn đề này mới bị bác bỏ và từ đó người ta không xem xét lại vấn đề đó nữa.

Có ý kiến cho rằng vòng *hoàng đạo* này là của Hy Lạp, nhưng đó là một ý kiến sai lầm. Phải chăng nói như thế là kết luận rằng người Ai Cập không có vòng *hoàng đạo* của họ? Nếu vậy thì giới tăng lữ Ai Cập đã từng khảo cứu khoa chiêm tinh và khoa thiên văn trong bao nhiêu ngàn năm, trước khi người Hy Lạp đặt chân lên xứ Ai Cập, mà lại không có một vòng *hoàng đạo* chẳng? Giới tăng lữ Ai Cập đã từng xem trọng khoa chiêm tinh đến nỗi họ đã sáp nhập khoa này vào tôn giáo của họ, làm sao họ có thể thực hành khoa chiêm tinh mà lại không có một vòng *hoàng đạo*?

Ngoài ra, những vị tăng lữ Ai Cập cũng rất tinh thông về khoa thiên văn. Thật vậy, người Ai Cập đã sao lục một phần vòng *hoàng đạo* của họ theo bản chính đã có từ trước tại đền *Denderah*, và ngôi đền này đã được xây dựng lại rất nhiều lần. Một tài liệu thiên văn như thế hẳn là phải có nhiều bản sao để bảo đảm cho nó được tồn tại muôn đời. Những tài liệu văn khố cổ xưa cũng được bảo trì bằng cách đó, nhưng lại bị rơi trong quên lãng và rốt cục đã biến mất theo những nhân viên bảo trì văn khố, tức là những vị tăng lữ thời cổ Ai Cập.

Những nhà khảo cổ đã phát hiện tại xứ *Mésopotamie* những viên gạch cổ xưa, trên đó các nhà thiên văn xứ ấy ghi nhận rằng mùa xuân bắt đầu khi mặt trời đi

vào chòm sao Kim Ngưu. Vì lẽ rằng trong kỷ nguyên Thiên Chúa, ngày đó được ghi nhận là ngày mặt trời đi vào chòm sao Bạch Dương, tức là ngày 21 tháng 3 dương lịch, người ta nhận thấy rằng một sự thay đổi lớn lao như thế đưa nên văn minh xứ *Chaldée* thụt lùi về một thời kỳ dĩ vãng xa xăm nhất, đúng như chính người *Chaldée* đã tuyên bố.

Cũng vậy, xét theo vị trí của đường *phân điểm* trong vòng *hoàng đạo* đền *Denderah* thì nó đánh dấu một thời kỳ thái cổ đã qua hàng bao nhiêu thế kỷ. Nhờ đó, người ta truy nguyên ra nền văn minh cổ nhất của Ai Cập ở vào thời kỳ nào. Vị trí đó chỉ ra rằng từ đó đến nay có trên ba “*đại niên*” rưỡi đã trôi qua trên vũ trụ kế, tức là mặt trời đã xoay vòng chung quanh ngôi định tinh của nó hơn ba lần rưỡi. Sự đối chiếu so sánh thật chính xác những thống kê thiên văn xác định rằng, sự xê dịch trung bình của *tuế sai* là 50,2 giây mỗi năm. Do đó, người ta có thể tính ngược về quá khứ để đi đến điểm qui định bởi vị trí của đường *hoàng đạo* đền *Denderah*.

Vì vòng lớn của *hoàng đạo* chia làm 360 độ, nên khoảng *tuế sai* 25.800 năm sẽ lập thành một chu kỳ “*đại niên*”. Nói cách khác, mỗi chu kỳ trọn vẹn của mặt trời trải qua không dưới 25.800 năm, và như vậy tính ra được ít nhất cũng là 90.000 năm đã trôi qua

kể từ thời điểm được ghi nhận trên vòng hoàng đạo đền *Denderah*.

Chín mươi ngàn năm! Phải chăng đó là một điều khó tin? Những vị tăng lữ tinh thông thiên văn Ai Cập đều chấp nhận con số này. Sử gia Hy Lạp *Hérodote* thuật lại lời các tăng lữ đã nói với ông rằng dân tộc Ai Cập tự cho mình là dân tộc cổ xưa nhất thế giới, và họ cất giữ trong các đạo viện và các đền thờ cổ những văn khố tài liệu xưa đến 12.000 năm trước khi ông đến viếng xứ này.

Người ta đều biết là *Hérodote* đã thu thập các tài liệu lịch sử một cách thận trọng và tỉ mỉ đến mức nào, và ông thật xứng đáng được gọi là “*Người cha của lịch sử*”. Các vị tăng lữ đó còn nói với ông rằng “*Mặt trời đã từng mọc lên hai lần ở tại chỗ mà ngày nay nó lặn, và ngược lại.*” Lời khẳng định lạ lùng này ngụ ý rằng hai cực của trái đất đã hoàn toàn đảo lộn những vị trí đầu tiên của chúng. Điều này ám chỉ rằng trên địa cầu đã từng có những cuộc biến thiên vĩ đại làm thay đổi cục diện các vùng lục địa và đại dương.

Những cuộc sưu tầm địa chất học đã xác nhận điều đó, nhưng còn thời kỳ xảy ra những cơn biến thiên đó thì lại lùi về một quá khứ rất xa xôi mịt mù không sao biết được.

Một hệ quả khác là khí hậu ở các vùng cực địa ngày xưa không phải lạnh lẽo mà giống như khí hậu của miền nhiệt đới ngày nay. Trạng thái đó của địa cầu chỉ có thể gây ra bởi những sự biến chuyển vĩ đại trong không gian, và điều này đã chứng thực lời nói của các vị tăng lữ Ai Cập. Những vị tăng lữ ấy không hề biết gì về khoa địa chất học hiện đại, họ chỉ có những tài liệu cổ khắc trên mặt đá của những cây thạch tiền, trên những tấm bia đá, những mâm đồng, hoặc viết trên lá cây chỉ thảo. Ngoài ra còn có những giáo điều và lịch sử bí truyền chỉ được tiết lộ trong khoa huyền môn, hoặc được truyền khẩu cho môn đồ trong các đạo viện trải qua hàng bao nhiêu thế kỷ.

Bằng cách nào mà giới tăng lữ, tuy không biết gì về địa chất học, lại biết được những sự biến thiên và dời đổi cuộc diện trên địa cầu, nếu không phải là nhờ những tài liệu cổ của họ? Sự hiểu biết đó càng xác nhận sự kiện rằng họ đã nắm giữ được những tài liệu đó, và cũng giải thích sự hiện hữu của những vòng *hoàng đạo* chính gốc mà bản *hoàng đạo* của đền *Denderah* chỉ ghi chép lại một phần.

Do những sự việc kể trên, một khoảng thời gian 90.000 năm không còn là chuyện mơ hồ khó tin. Điều đó không nhất thiết có nghĩa là nền văn minh Ai Cập đã trải qua bấy nhiêu thời gian trên dải đất Ai

Cập. Có thể rằng dân tộc và nền văn minh Ai Cập đã từng định cư trên một vùng lục địa khác và chỉ di cư sang châu Phi trong một thời kỳ về sau này. Lịch sử Ai Cập bắt đầu ở triều đại thứ nhất, nhưng ta phải nhớ rằng xứ ấy đã từng có người ở từ lâu trước thời kỳ của tài liệu cổ xưa nhất còn tồn tại đến bây giờ. Lịch sử của dân tộc Ai Cập cổ xưa và tên tuổi những vị vua chúa của họ là những điều mà các nhà Ai Cập học không hề biết. Lịch sử Ai Cập thời thái cổ gắn liền với lịch sử đã mất của châu *Atlantide*.

Các vị tăng lữ Ai Cập cũng là những nhà thiên văn, đã thừa hưởng vòng *hoàng đạo* của họ từ châu *Atlantide*. Đó là lý do vì sao vòng *hoàng đạo* của đền *Denderah* có thể cho thấy dấu vết của những cuộc vận hành tinh tú khổng lồ trải qua những dòng thời gian dài vô tận so với những vòng *hoàng đạo* của kỷ nguyên lịch sử. Sự khám phá mỗi di tích mới của nền văn minh cổ xưa đó làm cho chúng ta phải thốt ra những tiếng kêu ngạc nhiên. Trong khi mà, theo những quan niệm thông thường của chúng ta về sự tiến bộ, chúng ta luôn tưởng rằng càng đi thụt lùi về quá khứ thì chỉ có những giống người càng thô kệch và dã man hơn thôi. Nhưng trái lại, ta nhận ra là có những dân tộc văn minh, tiến hóa và rất sùng tín tôn giáo. Như vậy, dẫu cho ở vào thời kỳ tiền sử xa xăm, cũng đã từng có những dân tộc dã man và

những dân tộc văn minh sống đồng thời với nhau trên địa cầu.

Khoa học tuy đã phác họa cho ta thấy một thời kỳ quá khứ của địa cầu là điều thách thức tầm hiểu biết thiên cận của chúng ta, nhưng vẫn chưa đủ dữ kiện để trình bày đầy đủ những chi tiết về các thời kỳ tiền sử và sự sinh hoạt của con người vào những thời kỳ đó.

Nhưng khoa học vẫn tiến bộ không ngừng, và sẽ có thể làm được điều đó. Vậy chúng ta chớ nên phủ nhận một cách vội vàng những truyền thống cổ Ai Cập về con số 90.000 năm, và cũng đừng vội chấp nhận con số năm hay sáu ngàn năm lịch sử của nhân loại như người ta vẫn thường nhìn nhận. Tuổi của địa cầu là yếu tố phủ nhận sự tin tưởng này của những người có một quan niệm quá nghèo nàn về tổ tiên chúng ta, sự hiểu biết về quá trình của vũ trụ sẽ có thể đem đến cho họ, tuy không phải là một cách dễ dàng, những cách nhìn nhận bao quát và rộng lớn hơn nữa.



Tôi bước xuống cầu thang và trở ra cửa ngoài để quan sát phía bên trong ngôi đền lớn mà lúc đầu tôi đã lướt qua nhanh để tìm nơi thánh điện huyền môn mà tôi muốn xem trước hết.

Trong gian phòng rộng, hai mươi bốn cây cột lớn mang trên chóp vuông gương mặt chạm trổ nhưng đã bị sứt mẻ của nữ thần *Hathor*. Những mặt cột đền có khắc đầy những hàng ám tự.

Thật đáng buồn mà thấy rằng ngôi đền thờ nữ thần *Hathor*, vị nữ thần Ai Cập tượng trưng cho sắc đẹp và ái tình, đã thoát khỏi sự tàn phá của thời gian để rồi lại bị tàn phá nhiều hơn bởi bàn tay phũ phàng của con người. Hầu hết những pho tượng của nữ thần đều bị chặt, đẽo bằng búa rìu, do sự phẫn nộ của những người cuồng tín, những gương mặt bị sứt mẻ chỉ còn thấy những vành lỗ tai dài và những mái tóc dày.

Đền *Denderah* là một trong những ngôi đền to lớn đồ sộ nhất của Ai Cập, và trong số những đền mà người ta còn tế lễ thờ phụng khi hoàng đế La Mã *Theodosius I*, vào năm 379 đã ban hành một chỉ dụ ngăn cấm nền tôn giáo cổ đã suy tàn và làm cho nó chết hẳn. Viên sứ giả của hoàng đế là *Cynegius* đã thi hành lệnh cấm ấy một cách vô cùng gắt gao. Ông tuyên bố đóng cửa tất cả các đền thờ và các đạo viện,

ngăn cấm mọi cuộc hành lễ điếm đạo và những nghi lễ cổ truyền.

Lúc đó, những đám đông dân chúng cuồng tín đã đột nhập đền *Denderah*, đuổi các tăng lữ và xâm phạm vào những nơi thánh điện thiêng liêng. Họ phá hủy các pho tượng nữ thần *Hathor*, cướp bóc những đồ vàng ngọc, chặt đẽ gương mặt xinh đẹp



Thạch tượng Hoàng đế La Mã Theodosius I, tức Flavius Theodosius (346 - 395), người ra sắc lệnh ngăn cấm tôn giáo cổ Ai Cập.

và chạm trở tinh vi của nữ thần, ở bất cứ nơi nào họ bắt gặp. Ở những nơi khác, sự tàn phá còn khốc liệt hơn nữa, vì người ta phá hủy các tường rào, triệt hạ những cột đền và đập tan từng mảnh những pho tượng khổng lồ. Người ta phá hoại công trình của bao nhiêu ngàn năm.

Đó là những biến chuyển của nền tôn giáo mà những tín đồ lúc đầu đã chịu đựng những sự ngược đãi bất bớ, chịu pháp nạn rồi tử vì đạo, và cuối cùng lại dành một sự ngược đãi tương tự cho kẻ khác. Họ cho rằng bốn phận của họ là phải phá hủy công trình của tiền nhân, để tạo nên một công trình khác thích hợp hơn với họ.

Lúc bước vào đền, tôi nghĩ đến các vì vua của triều đại *Ptolémée*, những vì vua kiêu hãnh đã từng đến ngôi đền này trên những cỗ xe thếp vàng óng ánh, trước một đám đông dân chúng cúi đầu im lặng và tôn kính. Thời đó đã có bao nhiêu là đám rước lễ long trọng, náo nhiệt tung bừng diễn ra trên sân đền rộng lớn, mà ngày nay sân đền lại vắng tanh không một bóng người! Nhìn di tích của chánh điện mà lòng tôi còn thấy buồn man mác, hướng chi là những hang động âm u ở dưới hầm mà tôi đang bước đến?

Những gian phòng tối đen dưới hầm này được xây bên trong những bức tường dày kinh khủng. Vách tường cũng được tô điểm bằng những hình ảnh chạm

trở rất công phu, mô tả những cuộc lễ diễm đạo thiêng liêng ngày xưa đã từng diễn ra dưới hầm này.

Rời khỏi những căn hầm tối đen như những nhà mồ, tôi trở lại chỗ cửa chính. Cổng đền ngày xưa được khép với những cánh cửa bằng đồng rất kiên cố, có thép vàng sáng chói lộng lẫy. Tôi bước ra ngoài và đi quanh một vòng chung quanh đền.

Thật khó mà tin rằng khi vua Ả Rập (Pasha) *Abbas Hilmi* phát hiện ra ngôi đền này vào giữa thế kỷ 19, phần lớn đã bị chôn vùi dưới một đồi cát và sỏi vụn. Nó được phơi bày ra ánh sáng trở lại nhờ những nhát cuốc xẻng của những phu thợ đến làm công việc đào xới đồi cát này. Có bao nhiêu người đã đi qua vùng này ngày xưa nhưng không hề biết đến cái kho tàng thiêng liêng của dĩ vãng mà họ đang dày xéo dưới gót chân?

Tôi ngừng lại một lúc để nhìn lên mặt ngoài tường có hình nổi chạm trở chân dung nữ hoàng *Cléopâtre*. Vị nữ hoàng Ai Cập này lúc đương thời đã cấp một ngân khoản lớn để tu bổ bức tường chung quanh đền, vào lúc đó đã bắt đầu sụp lở. Để ghi nhớ công đức của bà, người ta đã tạc tượng nữ hoàng ở trên tường. Hoàng tử *Césarion* cũng được khắc tượng ở một bên nữ hoàng. Ông có dung mạo giống cha một cách lạ thường, thật đúng là con của *César*.



Tượng nữ hoàng Cléopâtre VII, mất vào năm 30 trước Công nguyên, đánh dấu thời kỳ Ai Cập bắt đầu trực thuộc La Mã.

Nữ hoàng *Cléopâtre*, con gái của vua *Ptolémée*, cũng là vị cuối cùng trong các nữ hoàng Ai Cập. Khi hoàng đế *Jules César* cầm quân vượt biển Địa Trung Hải đi chinh phục xứ Ai Cập, thì nữ hoàng *Cléopâtre* đã trở thành một tình nhân của vua ngay từ khi *César* vừa đổ bộ lên đất liền. Chính do sự trung gian của *César* mà nữ hoàng đã hướng xứ Ai Cập đến việc liên kết với một xứ hải đảo xa xôi, mà định mệnh đã đặt để rằng sẽ đóng một vai trò quan trọng trong lịch sử Ai Cập trên 18 thế kỷ về sau! Và những quân sĩ La Mã cũng đã đem vào Anh quốc tôn giáo *Sérapis*, cùng với bao nhiêu di sản tinh thần khác có nguồn gốc Ai Cập. Một sự liên lạc, tuy gián tiếp, đã bắt đầu có giữa hai nước kể từ khi đó.

Trên bức tường chạm trổ nữ hoàng *Cléopâtre* đội một thứ mũ tròn như cái đĩa có sừng, giống như mũ của nữ thần *Hathor*, để lộ mái tóc dài thắt bím. Gương mặt đầy đặn và xinh đẹp, tướng mạo uy nghi của một bậc vương giả quen truyền lệnh và sai phái kẻ dưới, cương quyết thực hiện mọi kế hoạch đến cùng bằng mọi phương tiện. Chính do ảnh hưởng của nữ hoàng mà *Jules César* đã nuôi cái mộng dùng thành *Alexandrie* làm kinh đô của đế quốc La Mã và trung tâm của thế giới. Khi *Cléopâtre* qua đời thì nền độc lập của Ai Cập cũng không còn nữa.

Tôi hồi tưởng lại rằng *Cléopâtre* cũng là một bậc giai nhân tuyệt sắc của thế giới cổ xưa, và là một trong những người đàn bà đã từng đóng vai trò quyết định của lịch sử. Có ai ngờ rằng định mệnh của một bậc vĩ nhân, vận mệnh của cả một đế quốc rộng lớn, có đôi khi lại treo lơ lửng dưới cái nụ cười quyến rũ hiện ra trên đôi môi xinh đẹp của một giai nhân?



Trên những vách tường đá của ngôi đền đều có khắc những hàng ám tự (*hiéroglyphes*). Truyền thuyết cho rằng loại ám tự của thời cổ Ai Cập là do vị thánh sư *Thoth* tức *Tehuti* phát minh ra. Điều này cũng có một sự thật về lịch sử. Vì chính một vị chân sư có danh hiệu là *Thoth* đã đem thứ chữ này, như một sự tiết lộ của thánh thần, cho những con cháu của dân *Atlante* di cư sang vùng đất mới trên bờ sông *Nile*, trước khi những luồng sóng cuối cùng nhận chìm châu *Atlantide* xuống đáy biển. Vị chân sư *Thoth* cũng là tác giả của quyển *Sách của người chết*.

Người Ai Cập mô tả loại ám tự của họ là thứ ngôn ngữ của thần minh. Đó là bởi vì không những họ tin rằng loại chữ này được thần minh ban cho họ, mà cũng vì ý nghĩa ẩn giấu của nó được giữ kín đối với

quần chúng và chỉ tiết lộ cho những vị môn đồ huyền môn đã được điểm đạo. Những nhà Ai Cập học hiện đại chỉ có thể hiểu được ý nghĩa thông thường của ám tự theo sự hiểu biết của người bình dân, điều đó đã là một thành quả vẻ vang rồi. Còn cái ý nghĩa ẩn giấu, bí truyền thì họ mù tịt chẳng biết gì cả. Đó là vì muốn thấu triệt loại chữ ám tự, ngôn ngữ của thần minh, người ta phải cần phải hiểu nó trên khía cạnh tâm linh, nếu không thì không thể nào hiểu được tận cùng chỗ sâu xa huyền diệu của nó. Điều này cũng tương tự như trường hợp của người môn đồ muốn thấu hiểu những pháp môn bí truyền được tiết lộ cho y trong các lễ điểm đạo của phái huyền môn Ai Cập.

Nhờ công trình của các nhà Ai Cập học, và một phần cũng do bàn tay của định mệnh, những kho tàng tâm linh quý báu thể hiện nơi những hàng ám tự khắc trên tường đá trong các đền thờ hoặc viết trong những pho sách cổ bằng lá cây chỉ thảo mới được phiên dịch ra và lưu truyền lại cho hậu thế. Vai trò của định mệnh trong sự khám phá này thật là lạ lùng. Nếu *Napoléon* không đem quân viễn chinh sang Ai Cập thì loại ngôn ngữ huyền bí khắc trên tường và viết trên giấy chỉ thảo này ngày nay có lẽ cũng vẫn còn câm lặng không hề có người đọc. Chính *Napoléon* từng là người của định mệnh đến một mức

độ phi thường. Ông ta không hề tiếp xúc với một quốc gia nào, một cá nhân nào hay một nhân vật nào mà không ảnh hưởng sâu rộng đến vận mạng của họ. Người ta bảo ông là khí cụ của định mệnh, hay là của thần *Némésis*.

Cuộc viễn chinh của *Napoléon* sang Ai Cập đã dọn đường cho sự tìm tòi khảo cứu về cách sinh hoạt và tư tưởng của xứ Ai Cập thời cổ. Khi xứ Ai Cập bị đặt dưới quyền đô hộ của Hy Lạp, loại ngôn ngữ cổ xưa này bắt đầu suy sụp. Lẽ tự nhiên là chính quyền toan tính phổ biến ngôn ngữ và nền giáo dục Hy Lạp trong những giai cấp có học thức. Những chức vụ quan trọng trong chính quyền đều dành cho những người Ai Cập giỏi chữ Hy Lạp. Nhà cầm quyền Hy Lạp đóng cửa đạo viện cổ ở *Héliopolis*, là nơi đào tạo rất đông những tăng lữ Ai Cập thời xưa và nơi truyền bá sự học hỏi ngôn ngữ Ai Cập.

Trừ ra một số ít tăng lữ vẫn duy trì việc dùng tiếng Ai Cập trong vòng bí mật, chữ Hy Lạp đã thật sự trở nên một thứ quốc ngữ ở Ai Cập. Đến cuối thế kỷ 3, trong xứ Ai Cập người ta hầu như không còn tìm thấy một người nào có thể giải thích những ý nghĩa thông thường nhất của ám tự cổ nữa, đừng nói chi đến việc sử dụng thứ chữ ấy.

Mười lăm thế kỷ đã trôi qua. Việc dùng ám tự dường như đã hoàn toàn biến mất ở Ai Cập, thì đột

nhiên xuất hiện trước hải cảng *Alexandrie*, do một cơn bão thổi tấp vào bến, và vượt qua sự canh tuần của hạm đội Anh dưới quyền chỉ huy của đô đốc *Nelson*, chiếc thuyền chở *Napoléon* và định mệnh của người.

Không bao lâu, quân đội viễn chinh Pháp được chuyển đến xứ Ai Cập. Người ta đào đất ở nhiều nơi để xây móng đắp nền làm những công sự phòng thủ. Một trong những địa điểm đầu tiên được lựa chọn do tầm quan trọng chiến lược của nó là ở vùng châu thổ sông *Nile*, kế cận hải cảng *Rosetta*.



Khối đá do Boussard tìm được, có khắc 3 loại chữ với cùng một nội dung, nhờ đó đã trở thành chìa khóa giải mã cổ tự Ai Cập.

Một viên sĩ quan trẻ tuổi, trung úy pháo binh *Boussard*, đã phát hiện một điều vô cùng quan trọng như một sự tình cờ đưa đến cái chìa khóa để truy ra ý nghĩa của các ám tự Ai Cập. Trong khi đào đất đắp nền xây pháo đài *St. Julien* gần thành phố *Rashid* thuộc *Rossetta*, những quân sĩ của ông ta thành linh đào được một khối đá đen đã bể. Về sau nó được gọi là khối đá *Rossetta* (*Rossetta Stone*). Trung úy *Boussard* hiểu ngay rằng tảng đá này có một tầm quan trọng rất lớn vì nó có khắc chữ; đó là một sắc lệnh của giới tăng lữ thành *Memphis* ban bằng sắc danh dự cho vua *Ptolémée V*. Bản chính bằng chữ Hy Lạp khắc trên năm mươi bốn dòng, kèm theo hai bản dịch ra ám tự và cổ tự.

Khối đá *Rossetta* được gửi ngay về châu Âu. Tại đây, các nhà bác học ra công nghiên cứu cho đến khi họ có thể thiết lập toàn bộ chữ cái ám tự Ai Cập tương đương với những chữ cái Hy Lạp. Cái chìa khóa này từ đó đã giúp cho các nhà khảo cổ và Ai Cập học đọc được những bản ám tự khắc trên tường và trong các sách chỉ thảo đã từng là những điều bí hiểm trong bao nhiêu thế kỷ.

CHƯƠNG 10

BÍ MẬT CỦA NHỮNG KỶ QUAN Ở KARNAK

Sau cùng, chúng tôi đã đến xứ Ai Cập cổ kính, thâm nghiêm và hấp dẫn mà con sông *Nile*, những đền đài, đồng ruộng, làng mạc và nền trời xanh đậm cùng nhau phối hợp để tạo nên một cảm giác quyến rũ và sống động. Đó là xứ Ai Cập của những thời đại mà các vị *Pharaoh* sang cả quyền uy còn đang trị vì, mà hết ngày này sang ngày kia, những sân đền còn vang dội âm hưởng tiếng thánh ca của các vị tăng lữ.

Tôi đến *Louqsor*, cách thủ đô *Cairo* bốn trăm năm mươi dặm sau khi đi ngược giòng sông *Nile*. Đến đây, người ta có thể trở về dĩ vãng và sống với dĩ vãng một cách dễ dàng không cần một cố gắng nào cả. Cảnh vật chung quanh đem đến cho ta một loạt những hình ảnh cổ xưa. Chỉ có miền nam Ai Cập, mà các nhà địa lý học gọi là miền thượng du Ai Cập, mới còn giữ được cái phong vị đó trước mắt những du

khách thời nay. Cố đô danh tiếng của nó, thành phố cổ điển *Thèbes*, mà thi hào *Homère* gọi là “*Thành phố một trăm cửa*”. Ngày nay thành phố này đã mất dấu, nhưng nó còn để lại cho chúng ta *Karnak*, một trong những trung tâm tôn giáo của giới tăng lữ Ai Cập.

Ngày nay, *Karnak* là viên ngọc quý của vùng này. Những đền đài cổ của nó, tuy điêu tàn nhưng vẫn còn hùng vĩ, nổi tiếng khắp nơi trên thế giới. Một trong những ngôi đền này là ngôi đền to lớn nhất mà người ta có thể tìm thấy ở Ai Cập. Đó là đền thờ



Đền thờ Al Karnak soi bóng bên dòng sông Nile.

Amen-Ra. Thời xưa, tất cả những ngôi đền khác ở Ai Cập đều phụ thuộc vào ngôi đền này.

Thế là tôi đã đi hành hương tại *Karnak* và chiêm ngưỡng những đền thờ hoang tàn sụp đổ dưới ánh mặt trời gay gắt cũng như ánh trăng khuya êm dịu.

Karnak ở kế cận một khu rừng dừa xanh biếc, cách hai hay ba dặm phía bắc *Louqsor*. Để đến được nơi đây, người ta phải đi theo một con đường đầy bụi bặm, xuyên qua một cánh đồng lớn dưới nền trời xanh nhạt. Trên đường đi có ngang qua ngôi mộ của một vị vua Ả Rập, nóc bầu tròn sơn trắng. Sau cùng, nhô lên trước mắt tôi là hai cây cột trụ đá cao vút của cổng đền.

Cổng đền xem rất hùng vĩ ngoạn mục, đặc biệt hấp dẫn sự chú ý của du khách. Trên chóp đỉnh, người ta thấy pho tượng vua *Ptolémée*, người đã xây dựng ngôi đền này, đang dâng cúng dâng lễ vật cho các vị thần của thành *Thèbes*.

Bước vào cổng, tôi đã lọt vào trong sân đền thờ thần *Khonsou*, vị thần đầu chim ưng mà ngôn ngữ bình dân gọi là con của *Amen*. Trên tường có chạm hình nổi diễn tả một đám rước lễ du thuyền tấp nập trên sông, dưới thuyền chở tượng thần *Amen-Ra* đi ngược dòng sông *Nile* đến tận *Louqsor*.

Tôi bước hẳn vào bên trong ngôi đền sụp đổ. Tại đây, ngày xưa người ta giữ chiếc linh thuyền rước tượng thần *Konsou*. Tất cả những đồ vật dùng để rước lễ được cất giữ tại đây có ý nghĩa rất nhiều đối với quần chúng, những tầng lớp tham quyền cố vị và nhất là đối với các vị vua chúa. Trái lại, nó không quan trọng đối với một số ít đạo đồ, vì những vị này xem các nghi lễ cúng tế như những hình thức tượng trưng chứ không có một giá trị tâm linh thật sự.

Kế đó, tôi phát hiện một loạt những hình nổi rất lý thú chạm trổ trên tường phía đông của một gian phòng bên trong, tiếp cận với chánh điện. Điều làm cho tôi chú ý trước nhất là pho tượng một nhân vật đã từng quen thuộc với tôi trong một đêm suy tư giữa bãi sa mạc: thân tượng *Sphinx*! Tôi liền hiểu ngay rằng đó là một điều quan trọng, vì người ta có thể quan sát khắp đền trong nhiều ngày giữa những tường, vách và cột trụ đá mà không tìm thấy có thân tượng này.

Hình nổi đầu tiên là hình vua *Ramsès II*, đang đứng trước mặt nữ thần *Amen* và dâng cho nữ thần một pho tượng nhỏ. Kế đó là một hình nổi trên tường chạm hai nhân vật. Phía trước là hình một thiếu nhi, không ai khác hơn là *Horus*, con của *Osiris*. Trên đầu *Horus* có hình biểu tượng mặt trời và con rắn, tay trái để lên hai đầu gối, còn tay mặt đưa lên, ngón

tay trở lên chỉ môi, ngụ ý giữ im lặng. Còn nhân vật kia, phía sau *Horus*, là thần tượng *Sphinx*. Nữ thần *Amen* đưa bàn tay mặt về phía *Ramsès*, tay cầm một thập tự giá có quai hình vòng tròn ở một đầu, còn đầu kia thì điểm vào giữa hai mắt của vua *Ramsès*.

Bức hình đó có ý nghĩa gì? Một nhà Ai Cập học chắc sẽ đưa ra một sự giải thích hoàn toàn hợp lý và khá đúng theo quan điểm của ông ta, đó là nhà vua đang hiến dâng lễ vật cho nữ thần, thế thôi!



Pho tượng lộ thiên vĩ đại của vua Ramsès II đặt tại Luxor, Ai Cập.

Ông ta sẽ không còn nói gì hơn nữa. Những cảnh tượng chạm trổ trên vách như thế thường chỉ diễn tả những mẩu chuyện vặt hoặc nhắc lại điển tích những chiến công rực rỡ của một triều vua nào đó. Nhưng ở đây thì lại là một chuyện khác.

Trước hết người ta nhận ra đó là việc thực hành một nghi lễ tối thiêng liêng, nhất là bức hình nổi được chạm gần bên chánh điện trung ương là chỗ thâm nghiêm nhất của ngôi đền này. Cũng như loại ám tự Ai Cập được dùng để diễn tả một ý nghĩa bí truyền mà chỉ có những vị tăng lữ đã điếm đạo được biết mà thôi, thì ở đây cũng vậy, gương mặt các vị thần đối với những vị đạo đồ thời cổ có hàm súc một ý nghĩa thâm sâu hơn là đối với quần chúng. Như vậy, ý nghĩa huyền diệu của các bức hình này chỉ có thể hiểu được bởi những người nào đã từng thấu triệt giáo lý huyền môn. Điểm cốt yếu trên bức hình nổi là cử chỉ hành động của nữ thần *Amen*. Cái thập tự giá có quai hình vòng tròn mà nữ thần điếm vào khoảng giữa hai mắt của vua *Ramsès*, các vị tăng lữ điếm đạo gọi là cái chìa khóa của huyền môn, nó tượng trưng cho việc điếm đạo để thu nhận vào tổ chức huyền môn thật sự.

Một nhà Ai Cập học sẽ cho rằng nó chỉ tượng trưng cho việc mở cửa, từ lâu vẫn khép chặt, để bước vào tổ chức thiêng liêng này. Dưới hình thức kỷ hà,

nó tượng trưng linh hồn bất diệt của người đạo đồ đã được giải thoát ra khỏi cái thể xác vật chất bị “*đóng chặt trên thập tự giá*”. Cái vòng tròn, không đầu không đuôi, tượng trưng tính chất bất diệt của linh hồn tương đương với các đấng thần minh, còn cái thập tự giá tượng trưng cho trạng thái xuất thân của người đạo đồ, và do đó, sự chết và bị “*đóng chặt vào thập tự giá*” của người ấy.

Trong vài đèn thờ cổ, người ta đặt người môn đồ nhận lễ điểm đạo nằm trên một cái giường gỗ có hình thập tự giá. Điểm giữa hai chân mày chỉ vị trí của *tùng quả tuyến*, tức bộ hạch óc mà những tác dụng phức tạp vẫn chưa được khoa học hoàn toàn biết rõ. Trong những cấp bậc điểm đạo đầu tiên, vị đạo trưởng dùng phép làm kích động bộ hạch ấy một phần nào, để giúp cho người thí sinh tạm thời mở rộng khả năng nhận thức và nhìn thấy những ma quái hiện hình hoặc những nhân vật tâm linh xuất hiện ở gần bên. Phương pháp sử dụng vào việc này một phần do mãnh lực từ điển, một phần tùy thuộc vào vài chất hương liệu rất mạnh.

Bởi đó, khi nữ thần *Amen* cầm cái thập tự giá điểm vào giữa hai mắt của vị *Pharaoh*, cử chỉ đó ngụ ý rằng nhà vua đã được điểm đạo theo tổ chức huyền môn, và nhà vua sẽ tạm thời mở rộng khả năng nhận thức trong một thời gian. Nhưng nhà vua

bị cấm ngặt không được tiết lộ cho ai biết những gì nhà vua được thấy và xúc cảm trong cuộc lễ điểm đạo. Điều này được diễn tả bởi nhân vật đầu tiên trong bức hình nổi, thiếu nhi *Horus*, tức là vị thần *Hormakhou*, mà ngón tay đưa lên môi khép chặt ngụ ý phải tuyệt đối giữ im lặng và bí mật.

Những hình ảnh tương tự cũng được phô bày gần bên các thánh điện và những gian phòng điểm đạo trong tất cả các ngôi đền thờ cổ, luôn luôn với ngón tay trở đưa lên môi, một hiệu lệnh ngầm có ý nghĩa tượng trưng: “*Hãy giữ im lặng về tất cả những gì liên hệ đến những điều bí mật thiêng liêng.*” Còn nhà vua cầm pho tượng nhỏ với một cử chỉ hiến dâng có nghĩa là người sẵn sàng hy sinh lời nói của mình và luôn luôn giữ im lặng.

Phía sau thần *Hormakhou* còn có hình chạm một nhân vật thứ hai, thần tượng *Sphinx*. Điều đó là ngụ ý gì? Cũng như vị đạo đồ trong cơn xuất thần đã mất khả năng dùng lời nói trong thời gian điểm đạo, thần tượng *Sphinx* vẫn luôn luôn im lặng, không hề thốt ra một tiếng nào. Thần tượng *Sphinx* luôn luôn vẫn biết giữ gìn bí mật. Vậy đó là những bí mật gì? Đó là những điều huyền bí trong các cuộc điểm đạo. Thần tượng *Sphinx* canh gác ngôi đền điểm đạo hùng vĩ nhất của thế giới cổ là ngọn Kim Tự Tháp. Những người đi hành lễ ở Kim Tự Tháp thời xưa đều luôn

luôn đến từ bờ sông *Nile*, trước khi đến nơi họ phải đi ngang qua trước thần tượng *Sphinx*. Trong cái im lặng của nó, thần tượng *Sphinx* tượng trưng cho sự im lặng và sự bí mật của cuộc điếm đạo.

Như thế vị *Pharaoh* đã được mời tham dự một nghi lễ huyền bí lớn nhất có thể được ban cho con người. Ba bức hình khác hoàn thành một loạt những cảnh tượng lễ điếm đạo mà ngày nay du khách có thể được xem tự do, nhưng ngày xưa chỉ được dành cho một số ít người biệt đãi. Trên những bức hình đó, người ta thấy những cảnh tượng tiếp theo sau khi nhà vua đã bước vào cửa huyền môn.

Trong bức hình thứ hai, nhà vua đứng giữa hai vị thần, *Horus* trưởng thành và *Thoth*. Mỗi vị thần này cầm một cái bình rót lên trên đầu vua *Ramsès*, không phải rót nước, mà rót một dòng những thập tự giá có quai tròn tràn ngập đầu và rót xuống chung quanh vua. *Thoth* là vị thần minh triết và bí giáo. Trong hình này, ngài ban cho vua sự hiểu biết bí truyền về những sức mạnh thần bí và minh triết tâm linh, là những điều quý báu đã từng làm cho xứ Ai Cập nổi tiếng vào thời đại cổ. Ngài cũng là vị thần mặt trăng. Bởi đó, tất cả những nghi lễ tôn giáo và phù phép có một tầm quan trọng bí mật, nhất là những cuộc lễ điếm đạo huyền môn, đều diễn ra ban đêm vào những lúc trăng non và trăng rằm, là những giai đoạn mặt trăng có ảnh hưởng lớn nhất. *Horus* khi

trưởng thành là thần Thái Dương. Vai trò của thần *Horus* trong bức hình này chỉ rằng, mặc dầu khởi sự vào lúc ban đêm, lễ điểm đạo kết thúc lúc ban ngày vào giờ bình minh. Khi những tia nắng đầu tiên của mặt trời sớm mai rọi thẳng vào đỉnh đầu người môn đồ thì vị đạo trưởng làm cho anh ta tỉnh dậy.

Trong bức hình thứ ba, vua *Ramsès* trở nên vị đạo đồ đầy minh triết, được hai vị thần khác vừa nắm lấy tay vua để chúc mừng, vừa đưa lên trước mặt vua những thập tự giá có quai, ngụ ý rằng từ nay nhà vua đã trở nên bạn hữu đồng môn với các đấng thần minh nhờ vào cuộc điểm đạo vừa trải qua.

Trong cảnh cuối cùng, nhà vua dâng một pho tượng nhỏ cho thần *Amen-Ra*. Đó là pho tượng một vị thần ngồi, có một lông chim cắm trên đầu, tức là thần Chân Lý. Cảnh ấy ngụ ý rằng vị *Pharaoh* từ nay đã đạt được minh triết, người sẽ hy sinh cuộc đời trên bàn thờ chân lý, nghĩa là với một sự hiến dâng trọn vẹn, người sẽ hướng mọi tư tưởng và hành vi theo những định luật tâm linh cai quản đời sống con người, như đã được tiết lộ cho nhà vua trong cuộc lễ điểm đạo.

Như vậy, những bức hình chạm trở này đã cho tôi thấy đời sống tâm linh của một vị *Pharaoh* có đạo đức, và phát hiện cho tôi biết vài điều về những nghi lễ trong khoa huyền môn Ai Cập.



Tôi bước qua cánh cửa ở đầu gian phòng lớn của chánh điện và đứng trước một bàn thờ nhỏ, hai bên có hình tượng vị *Pharaoh* đang chiêm bái và cây linh kỳ của nữ thần *Hathor*. Phía dưới có một lỗ hổng lớn của nền đá bị sụp lở tối đen ngòm, tôi lấy đèn pin soi xuống thì thấy chỗ sụp lở đó đưa xuống một đường hầm dưới đất.

Đó là cái động xây dưới hầm của đền thờ *Karnak*, có nhiều ngõ ngách và hành lang dài. Ở bên mặt cánh cửa lớn, tôi nhận thấy có hai lỗ hổng khác nữa cũng là chỗ nền đá bị sụp lở và đưa xuống những đường hầm nhỏ hẹp đầy bụi bặm dường như đã lâu không có vết chân người bước đến. Tôi bèn thám hiểm những con đường hẹp này thì thấy một đường đi xuyên qua động dưới hầm đến chỗ đền thờ thần *Khonsou*.

Đường dưới hầm bao phủ một lớp bụi dày đặc đến nỗi người ta phải nghĩ rằng bụi đã đóng ở đây từ nhiều thế kỷ. Tôi cố tìm dấu vết xem có người nào đã từng đến đây chăng. Nhưng ngoài những dấu chân trần, hằn là của người Ả Rập gác đền thờ *Khonsou* ở gần bên, tôi không thấy gì nữa. Không có một vết giày nào. Trên lớp bụi dày đặc chỉ thấy những đường

cong ngoằn ngoèo rất nhiều và rất có mỹ thuật, được vẽ ra giữa hai cái lỗ đen bởi một vài con rắn nhỏ.

Những đường hầm đen tối và cái động đá bí mật kia có ý nghĩa gì? Tôi đang tự hỏi như thế thì cái động thâm u dưới hầm, giống như cái nhà mồ, dường như đã xuất hiện ngay trước mắt tôi. Tôi nhớ lại cuộc hành lễ cổ truyền tái diễn sự chết và sự phục sinh của *Osiris*, cuộc lễ mà tôi đã thấy khắc trên vách đá của thánh điện nhỏ trên nóc bằng của đền thờ *Denderah*. Cũng chính là cuộc lễ mà tôi đã nhìn thấy trong linh ảnh và tôi đã sống qua kinh nghiệm bản thân một đêm trong Kim Tự Tháp. Chính cuộc lễ mà *Osiris* đã truyền lại từ châu *Atlantide* cho những vị đạo trưởng và tăng lữ của thời cổ Ai Cập.

Tại sao người ta lại làm lễ điếm đạo huyền môn ở những nơi đen tối và âm u như những chốn này? Có ba lý do để giải thích câu hỏi đó. Thứ nhất là để giữ gìn tuyệt đối bí mật và an toàn cho việc ban phép mầu vừa có tính cách riêng tư lại vừa nguy hiểm. Thứ hai là để làm cho người môn đồ bước vào trạng thái xuất thần một cách dễ dàng hơn, bằng cách không cho y nhìn thấy vật gì ở chung quanh và như vậy dễ tập trung sự chú ý vào nội tâm. Sau cùng, để có được một hình thức biểu tượng hoàn hảo mà cổ nhân vẫn thích dùng, phải chăng các vị đạo trưởng nhận thấy người môn đồ vẫn còn ở trong trạng thái vô minh u

tối về phương diện tâm linh vào lúc sắp sửa bắt đầu cuộc lễ điểm đạo? Và sự thức tỉnh của y sẽ được thực hiện bằng cách mở mắt chào đón những tia sáng mặt trời ở một nơi khác, nơi mà anh ta được đưa đến sau khi điểm đạo. Khi đó anh ta đã đạt được sự giác ngộ tâm linh. Sau một cuộc điểm đạo kéo dài một cách chậm chạp, bắt đầu lúc đêm khuya và kết thúc vào lúc trời rạng sáng, người đạo đồ đã vượt qua từ sự vô minh hắc ám (đêm tối) đến sự soi sáng tâm linh (ánh sáng).

Cuộc hành lễ điểm đạo huyền môn được thực hiện trong những động đá dưới hầm, hoặc trong những gian phòng đặc biệt bên cạnh thánh điện thâm nghiêm, hoặc trong những thánh điện nhỏ trên nóc bằng của ngôi đền, chứ không bao giờ ở một nơi nào khác. Tất cả những nơi này đều triệt để cấm ngặt đối với dân chúng. Họ không bao giờ dám lại gần, vì kẻ nào vi phạm sẽ bị những sự trừng phạt rất nặng nề, khủng khiếp.

Những vị đạo trưởng nhận lãnh việc điểm đạo cho một môn đồ là đảm đương một trách nhiệm rất nặng nề, vì vấn đề sống chết của người môn đồ ấy nằm trong tay các ngài. Người môn đồ có thể bị thiệt mạng nếu vô phúc có kẻ nào đó thành linh xuất hiện, làm gián đoạn cuộc hành lễ điểm đạo thiêng liêng.

Như vậy có khác nào trong khi một người bệnh nặng đang trải qua một cuộc phẫu thuật hiểm nghèo mà có người ngoài cuộc bỗng nhiên đột nhập vào phòng mổ? Nói cho cùng thì lễ điếm đạo cũng không khác gì một cuộc phẫu thuật để tách rời linh hồn ra khỏi thể xác. Đó là lý do vì sao tất cả những phòng điếm đạo đều được giữ gìn, canh phòng cẩn mật và đặt ngoài vòng xâm nhập của người đời.

Đối với những phòng gắn bên thánh điện của một ngôi đền lớn, người ta chỉ có thể đi đến sau khi đã vượt qua một con đường hẹp tối om, ánh sáng càng lúc càng mờ dần từ phía cửa vào, để rồi hoàn toàn biến mất khi người ta đến ngưỡng cửa thánh điện. Khi người môn đồ đã hoàn toàn mê thiếp đi trong cơn xuất thần, thì thể xác người ấy được đặt trong bóng tối âm u của gian phòng, cho đến khi cuộc điếm đạo chấm dứt, người ta mới đưa người ấy ra ngoài ánh sáng.

Còn ở những phòng điếm đạo trong động đá dưới hầm, người ta cũng hành lễ một cách tương tự, tất cả mọi thứ ánh sáng đều tắt hẳn trong cơn đồng thiếp, và động đá trở thành cái nhà mồ, nói theo cả hai ý nghĩa tượng trưng và thật sự.



Tôi chui xuống động đá dưới hầm do một lỗ hổng trên nền đá và thám hiểm một gian phòng tối âm u. Tại đây, ngày xưa các vị tăng lữ đã cử hành những nghi lễ huyền bí nhất của họ.

Sau đó, tôi chui lên khỏi hầm với một cảm giác thoải mái dễ chịu giữa ánh nắng mặt trời ấm áp và không khí trong lành. Tôi đi qua những cánh cổng vĩ đại của đền thờ *Amen-Ra*, kéo dài cuộc hành hương của tôi giữa những di tích của một thời đại huy hoàng ngày nay đã mất.

Những cổng đền này có lẽ vừa với kích thước của những người khổng lồ hơn là với những người trần gian nhỏ bé như chúng ta. Sở thích của người Ai Cập về những kích thước đại qui mô đôi khi đưa đến kết quả là gây ra một cảm giác rợn người, cũng như trường hợp của Đại Kim Tự Tháp gần thủ đô *Cairo* và những bức tường rào với những cổng đền mà tôi đang đứng núp dưới bóng mát trong lúc này. Bề dày của những vách tường này đến mười lăm thước, dấu cho những thành quách quan trọng cũng không bao giờ cần đến một bề dày như vậy. Hẳn là người ta ngu ý rằng thế giới phàm tục bên ngoài phải được ngăn cách để khỏi làm hoen ố vòng thành thiêng liêng của ngôi đền mà người cổ Ai Cập gọi một cách hãnh diện là “*Ngai vàng của thế giới*”. Than ôi! “*Ngai vàng*” ngày nay đã điêu tàn trong cô quạnh.

Khi tôi bước vào sân đền rộng lớn, tôi thấy có một đống gạch ngói còn sót lại của những tòa kiến trúc đồ sộ đã sụp đổ, chỉ còn vài cây cột trụ đứng trơ vơ giữa cảnh đổ nát hoang tàn. Tôi chậm rãi tiến bước, chân giẫm lên nền đất gồ ghề mọc đầy cỏ dại, nay đã giành lấy chỗ của một thềm đá hoa đẹp lộng lẫy ngày xưa được xây trên một diện tích rộng lớn, chiều dài có đến hơn một trăm thước.

Qua khỏi sân đền hình chữ nhật, tôi đến một cổng cao có chạm đầy những hình nổi sơn màu và mở ra giữa những tàn tích của một cái cổng khác mà hai cột



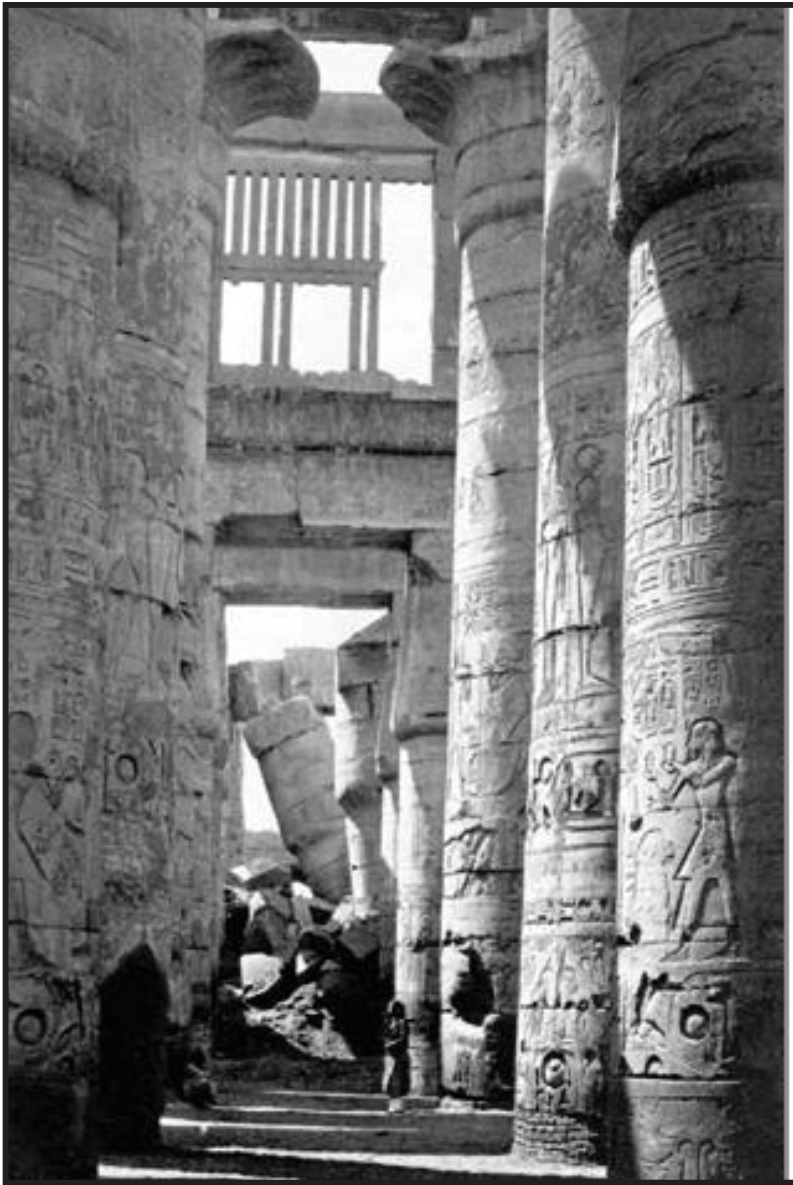
Hình khắc trên vách đá thời cổ mô tả vua Ramses II thắng trận trở về

trụ đá hai bên đã sụp đổ chỉ còn trơ lại một đồng đá ngổn ngang dưới ánh nắng thiêu đốt của mặt trời.

Ngày nay, cổng đền này có bề cao không dưới ba chục thước. Bảy bậc đá tam cấp mà những nhà kiến trúc thời xưa xây ở ngoài cổng đền cũng đã biệt tích. Chúng được xây dựng như những biểu tượng ám chỉ sự tuần tự tiến hóa của con người từ chỗ thấp kém lên đến cảnh giới cao siêu nhất bằng sự phát triển tâm linh.

Cũng như nhiều dân tộc khác của những nền văn minh cổ, người cổ Ai Cập diễn đạt ý nghĩa huyền bí của số hệ theo qui mô trật tự của sự cấu tạo vũ trụ. Họ quan niệm rằng ngày thứ bảy hay cõi thứ bảy đem đến sự nghỉ ngơi, sự bằng an tuyệt vời cho con người cũng như cho muôn loài vạn vật trên thế gian. Tôi đã nhận thấy sự hiện diện của con số bảy trong tất cả các đền thờ ở khắp nơi tại xứ này, và dãy hành lang lớn trong Kim Tự Tháp cũng có sự biểu lộ của con số bảy một cách rõ ràng và lạ lùng. Bởi đó, thật là một điều tự nhiên mà thấy bảy bậc tam cấp, ngày nay đã sụp đổ, được dựng lên ngoài cổng vào tòa kiến trúc to lớn và hùng vĩ nhất của *Karnak*, tòa đại sảnh đường của đền thờ *Amen-Ra*.

Tôi bước vào và nhìn thấy ngay một cảnh tượng phi thường: chín hàng cột trụ đá khổng lồ chen nhau



Ánh nắng mặt trời rọi xuống những trụ đá khổng lồ, tạo thành một cảnh tượng độc đáo... - Ảnh chụp của Francis Frith vào khoảng năm 1856

xuất hiện trước mắt tôi. Ánh nắng mặt trời rọi xuống cảnh tượng đó, tạo thành một hình ảnh độc đáo mà tôi chưa từng thấy bao giờ. Mỗi cây cột trong số một trăm hai mươi hai cây cột trụ đều cao đến hai mươi một mét và đổ xuống một cái bóng dài trên nền đá đã loang lổ nhiều nơi. Những cột trụ đá trắng ấy dựng lên chom chồm như một đạo binh khổng lồ, chu vi mỗi cột có đến mười thước tây! Thật là kinh khủng, một kỹ thuật kiến trúc đại qui mô không tiền khoáng hậu, vĩ đại vô cùng! Một rừng cây cổ thụ khổng lồ bằng đá trên một diện tích một trăm thước bề rộng, thật là một điều rất... Ai Cập!

Tòa đại sảnh đường này phần lớn được xây cất vào triều đại vua *Seti*, chính vị *Pharaoh* này cũng đã xây dựng ngôi đền *Abydos* là nơi tôi đã được hưởng một sự yên tĩnh lạ thường. Nhưng ở đây thì cái ấn tượng hùng tráng, oai vệ ngự trị khắp cả. Nó kêu gọi hình ảnh của một thời đại đã tàn, mà người ta đã từng thực hiện được một công trình vĩ đại như thế.

Vua *Seti* đã không sống được lâu để hoàn thành công trình sáng tạo khổng lồ này. Chính đại đế *Ramsès* đã tiếp tục công trình ấy. Ông dùng những khối đá của vùng đồi núi *Aswan* để tạc thành những cây cột trụ to lớn của sảnh đường. Bằng lối kiến trúc đại qui mô đó, cổ nhân đã dụng ý khai phóng tâm

hồn cho con người thấy những viễn ảnh rộng lớn hơn, làm cho con người thoát ly ra khỏi cái vòng chật hẹp nhỏ nhen của những tham vọng thường tình, gây nguồn cảm hứng cho những hoài bão to lớn và chí nguyện cao cả, mở rộng tầm nhận thức và nung nấu chí khí để làm nên những việc vĩ đại phi thường.

Nói tóm lại, đứng trước cảnh tượng này, người ta dường như ai cũng muốn được giống như vị minh quân *Ramsès* ngày xưa, người đã xây dựng nên những ngôi đền to lớn vĩ đại rồi thiết lập chung quanh đó những thành thị kiểu mẫu, nơi đó người ta có thể sống trong ánh sáng của những hoài bão thanh cao và những lý tưởng siêu việt.

Trời đã sắp sửa về chiều. Tôi còn dừng bước ở nán lại, trong khi mặt trời sắp lặn tỏa ra khắp vùng những ánh hào quang rực rỡ đủ màu. Cuộc hành hương của tôi đã kết thúc. Toàn thể cảnh vật gồm những đền miếu sụp đổ hoang tàn, những cánh đồng và bãi sa mạc chung quanh nhuộm bao nhiêu màu sắc dồi dào phong phú của bóng hoàng hôn ở vùng nhiệt đới, đã đem đến cho tôi một niềm phúc lạc thâm trầm say sưa, lâng lâng thoát tục. Cái thú vị thần tiên của chốn này thật thấm thía đậm đà, nó thấm nhuần vào người chúng ta giống như sương mù bao phủ trên sông, một cách từ từ mà ta không hề

hay biết, cho đến khi ta nhận thấy rằng nó đã hiện diện ở khắp chung quanh ta.

Nếu người ta không có một tâm hồn tinh vi, tế nhị, thì người ta còn thấy gì hơn trong những ngôi đền sụp đổ này, ngoài những đồng gạch đá, cát sỏi và bụi bặm? À, phải chứ, trong sự chiêm ngưỡng những nơi cổ tích hùng vĩ này, chúng ta hãy biết tìm thấy những ấn tượng khác nữa, để khi trở về ta sẽ thấy rúng động đến tận tâm hồn, trong lòng tràn ngập một niềm sùng kính thiêng liêng, ý thức được cái vẻ đẹp huy hoàng và sự trang trọng tôn nghiêm nó vẫn còn phảng phất và tồn tại mãi với thời gian.

Bầu không khí vắng vẻ hoang vu của *Karnak* đã đem đến cho tôi một điều ích lợi rất lớn. Tôi đã có thể đắm mình trong sự im lặng thần tiên của nó để thụ hưởng được nhiều lạc thú tâm linh luôn luôn đổi mới. Thời đại hiện nay không giúp cho chúng ta biết hưởng cái thú ngồi cô đơn một mình. Thế hệ cơ giới ngày nay không còn để cho ta thưởng thức cái vui trong im lặng. Tuy nhiên, tôi tin rằng dù sao thì mỗi ngày chúng ta cũng cần phải có một sự ẩn dật tạm thời, phải biết dành ít nhiều thời gian cho một sự trầm tư vắng lặng. Chính bằng cách đó mà người ta có thể khôi phục lại sự bình an của cõi lòng, và nguồn cảm hứng tốt lành sẽ trở về với những tâm hồn chán nản.

Đời sống của xã hội hiện nay giống như một nồi nước được nấu sôi lên sùng sục và con người chỉ biết lẫn xả vào trong đó. Mỗi ngày, người ta càng mất đi sự gắn gũi thân mật với chính bản thân mình và lại càng gắn gũi thân mật nhiều hơn với cái nồi nước đang sôi đó! Sự suy tư trầm lặng hằng ngày đem đến những kết quả dồi dào cho sinh hoạt tâm linh. Nhờ đó mà người ta có được sự cương nghị trong những giờ phút quyết định, sự can đảm dám sống một cuộc đời độc lập không tùy thuộc vào dư luận của một số đông người, và sự ổn định tinh thần giữa tất cả những cơn loạn động ồn ào của cuộc đời thế tục.

Đời sống hiện đại có cái tác động tệ hại nhất là làm nhụt đi khả năng suy tưởng thâm trầm của con người. Trong sự náo động âm ĩ của một thành phố lớn, ai còn có thể tạm dừng đôi phút để nhớ lại rằng đời sống nội tâm của mình đang đi đến chỗ tê liệt? Họ chỉ biết rằng họ đang vội vàng gấp rút, thế thôi! Nhưng luật tự nhiên không hề gấp rút vội vàng. Nó đã phải cần đến bao nhiêu triệu năm mới hình thành được cái kiểu mẫu vừa yếu đuối vừa loạn động như con người thời nay. Và rất có thể rằng nó sẽ phải đợi chờ đến một thời kỳ mà con người biết sống một cuộc đời bình dị hơn, yên tĩnh và trầm lặng hơn, để có thể thoát ra khỏi tình trạng đọa lạc và đau khổ mà họ đang tự chuốc lấy. Chừng đó, con người mới

có thể nhìn vào cái nguồn cội thâm sâu của mọi tư tưởng thiêng liêng đã bị vùi lấp đi trong sự náo động cuồng loạn mà nhân loại đã từng lao vào trong cuộc sống hằng ngày.



Những cuộc thăm viếng của tôi vào ban đêm tại *Karnak* là những chuyến đi thích thú nhất, nhất là vào đêm trăng rằm. Màn đêm Ai Cập bao phủ những ngôi đền cổ với một ánh trăng huyền ảo, nó hé lộ cho ta thấy những khía cạnh thú vị, và che khuất phần còn lại trong một bóng tối thích hợp với những nơi đền miếu thâm nghiêm này.

Trong những chuyến hành hương về đêm, tôi đã dùng nhiều phương tiện di chuyển khác nhau, mà tất cả đều làm cho tôi thích thú. Tôi đã đi thuyền buồm ngược dòng sông *Nile* nhờ xuôi theo chiều gió thổi mạnh, hoặc cưỡi lạc đà, hoặc dùng xe ngựa đi theo con đường mòn cũ kỹ, với ít nhiều tiện nghi.

Nhưng trong đêm trăng rằm như đêm nay, tôi thấy không gì thích thú hơn là đi bộ, và tôi đã chậm rãi vượt qua quãng đường hai hay ba dặm bằng chân như các vị tăng lữ thời xưa, dẫu trong những ngày lễ long trọng rực rỡ của xứ cổ Ai Cập.

Một ánh trăng bạc rọi xuống lớp bụi trắng dày đặc bao phủ con đường mòn mà tôi đi qua. Thỉnh thoảng, những con dơi lớn vỗ cánh trên không và kêu to rồi bay mất dạng. Ngoài ra không còn tiếng động nào khác nữa. Một sự im lặng thâm trầm chiếm lấy cả vùng chung quanh cho đến khi tôi bước chân đến làng *Karnak*. Trên con đường làng, thỉnh thoảng tôi gặp một vài người đi lưạ thưa, tay xách một ngọn đèn lồng nhỏ ánh sáng lập lòe. Những ánh đèn dầu khi mờ khi tỏ chiếu ra ngoài những cửa sổ hai bên đường. Thỉnh thoảng, tiếng chân người làm cho vài con chó cật tiếng sủa vang. Đến đầu đường, tôi thấy nhô lên trước mặt tôi cái cổng đèn màu bạc của vua *Ptolémée*, giống như một tháp canh khổng lồ gìn giữ mặt ngoài của ngôi đền lớn mà nóc nhọn vươn lên trên nền trời xanh thẫm.

Vì là ban đêm nên cổng đèn đã bị ngăn lại bằng một bức rào. Tôi đánh thức người gác cổng đang ngủ trong một cái chòi tranh gần bên, ngọn đèn pin chói sáng của tôi làm cho anh ta phải nheo cặp mắt đỏ ngầu còn đang ngái ngủ. Sau khi anh ta đã mở cổng cho tôi bước vào, tôi đưa cho anh ta một món tiền thù lao để đền bù việc làm anh ta thức giấc lúc nửa đêm, và anh ta để cho tôi đi lại tự do.

Tôi bước qua sân đền và ngồi trong vài phút giữa đồng đá tảng ngỗn ngang của một cái cổng thứ nhì đã sụp đổ. Cổng này ngày xưa đứng ở chỗ cuối sân trước khi đưa vào gian phòng đại sảnh đường. Tôi suy tư một lúc về sự cao cả huy hoàng xưa kia của đền thờ *Amen-Ra* ngày nay đã suy tàn.

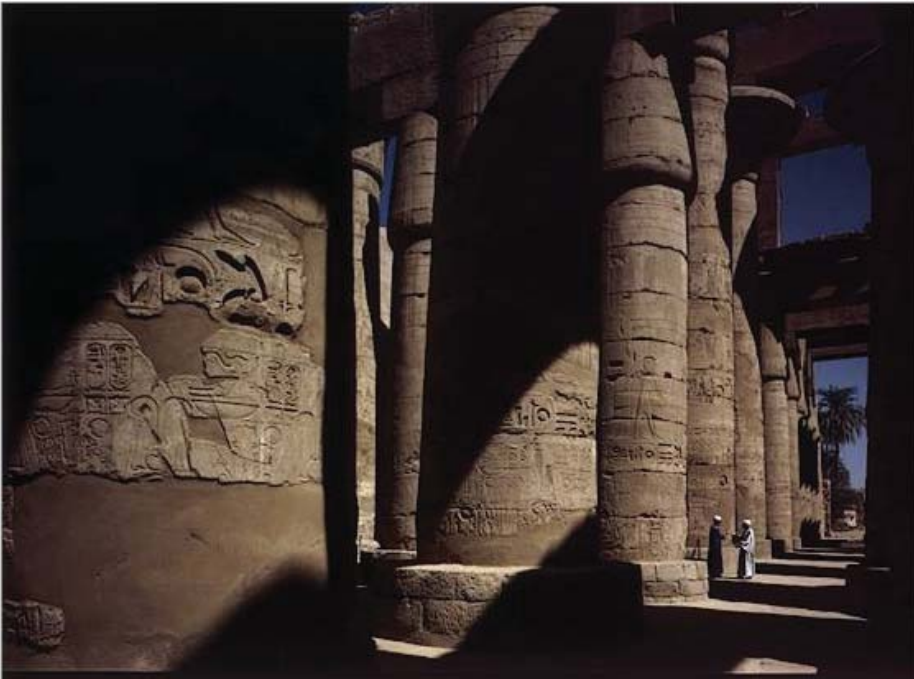
Một lúc sau tôi đã đứng giữa những cột trụ hùng vĩ và những cảnh tượng loang lổ điêu tàn của tòa đại sảnh đường. Ánh trăng khuya soi xuống các cột trụ, tỏa xuống nền đất những bóng đen dày, làm cho những hàng ám tự khắc trên cột ẩn hiện chập chờn khi mờ khi tỏ. Tôi tắt ngọn đèn pin để thưởng thức cái đẹp của đêm trăng đang làm cho toàn thể ngôi đền đượm nét ảo huyền như cảnh mộng.

Trước mặt tôi là cây trụ thạch tiễn (*obélisque*) của nữ hoàng *Hatshepsut*, vươn mình lên cao giống như một cây kim khổng lồ bằng bạc. Tôi vừa từ từ bước đi trong bóng tối mờ ảo đến nơi thánh điện ở phía sau những dãy cột trụ khổng lồ của đại sảnh đường, thì tôi có cảm giác mơ màng dường như có một sự hiện diện nào đó ở bên tôi. Hay là ở đây không phải chỉ có một mình tôi?

Tuy nhiên, ít nhất cũng đã mười lăm thế kỷ trôi qua kể từ khi những người sùng tín không còn đặt chân đến nơi đền miếu hoang tàn này nữa. Những

tượng thần bằng đá bị sứt mẻ cũng chịu đựng trong sự im lặng cô đơn đó đã từng bấy nhiêu lâu. Tôi cũng biết rằng ở xứ Ai Cập ngày nay không có một người nào còn sự tin tưởng và truyền bá nền tôn giáo cổ. Vậy tại sao tôi lại cảm thấy có sự hiện diện của người sống ở chung quanh tôi, trong ngôi đền đã chịu sức tàn phá của thời gian và đắm chìm trong sự im lặng của nhà mồ?

Tôi rọi đèn pin khắp nơi, soi khắp các cột trụ cùng vách tường, những đồng gạch đá sụp đổ ngổn ngang



Những trụ đá khổng lồ dưới ánh trăng huyền ảo

và những thềm đá sứt mẻ, cũng không thấy có dấu vết của một bóng người nào.

Tôi lại rảo bước tiến tới, một mình cô quạnh trong đêm khuya, nhưng vẫn không sao thoát khỏi cái cảm giác ám ảnh đó. Đêm tối luôn mang theo những sự sợ hãi rùng rợn đến với nó, luôn làm tăng thêm sự sợ sệt của người ta, dẫn cho lúc đầu đó chỉ là những sự e ngại nhỏ nhặt nhất.

Tôi đã từng chấp nhận và mến yêu những đêm ám áp và yên tĩnh của xứ Ai Cập mà cái thú vị thần tiên đã thâm nhập vào người tôi. Nhưng đêm nay thì lại khác hẳn! Những ngôi đèn sụp đổ tàn tạ này khoác lấy dưới ánh trăng huyền ảo những nét hầu như rùng rợn. Tôi ý thức được một cảm giác bức rức khó chịu dưới ảnh hưởng của giờ đêm khuya khoắt và của nơi chốn này. Tại sao?

Tôi đi lần theo con đường lát đá cũ đưa đến những ngôi kiến trúc điêu tàn ở về hướng bắc, và đến cái miếu nhỏ thờ thần *Ptah*. Tôi đi qua cái sân hẹp có nhiều cột và qua một cửa khác, tôi đã bước vào thánh điện. Một ánh trăng rọi vào một trong những bức tượng kỳ lạ nhất của *Karnak*, đó là pho tượng nữ thần *Sekhmet*, với thân thể một nữ nhân mang đầu sư tử. Truyền thần thoại Ai Cập gán cho nữ thần này vai trò trừng phạt và tiêu diệt nhân loại.

Tôi ngồi xuống một bậc thềm đá, và ngắm ánh trăng soi xuống những bức tường đổ nát. Từ xa xa vọng lại tiếng kêu rùng rợn của một con chó rừng săn mồi. Tại đây, trong trạng thái thụ cảm, tôi lại cảm thấy trong lòng tôi có cái ấn tượng về một sự hiện diện vô hình, pha lẫn với sự sợ sệt hoang mang. Phải chăng những vong hồn của các vị tăng lữ thời xưa, của những đám đông tín đồ tôn sùng hãy còn lờn vờn ở chung quanh những nơi đền miếu cổ xưa này? Hay họ vẫn còn khẩn vái cầu nguyện thần *Ptah*, tay cầm một linh tượng tượng trưng cho quyền lực và sự ổn định? Phải chăng vong hồn các vị tăng lữ và vua chúa thời xưa nay vẫn còn phảng phất trong những tòa đền đài cổ của họ, như những hình bóng sống động, tuy không còn thể chất?

Tôi tình cờ nhớ lại câu chuyện lạ lùng mà tôi được nghe thuật lại do một người bạn, một viên chức người Anh làm việc cho chính phủ Ai Cập tại *Cairo*.

Người bạn tôi đã gặp một thanh niên dòng quý tộc ở Anh quốc đến Ai Cập trong vài tuần để du ngoạn và xem thắng cảnh. Đó là một thanh niên vô tư lự, chỉ biết ưa thích sự xa hoa vật chất. Từ Louqsor, anh ta đến *Karnak* vào một buổi trưa và chụp một bức ảnh tòa sảnh đường của đền thờ *Amen-Ra*. Khi tấm hình được rửa xong, anh ta lấy làm ngạc nhiên khi nhìn thấy trong đó có hình một vị đại tư tế Ai Cập,

đứng dựa lưng vào một cột trụ đá, hai tay khoanh trước ngực. Anh ta cảm thấy rung động trong tâm hồn đến nỗi tâm tính anh ta hoàn toàn thay đổi. Kể từ khi đó, người thanh niên này chăm chỉ khảo cứu học hỏi về các hiện tượng thần bí và các vấn đề tâm linh.

Tôi vẫn ngồi yên trên thềm đá, không còn muốn đứng dậy. Lúc ấy tôi đã đắm chìm trong một cơn suy tư triền miên không dứt, giữa những hình tượng cảm lạng của các vị thần. Nửa giờ trôi qua như thế, kể đó tôi bước vào một trạng thái mơ màng. Một tấm màn dường như rơi xuống che phủ tầm nhìn của tôi. Tất cả sự chú ý của tôi đều tập trung vào một điểm ở khoảng giữa hai chân mày. Sau đó, một luồng ánh sáng kỳ diệu phi thường, không hề thấy ở trần gian, bao phủ lấy tôi. Trong ánh sáng đó, tôi thấy một người đàn ông màu da sậm, vai rộng và cao, đứng gần một bên tôi. Khi tôi ngẩng mặt lên để nhìn người ấy thì y cũng quay mặt lại và ngó ngay tôi. Tôi run rẩy dưới cơn xúc động, khi tôi nhận ra y. Vì người ấy không phải ai xa lạ mà chính là... tôi!

Phải, người ấy có một khuôn mặt giống như của tôi bây giờ, nhưng y mặc y phục của xứ Ai Cập thời cổ. Đó không phải là bậc vương giả hay một người dân thường, mà là một tăng lữ với một cấp bậc nào

đó, mà tôi nhận ra ngay do cái mũ và chiếc áo. Luồng ánh sáng lan rộng một cách mau chóng chung quanh người ấy và lan ra tận phía sau, cho đến khi nó bao trùm một cảnh tượng diễn ra bên một bàn thờ: nhân vật trong linh ảnh của tôi bắt đầu cử động và từ từ tiến đến chỗ bàn thờ. Khi đến nơi, ông ta bèn chấp tay cầu nguyện thì thầm... Khi ông ta bước đi, tôi cũng bước đi; khi ông ta cầu nguyện, tôi cũng cầu nguyện, không phải như một người ngoài cuộc đi kèm theo một bên, mà như chính tôi cũng là người ấy.

Một linh ảnh mâu thuẫn: trong đó tôi vừa là khán giả lại vừa là diễn viên. Tôi nhận thấy người ấy đang đau xót đến tận đáy lòng, vì tình trạng xú sở của mình. Người ấy động mỗi thương tâm vì nhìn thấy xú sở Ai Cập của mình đang lâm vào cảnh suy tàn. Trên hết mọi sự, người ấy đang đau khổ mà nhìn thấy nền tôn giáo thiêng liêng của mình đang lọt vào bàn tay như bản của những kẻ bất lương tàn bạo. Trong cuộc cầu nguyện, người ấy luôn khẩn cầu các vị thánh thần hãy ra tay cứu vớt nền chân lý cho dân tộc của mình. Nhưng sau cùng, cơn buồn thảm của người ấy vẫn không vơi đi, vì không nhận được một lời đáp ứng nào và hiểu ra rằng sự suy tàn của Ai Cập là một

điều không thể cứu vãn. Người ấy bèn lui ra trong cơn thất vọng, nét mặt ưu tư, lòng buồn rười rượi.

Ánh sáng ấy trở lại, vị tăng lữ đã biến mất cùng với cái bàn thờ. Tôi vẫn ngồi trơ một mình, trầm lặng suy tư gần bên đèn thờ *Ptah*, một lần nữa. Lúc ấy tôi cũng đang mang nét mặt ưu tư, lòng buồn rười rượi... Phải chăng đó chỉ là một giấc mơ, do cái khung cảnh đặc biệt chung quanh tôi lúc ấy gây nên? Phải chăng đó là sự tưởng tượng cuồng loạn của một khối óc suy tư? Phải chăng đó là sự thoát thai của một ý nghĩ tiềm tàng gây nên bởi lòng tha thiết của tôi đối với dĩ vãng? Phải chăng đó là do nhãn quang thần bí khiến cho tôi nhìn thấy vong hồn của một vị tăng lữ thật sự đã xuất hiện ở ngay chỗ ấy? Hay phải chăng đó là cái ký ức xa xôi về một tiền kiếp của chính tôi khi xưa ở Ai Cập?

Đối với tôi, vì nhận biết biết rõ sự cảm xúc của tôi đã căng thẳng đến mức độ nào trong khi và sau khi tôi có cái linh ảnh đó, nên tôi chỉ có thể có một câu trả lời. Người khôn ngoan không bao giờ kết luận một cách quá vội vàng, vì sự thật là một cái gì quá mỏng manh mà ta khó nắm chắc. Cổ nhân đã từng nói rằng sự thật nằm ở tận đáy của một cái giếng vô cùng sâu thẳm. Nhưng dù thế nào, tôi cũng phải nhìn nhận rằng tôi chọn trả lời là đúng cho câu hỏi cuối cùng vừa nêu trên.

Nhà bác học *Einstein* đã từ bỏ quan niệm bảo thủ vẫn có từ trước về vấn đề thời gian. Ông đã chứng minh bằng toán pháp rằng người nào có thể quan niệm sự vật theo hệ thống bốn chiều đo, sẽ nhìn dĩ vãng và hiện tại với một tầm hiểu biết khác hẳn với quan niệm thông thường của người đời. Điều đó có thể giúp cho ta hiểu rằng thiên nhiên vẫn giữ một kỷ ức toàn vẹn về dĩ vãng, nghĩa là tất cả những gì diễn biến trong vũ trụ qua hàng bao nhiêu thế kỷ đều vẫn tồn tại trong kỷ ức của thiên nhiên. Do đó tôi mới hiểu ra được bằng cách nào mà trong những cơn thiên định thâm sâu người ta có thể giao cảm một cách bí mật và tự nhiên với cái kỷ ức đó.

CHƯƠNG 11

TÔI GẶP MỘT VỊ CHÂN SƯ

Chách vài dặm về phía tây bờ sông *Nile* ở *Louqsor*, một dãy đồi màu nâu sậm tách khỏi nền trời, ngăn cách vùng thung lũng phì nhiêu với vùng sa mạc *Lybie*. Dãy đồi này che khuất một trướng núi khô khan dưới ánh nắng như thiêu đốt của mặt trời, không một ngọn cỏ mọc, toàn là đá tảng và cát nóng. Không một sinh vật nào sống tại đó, chỉ trừ các loài rắn rết và bò cạp.

Đó là vùng nghĩa địa chôn xác chết của thành *Thèbes* thuở xưa, ngày nay đã mất tích. Nhiều xác ướp hầy còn nguyên vẹn đã được bốc ra khỏi những hầm hố tối tăm và đem trưng bày trước mắt công chúng tại những viện bảo tàng lớn bên Âu Mỹ. Tôi đang sưu tầm khảo cứu về nhiều vấn đề trong những ngôi lăng tẩm và những ngôi đền lộ thiên ở cách thung lũng này chừng vài dặm, và trong những dấu vết còn sót lại của thành *Thèbes* cổ xưa vừa mới được đào xới lên khỏi mặt đất ở ven miền sa mạc phía tây.

Để thực hiện những chuyến đi thám hiểm đó từ *Louqsor*, không có phương tiện di chuyển nào tốt hơn

là một con lừa, vì giống lừa có một bước đi vững chắc, biết tìm đường vạch lối đi xuyên qua những tảng đá lởm chởm, tránh những đá sỏi bén nhọn và những bờ vực thẳm.

Đó là những cuộc du hành lý thú, do đó tôi có dịp thỏa mãn sự khao khát hiểu biết, tìm tòi những tài liệu cổ về những pháp môn bí truyền và những hoài bão tâm linh của thành *Thèbes* cổ xưa nay đã bị chôn vùi dưới mặt đất. Tôi cũng đã ghi nhận những dấu vết huyền linh còn sót lại trong bầu không khí của vài ngôi mộ cổ, hãy còn chưa xóa mờ cái ảnh hưởng của sự suy tàn và kiệt quệ tâm linh đã làm cho dòng dõi của một dân tộc kiêu hùng và cao cả của thời xưa rơi vào bàn tay ô uế của những kẻ thực hành khoa bùa môn tả đạo.

Trong một chuyến du hành thám hiểm đó, tôi đã gặp một bậc dị nhân và có dịp đàm đạo với ngài. Trước hết, tôi đã do dự không muốn tường thuật lại câu chuyện trao đổi giữa chúng tôi, bởi vì tôi không thể kiểm chứng bằng những cuộc sưu tầm riêng những điều mà ngài đã tuyên bố, và bởi vì những điều ấy có thể làm cho cái thế hệ hoài nghi của chúng ta ngạc nhiên, hoặc đem bậc dị nhân ấy ra làm một đề tài giễu cợt, và lẽ tất nhiên là có cả tôi vì tôi đã cho rằng những chuyện hoang đường như thế có thể đem tường thuật lại cho quý độc giả.

Tuy nhiên, tôi đã cân nhắc dẫn đo hơn thiệt, và tôi thấy cần phải thuật lại. Hơn nữa, đó là ý muốn của bậc dị nhân ấy. Ngài muốn tôi công bố điều mà hình như ngài cho là quan trọng đối với thế hệ hiện tại.

Tôi đã sâu tầm trong những ngôi mộ cổ trên thung lũng từ sáng sớm đến quá trưa. Để trở về nhà nhanh hơn, tôi đi theo con đường tắt vượt qua các ngọn đồi và tránh con đường vòng quanh xa lắc dưới đồi. Lên đến đỉnh đồi, tôi bước xuống đất để cho con lừa nghỉ mệt một lúc vì nó đã thở hổn hển. Thừa dịp đó, tôi ngắm nhìn phong cảnh hùng vĩ ngoạn mục ở xa xa, trải ra đến tận chân trời.



Những Kim Tự Tháp vô cùng đồ sộ nhưng vẫn là nhỏ bé giữa bầu trời rộng và mặt đất phủ cát mênh mông

Đỉnh ngọn đồi này cao hơn tất cả các ngọn đồi khác, và ngự trị khắp vùng đồng bằng ở chung quanh. Màu cát vàng của sa mạc tương phản rõ rệt với màu xanh tươi của đồng ruộng đã được tưới nước. Một sự yên tĩnh lạ thường bao trùm khắp cả và thấm nhuần vào người tôi với một nguồn cảm hứng tâm linh dồi dào. Người ta có thể cảm thông với thiên nhiên một cách tuyệt diệu không đâu hơn ở chỗ này.

Bốn bề hoàn toàn im lặng, tôi cảm thấy hình như tôi đã cắt đứt mọi sợi dây liên lạc với thế giới bên ngoài. Tôi vừa quay lại và đi vài bước thì chính lúc đó tôi nhìn thấy một người lạ mặt. Người ngòì xếp bằng hai chân trên một tảng đá mà người đã cẩn thận trải lên đó một mảnh vải lót. Đầu bịt khăn trắng, hai bên mép tai để lộ mái tóc đen huyền có điểm bạc.

Người ngòì yên bất động, và dường như đắm chìm trong sự chiêm ngưỡng cảnh vật thiên nhiên dưới tận chân đồi. Tác người hơi nhỏ, với đôi bàn chân nhỏ, người mặc một chiếc áo xám đen rộng, dưới cằm có một chòm râu ngắn. Người có vẻ trạc độ tứ tuần. Tôi không nhìn thấy đôi mắt người trước khi người quay mặt về phía tôi. Khi tầm nhãn quang của người phóng về cặp mắt tôi, tôi cảm thấy một cách khó tả rằng tôi đang đứng trước một người phi thường.

Sự gặp gỡ này chắc chắn là sẽ in sâu mãi vào ký ức tôi. Trên gương mặt đặc biệt ấy, trước hết đôi mắt đã làm cho tôi bị lôi cuốn một cách lạ lùng. Đó là một đôi mắt lớn, hình bầu dục cân đối hoàn toàn, đẹp và trong sáng. Tròng trắng tinh anh tương phản rõ rệt với tròng đen như huyền làm cho đôi mắt có một nét thâm trầm thoát tục. Chúng tôi im lặng nhìn nhau trọn hai phút đồng hồ. Cái phong độ oai nghi và trang trọng trên nét mặt của người này làm cho tôi cảm thấy rằng tôi nên giữ lễ mà không mở lời trước. Tiếc thay, tôi không thể nhớ những gì người đã nói trước tiên, vì trí óc của tôi hình như bị bao phủ trong một lớp sương mờ trước khi người bắt đầu cất tiếng.

Một bộ phận bí mật nào thành linh hoạt động trong người tôi, khiến cho tôi nhìn thấy một linh ảnh đặc biệt. Tôi thấy quay tít trước mắt tôi một cái luân xa chiếu ánh sáng rạng ngời, những sự trói buộc của thể xác hình như tách rời khỏi nơi tôi và tôi đã rơi vào một trạng thái tâm thức siêu việt, phi phạm. Khi cái linh ảnh đó chấm dứt, thì người lạ mặt đang nói chuyện với tôi. Tôi định tĩnh tinh thần thì mới hiểu rằng lúc ấy tôi vẫn đang đứng đó, trên đỉnh ngọn đồi cao nhất vùng *Thèbes* và một cảnh tượng hoang vắng cô liêu đang diễn ra trước mắt và ở chung quanh tôi.

Tôi bèn cất tiếng chào người lạ mặt bằng thổ ngữ Ả Rập. Người đáp lại bằng tiếng Anh với một giọng rất đúng. Nếu lúc ấy tôi nhắm mắt lại, có lẽ tôi đã tưởng đó là giọng nói của một người Anh tốt nghiệp đại học *Oxford* hay *Cambridge* chứ không thể là của một người phương Đông mặc áo rộng!

Trước khi tôi định nói câu gì đó để vào đề thì như bị thúc đẩy bởi một sức mạnh bên trong, tôi cất tiếng nói:

– Thưa ngài, tôi chắc ngài đã biết rằng tôi vừa trải qua một kinh nghiệm khác thường khi tôi vừa đứng đây, ở bên cạnh ngài.

Và tôi bèn diễn tả cái linh ảnh lạ lùng khi nãy. Người lạ nhìn tôi một cách mơ màng, rồi hơi nghiêng đầu và nói một cách thần nhiên:

– Phải, tôi hiểu.

Tôi nói tiếp:

– Tôi rất thụ cảm đối với những ảnh hưởng huyền linh, vì điều ấy đến với tôi trong khi tôi được tiếp xúc với ngài, nên nó làm cho tôi tin rằng ngài có những quyền năng lạ lùng.

Đôi mắt của người ấy lại nhìn tôi một cách chăm chú. Sau một lúc ngài nói:

– Chính tôi đã cố ý gây cho ông cái kinh nghiệm

đó. Tôi muốn rằng nó đem cho ông một thông điệp không lời. Thật đúng như vậy.

– Ngài muốn nói chi?

– Tôi muốn cho ông nhận ra cái pháp vị của tôi trước đã.

Thật đúng như tôi đã nghĩ. Tôi đã nhận thấy nơi người lạ mặt này tất cả những ấn chứng rõ rệt về cái quả vị cao cả của một đạo gia siêu thoát. Dầu cho tôi không có cái kinh nghiệm lạ lùng vừa rồi, chỉ cần nhìn vào đôi mắt của người cũng đủ cho cái cảm tưởng của tôi được xác nhận bằng trực giác. Đôi mắt huy hoàng cao cả ấy bắt buộc người ta phải chú ý và khâm phục. Đôi mắt lớn, sáng ngời phóng những tia nhìn mạnh mẽ oai nghiêm, và khi người nhìn tôi, thì đôi mắt ấy đứng yên một chỗ rất lâu.

Khi tôi nói chuyện với người, tôi cảm thấy đôi mắt ấy vừa có cái quyền năng soi thấu mọi sự vừa có mãnh lực thôi miên. Đôi mắt ấy thấu suốt và ngự trị linh hồn tôi. Đôi mắt ấy vạch trần những điều bí ẩn trong tâm hồn tôi và làm cho tôi trở nên thụ động trước mãnh lực của chúng. Tôi nói:

– Thật là một diễm phúc bất ngờ cho tôi, người duy nhất mà tôi được gặp ở nơi thanh vắng này lại là một đấng cao cả ở quả vị của ngài.

Người lạ mặt đáp:

– Thật vậy sao? Riêng tôi, tôi không ngạc nhiên. Thời giờ đã điểm cho cuộc gặp gỡ của chúng ta hôm nay, giữa ông và tôi. Không phải là do sự tình cờ mà ông vừa nói chuyện với tôi. Tôi nói cho ông biết, một nhân duyên thích hợp hơn là sự ngẫu nhiên tình cờ đã dẫn đến cuộc gặp gỡ của chúng ta.

Tôi lắng nghe mà trong lòng hồi hộp trông chờ những gì sẽ đến. Những tư tưởng trong đầu tôi xáo trộn. Tôi đã phải làm một cố gắng để tự trấn tĩnh và nắm vững tình hình. Tâm hồn tôi lúc ấy thấm nhuần một sự tôn kính tự nhiên đối với một người có trình độ tâm linh cao cả như thế.

Khi ấy, người lạ mới nói cho tôi biết bằng cách nào định mệnh con người khiến cho người nọ gặp gỡ người kia trên bước đường đời dưới sự thúc đẩy của những mãnh lực vô hình, bằng cách nào những sự trùng hợp ngẫu nhiên bề ngoài thật ra là kết quả sự diễn biến của một sợi dây nhân duyên nối liền nhiều khoen đã kết hợp nhau từ trước và có tác dụng gây nên những kết quả nhất định.

Người ấy còn nói với tôi nhiều điều khác nữa, và thản nhiên đề cập đến mình, người tự giới thiệu một cách khách quan và không chút tự hào rằng người là một vị chân sư. Người nói:

– Đó là danh từ mà tôi thích dùng hơn mọi danh từ khác, nó thích hợp với người xưa, kể cả người cổ Ai Cập, và nó cũng thích hợp với tôi. Ngày xưa, một chân sư được mọi người biết và quả vị của người được thế gian nhìn nhận. Ngày nay, người ta không biết đến nữa, và sự hiện diện của người là một đề tài gây nên những sự châm biếm mỉa mai. Nhưng bánh xe tiến hóa vẫn quay luôn, thế kỷ này phải nhìn nhận rằng luật tiến hóa tâm linh vẫn hoạt động không ngừng, và không khỏi tạo nên những người có thể hoạt động tự do trong thể chất tâm linh tuy họ vẫn mang thể xác phàm.

Tôi cảm thấy người lạ nói có lý. Đúng vậy, quả thật đó là một trong những bậc siêu nhân mà truyền thống Đông phương vẫn thường nói đến, một trong những vị chân sư đã từng tham dự trong đại đoàn Chưởng giáo và biết rõ những điều huyền diệu của cảnh giới tâm linh mà người trần gian không hề được biết. Thay vì để cho bị phiền nhiễu bởi thế gian ô trược, các ngài âm thầm hoạt động trong vòng im lặng và bí mật. Khi nào thấy cần tiếp xúc với người đời, các ngài thường dùng các đệ tử làm trung gian. Những vị này đôi khi cũng phải chịu đựng sự chỉ trích cùng tiếng thị phi của kẻ phàm phu tục tử.

Vị chân sư này cho biết rằng người có thể trao đổi tư tưởng với những vị chân sư khác tùy theo ý muốn

và dầu ở cách xa bao nhiêu trong không gian. Người nói thêm rằng, một vị chân sư có thể tạm thời sử dụng thể xác của một người khác, thường là thể xác của một vị đệ tử, bằng một phương pháp gọi là nhập xác, nghĩa là linh hồn vị chân sư nhập vào thể xác của đệ tử, vị này sẵn sàng hiến dâng thể xác mình một cách thụ động. Chân sư nói với một nụ cười nhỏ nhẹ:

– Tôi đến đợi ông ở đây. Ông là văn sĩ, mà tôi thì có một thông điệp để nhắn nhủ với người đời. Ông sẽ ghi chép thông điệp ấy do tôi nói cho ông viết, vì đó là việc quan trọng. Cuộc gặp gỡ của chúng ta hôm nay chỉ là phần đầu thôi đấy, ông *Paul Brunton*.

Tôi thụt lùi lại vì ngạc nhiên. Làm sao ngài biết được tên tôi? Thật đúng là các chân sư có quyền năng đọc được tư tưởng người khác dầu rằng ở cách rất xa. Tôi mạo muội hỏi ngài:

– Tôi có thể được biết quý danh của ngài chăng?

Chân sư im lặng một lúc và nhìn phong cảnh ở đằng xa. Tôi nhìn gương mặt cao quý của ngài và đợi câu trả lời. Sau cùng ngài nói:

– Được, nhưng chỉ để ông biết riêng mà thôi, chứ không phải để ông viết vào trong sách. Tôi không muốn tiết lộ tên thật của tôi. Ông hãy gọi tôi là *Ramak-Hotep*. Đó là một tên Ai Cập thời cổ và tôi

ngờ rằng các nhà Ai Cập học hiện đại có thể hiểu rõ ý nghĩa của nó. Theo tôi nó có nghĩa là “bình an”. Xứ Ai Cập không phải là quê hương của tôi. Hiện nay, quê hương của tôi là toàn thể thế giới. Tôi đã từng châu du khắp cả năm châu bốn bể. Tôi chỉ mang cái thể xác của một người phương Đông, còn về tinh thần thì tôi không tùy thuộc một xứ nào nhất định. Tâm hồn tôi thuộc về sự bình an!

Ngài nói khá nhanh với một giọng hùng hồn mạnh mẽ, nhưng rõ ràng là ngài hoàn toàn tự chủ lấy những xúc cảm của mình. Trong khoảng trên một tiếng đồng hồ, chúng tôi nói chuyện về các vấn đề tâm linh, ngồi trên đỉnh đồi dưới ánh nắng mặt trời nóng gay gắt, nhưng tôi không thấy khó chịu vì chân sự và câu chuyện của ngài chiếm trọn cả tâm hồn tôi. Ngài nói về những vấn đề liên quan đến thế giới bên ngoài và những vấn đề khác chỉ có liên hệ đến một mình tôi. Ngài đưa cho tôi những chỉ dẫn rõ ràng, và dạy tôi những pháp môn đặc biệt về sự tu luyện cá nhân để đạt tới một trình độ tâm linh và giác ngộ cao hơn trình độ của tôi hiện giờ. Ngài nói một cách thành thật, và thậm chí cũng nghiêm khắc chỉ trích những sự lầm lạc cá nhân đã gây một vài chướng ngại trên bước đường tu tập của tôi.

Sau cùng, ngài hẹn gặp lại tôi vào ngày hôm sau, gần một nơi thánh điện trên bờ sông *Nile*, trong đền

thờ *Louqsor*. Kế đó, vẫn không rời khỏi chỗ ngồi trên tảng đá, ngài từ biệt tôi và lấy làm hối tiếc rằng ngài không thể kéo dài cuộc đàm luận với tôi vì ngài đang rất bận rộn và có nhiều việc phải làm trong lúc ấy. Tôi lấy làm tiếc mà phải đứng dậy ra về và tạm biệt chân sư, vì cuộc đàm đạo với ngài thật vô cùng thú vị và hấp dẫn. Nó có phong vị gây nguồn cảm hứng và nâng cao tâm hồn.

Đường đi xuống chân đồi dốc đứng và trơn trượt, tôi phải đi bộ xuyên qua những tảng đá lớn, một tay tôi cầm dây cương dắt con lừa. Xuống đồng bằng, tôi liền cưỡi lên lưng lừa và quay lại một lần cuối để nhìn lên đỉnh đồi hùng vĩ. Chân sư *Ramak-Hotep* vẫn chưa đứng dậy ra về mà vẫn ngồi yên trên đỉnh đồi hoang vắng. Ngài có thể làm gì ở đó, tuy “*rất bận rộn*” nhưng vẫn ngồi yên như pho tượng? Ngài sẽ còn ngồi ở đó chẳng, khi màn đêm rơi xuống bao phủ lấy trọn dãy đồi *Lybie*?

CHƯƠNG 12

THÔNGIỆP CỦA CHÂN SƯ

Như đã hẹn, cuộc gặp gỡ lần thứ hai giữa chúng tôi diễn ra trong cảnh hoang tàn của đền *Louqsor*. Tôi ngồi trên một tảng đá dài có khắc đầy ám tự bên cạnh chân sư, ngài cũng ngồi xếp bằng hai chân và nhìn tôi. Quyển sổ tay của tôi đã mở sẵn, tôi cầm bút ngồi đợi, sẵn sàng ghi chép thông điệp của chân sư bằng phương pháp tốc ký.

Chân sư *Ramak-Hotep* không phí thời giờ với những lời khách sáo rườm rà, ngài vào đề một cách đột ngột:

– Những người khai quật các mộ mả của xứ cổ Ai Cập đã giải tỏa những sức mạnh nguy hiểm cho thế gian. Những nhà khảo cổ cũng như những kẻ đào mộ để cướp của, đã vô tình khai quật mộ mả của những kẻ ngày xưa thực hành khoa tả đạo bàng môn. Trong thời kỳ cuối cùng của lịch sử Ai Cập, những người

thuộc thành phần trí thức và tầng lớp đã sa đọa rất nhiều, người ta thực hành công khai những tà thuật ma giáo và pháp môn phù thủy. Khi ánh sáng chân lý, đầu tiên được phổ biến trong nền tôn giáo chân chính cổ Ai Cập, bắt đầu lu mờ, và những tà thuyết dị đoan ngày càng lộng hành, người ta thấy xuất hiện việc tẩm xác ướp với tất cả những nghi lễ phiền toái kèm theo. Tuy nhiên, phía sau những tà giáo đã bày ra sự thực hành việc tẩm xác người với những mục đích ám muội, đen tối và tà vạy, còn có một chi phái chủ trương việc ướp xác để duy trì một sự liên lạc lâu bền với cõi hồng trần.

Lúc ban đầu thì khoa ướp xác này chỉ áp dụng cho những vị thánh vương của hoàng kim thời đại, của thời kỳ tiền sử Ai Cập và cho những vị đạo trưởng đã tiến hóa cao về phương diện tâm linh, là những bậc thầy chân chính của nhân gian, để cho thể xác đã thấm nhuần thần lực thiêng liêng của các ngài vẫn còn tồn tại lâu bền và làm phương tiện trung gian ban rải ân phúc cho thế gian. Từ đó mới nảy sinh ra sự thờ phụng tổ tiên, những thi hài được tẩm ướp chất thơm chỉ là để theo một nghi lễ chánh thức nhằm mục đích để cho con cháu biết mặt những tổ tiên đã qua đời.

Thật ra đó là sự bất chước sai lạc cách thực hành khoa ướp xác thời cổ Ai Cập để giữ gìn những di tích

thánh thiện của các vị thánh vương và tăng lữ chân tu. Vì trong thời gian tàn tạ suy vong trở về sau, khi xứ này đã mất đi nguồn ánh sáng tâm linh chân chính, và người ta dùng tà thuật để kêu gọi những sức mạnh hắc ám của cõi âm ty, những người trí thức trong giới tăng lữ và giai cấp cầm quyền chỉ định rằng người ta phải ướp xác của họ sau khi chết. Người ta thực hành việc ướp xác này, hoặc vì mục đích dùng tà thuật hắc ám, hoặc vì sợ mất linh hồn trong cõi địa ngục mà họ sẽ bước vào sau khi chết, hoặc vì ngu dốt chỉ biết làm theo tập tục của số đông.

Trong hầu hết mọi trường hợp, trước khi chết mỗi người đều lo sắp đặt mọi việc và đã chuẩn bị sẵn ngôi mộ của mình từ khi còn sống. Khi đã sắp đặt xong thì đương sự hoặc một vị tăng lữ thông thạo khoa pháp môn mới kêu gọi một âm binh hay quỷ thần, có khi là một vị thần tốt lành nhưng thường thì là thần hung ác, để bảo vệ trông nom cái xác ướp của y và làm thần canh gác giữ mồ. Để bảo vệ những xác ướp đó, lúc đầu những ngôi mộ được che giấu một cách kỹ lưỡng và sau đó người ta tuyên bố với công chúng rằng người nào động chạm đến các mồ mả sẽ bị các thần linh trừng phạt một cách nặng nề kinh khủng. Dân chúng tin theo lời cảnh cáo đó và những mồ mả được tôn trọng suốt một thời gian rất lâu.

Nhưng vì các tầng lớp và giới cầm quyền càng ngày càng sa đọa nhiều hơn nên dân chúng lần lần không còn tin tưởng như trước nữa. Từ đó việc khai quật mồ mả diễn ra một cách công khai để cướp lấy vàng ngọc châu báu thường được chôn theo những xác ướp của những nhân vật quyền quý thời xưa. Trong trường hợp xác ướp là của một người có ít nhiều hiểu biết về khoa pháp môn hoặc đặt dưới sự trông nom của các nhà phù thủy, thì những vị thần linh được kêu gọi để giữ gìn mồ mả và trừng phạt những kẻ đào mồ. Những phù phép bí mật đó thường là vô cùng nguy hiểm nhưng rất hiệu nghiệm. Những mảnh lực thần bí của nó vẫn có trong những ngôi mộ khép chặt và có thể tiếp tục tồn tại ở trong đó suốt nhiều ngàn năm. Bởi vậy những nhà khảo cổ vô tình khai quật những mồ mả đó sẽ chuốc lấy những điều tai họa hiểm nghèo.

Nhưng nếu cơ nguy đó chỉ hãm dọa sự an toàn tính mạng của các nhà khảo cổ và gia đình họ mà thôi thì điều mà tôi muốn nói đây không có gì quan trọng lắm. Trái lại, vấn đề này có liên hệ đến sự an toàn của toàn thể thế giới. Đó là vì trong số những ngôi mộ của các nhân vật quyền quý và tầng lớp mà người ta khai quật lên, có những mồ mả được đặt dưới sự giữ gìn và bảo vệ nói trên. Từ trong các ngôi mộ đó, hằng hà sa số những âm binh ác quỷ bị giam

hãm trong ấy từ lâu, bèn kéo ra tràn đầy khắp nơi ở cõi thế gian. Mỗi xác ướp được bốc ra và chở về những viện bảo tàng bên Âu Mỹ có mang theo những vị thần linh cùng với cái ảnh hưởng khốc hại của nó. Điều đó chỉ có thể đem đến cho thế giới những hậu quả tai hại, hậu quả với những tính chất khác nhau, thậm chí có thể gây một ảnh hưởng phá hoại đối với vận mệnh các quốc gia.

Những người Tây phương vì không có phương pháp tự vệ chống lại nên đành chịu bất lực trước những kẻ vô hình đó. Khi thế giới chúng ta hiểu rằng có nhiều thần linh hung ác bị nhốt trong những ngôi mộ cổ, thì chừng đó có thể đã là quá trễ. Vì lúc đó tất cả các mồ mả đều đã bị khai quật và những hung thần ác quỷ đã thoát ra khỏi mồ. Chúng có thể gây nhiều điều ác hại cho thế gian, và ngoài ra chúng còn gây nên những vụ phản bội trên lãnh vực quốc tế. Sự mù quáng của con người đối với những luật thiên nhiên không vì thế mà không đem sự đau khổ cho những kẻ vi phạm. Không biết gì về những mãnh lực khốc hại của khoa pháp môn phù thủy không phải là một lý do để tránh cho thế kỷ này khỏi bị cái hậu quả trừng phạt dành cho những kẻ đột nhập vào những chốn thâm nghiêm, một hành động tò mò không cần thiết chút nào cho họ.

Những hung thần ác quỷ đó, được tạo nên bằng phương pháp phù thủy, đã được giải tỏa trong thế kỷ hiện tại một số khá đông đủ để gây nên sự khủng hoảng cho thế giới. Chúng hành động từ cảnh giới vô



Xác ướp vua Ramses II hiện đã bị khai quật và mang ra trưng bày

hình, nhưng cũng rất gần với cõi thế gian, đủ để ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người trần gian.

Chúng tôi là những người luôn quan tâm đến sự tiến hóa tâm linh của nhân loại, có thể triệt hạ những mãnh lực hắc ám đó trên địa hạt của chúng, nhưng luật nhân quả ngăn cản chúng tôi tiêu diệt chúng, cũng như chúng tôi không thể ra tay giết bỏ những người trong nhân loại dù biết là họ đang gây hại rất nhiều cho kẻ khác. Chúng tôi chỉ có thể giới hạn sự can thiệp trong việc che chở cho những người tốt lành.

Những vật gì mà người ta lấy ra từ trong các ngôi mộ cổ cùng với những xác ướp, vàng ngọc, bùa chú, y phục... đều có thấm nhuần cái ảnh hưởng thần bí của ngôi mộ. Nếu ảnh hưởng đó không phải do người ta đã dùng phù phép trấn ếm quỷ thần thì việc khai quật mồ mả không có hậu quả gì, còn nếu ngôi mộ có thần linh gìn giữ thì việc đào mồ cướp của sẽ gây nên tai họa hiểm nghèo. Những nhà khảo cổ và Ai Cập học trái lại, thường không biết rõ điều đó và không biết phân biệt những ngôi mộ nào là có phù phép trấn ếm và ngôi mộ nào là không, nên họ khai quật luôn cả thứ nọ cũng như thứ kia.

Nhưng dù người ta có biết hay không, tôi cũng muốn đưa ra cho thế giới một thông điệp này: “*Chớ*

nên động chạm đến các ngôi mộ cổ mà người ta không hiểu được tính chất hiển linh huyền bí của nó.” Người đời phải dừng tay lại ngay, không nên khai quật các mồ mả cho đến khi nào họ có được sự hiểu biết đầy đủ để nhận định được những hậu quả khốc hại của điều mà họ muốn làm.

Phần nhiều các vị vua chúa Ai Cập đều có ít nhiều quyền phép, với những ý đồ tốt hoặc xấu, vì họ được các vị tăng lữ pháp sư truyền dạy. Lúc đầu, người ta chỉ dùng những phép thuật ấy để tự vệ hoặc để trừ gian và bênh vực kẻ yếu, nhưng khi xứ Ai Cập đã mất đi những lý tưởng cao thượng của nó, thì người ta bắt đầu lạm dụng những pháp thuật này. Chẳng hạn, nhà phù thủy dùng tà thuật để ám hại kẻ thù ở cách xa, hoặc chế ngự, khuất phục người khác để thực hiện những tham vọng cá nhân của mình. Người ta cũng dùng những pháp thuật đó để sai khiến âm binh canh gác và giữ mồ. Việc khai quật những ngôi mộ cổ Ai Cập có thể đặt kẻ vi phạm dưới ảnh hưởng khốc hại của những mãnh lực huyền bí vô hình. Dẫu cho đó là ngôi mộ của một vị hiền minh và có pháp thuật cao cường, thì thế gian cũng có thể bị ảnh hưởng lây và chịu sự trừng phạt đau khổ vì đã làm động mồ mả của một đấng thánh nhân.

Tuy nhiên, những đồ bảo vật bị lấy trộm ở ngôi mộ đó sẽ không gây hậu quả tai hại, mà trái lại sẽ

có một ảnh hưởng tốt lành. Nhưng nếu người sở hữu bảo vật ấy có một tâm địa bất hảo, thì họ sẽ không thừa hưởng được một ân huệ tốt lành nào cả, mà ân huệ này chỉ dành cho những người hiền lương và có tâm địa thanh cao. Đó là do ảnh hưởng tâm linh trường cửu lâu bền của một vị vua đạo đức có một tâm hồn cao quý hồi thuở sinh tiền.

Vua *Toutankhamon* là một trường hợp tiêu biểu cho những vị vua đó. Người có một sự hiểu biết thâm sâu về khoa huyền môn và một tâm hồn đạo đức. Sự khai quật ngôi mộ của vị vua này đã gây tai họa cho những người đào mồ và theo một cách khó hiểu, cho cả thế giới bên ngoài. Trong những năm tới đây, thế giới còn phải đau khổ nhiều và phải chịu hậu quả những sự xúc phạm mồ mả của những bậc tiền nhân thời cổ Ai Cập.

Tuy nhiên, những sự khó khăn về vật chất sẽ đưa đến một sự lợi ích về tinh thần. Bởi đó, tôi lặp lại, những người muốn tìm kho tàng ẩn giấu, hoặc do sự thúc đẩy của một sự tò mò quá đáng hơn là một tinh thần khảo cứu khoa học thật sự, mà muốn thám hiểm vào tận những nơi cổ kính có phù phép trấn ếm linh thiêng, sẽ không tránh khỏi tai họa hiểm nghèo. Nhưng ngày nào mà người ta còn được phép đến gần để viếng thăm hay chiêm ngưỡng những

ngôi mộ đó, thì những kẻ nào làm kinh động đến mồ mả sẽ mắc phải những tai họa khôn lường.

Hồi thời thượng cổ, trung tâm chánh yếu của khoa pháp môn phù thủy vẫn là Ai Cập. Ngày nay, những sức mạnh thần bí đã được phát động trong quá khứ vẫn còn có ảnh hưởng đến dân tộc và xứ sở Ai Cập, và hậu quả có khi lành khi dữ. Hậu quả đó có thể là những bệnh tật, chẳng hạn như bệnh ung nhọt lở loét, một hậu quả của những mãnh lực phù phép tà vạy luôn luôn gây tác động trong xứ và ảnh hưởng đến những người dân Ai Cập thời bấy giờ.

Vậy ông hãy ghi chép và truyền bá những lời cảnh cáo này. Bây giờ ông đã hiểu lý do của sự gặp gỡ giữa chúng ta. Dầu cho chúng ta có bị sự chống đối, khinh bị do sự dốt nát vô minh của người đời, ta cũng làm xong bổn phận mình, bổn phận của tôi, và nếu ông muốn, đó sẽ là bổn phận của ông. Định luật thiên nhiên vốn không tha thứ sự vô minh, dốt nát, nhưng trong vấn đề này, thậm chí đến cái lý lẽ đó người ta cũng không được viện ra để tự bào chữa cho mình.

Thông điệp của chân sư *Ramak-Hotep* đã chấm dứt. Tôi đã ghi chép lại đúng y nguyên văn và trình bày nơi quyển sách này.